



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - KỲ I - 3/2021



**SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI
DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA**



**TỪ 01/3/2021, TIẾN HÀNH
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021
TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC**



**DOANH NGHIỆP VIỆT NỖ LỰC VƯƠN LÊN,
TẠO BỨT PHÁ TRONG NĂM 2021**



**VACCINE COVID-19
VÀ NHỮNG CUỘC CHẠY ĐUA TOÀN CẦU**

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 3/2021 (593) Ra hàng tháng. Năm thứ 60

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hội nghị tập huấn Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 cho Tổ công tác các cơ quan Trung ương và điều tra viên sự nghiệp khối Trung ương

2. Tổng cục Thống kê làm việc với Viettel về nghiên cứu các nền tảng phân tích dữ liệu

3. Hội thảo Định hướng phát triển thống kê xã hội và môi trường tại Việt Nam đến năm 2045

6. Sự cần thiết phải sửa đổi danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

TS. Nguyễn Thị Hương

8. Từ 01/3/2021, tiến hành Tổng điều tra kinh tế năm 2021 trên phạm vi cả nước

10. Những nội dung đổi mới trong điều tra doanh nghiệp năm 2021

12. Điều tra doanh nghiệp năm 2021 những thuận lợi, khó khăn trong triển khai thực hiện

14. Tổng điều tra kinh tế năm 2021 tại Bình Định: Hoạch định chiến lược phát triển

17. Thống kê Việt Nam thời kỳ 1976 - 1986 mở rộng phạm vi hoạt động trên cả nước

KINH TẾ - XÃ HỘI

21. Tình hình kinh tế - xã hội 2 tháng đầu năm 2021

24. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 2 năm 2021

25. An toàn, an ninh mạng thực hiện sứ mệnh quan trọng trong chuyển đổi số quốc gia

Bích Ngọc

28. Bảo đảm an toàn nợ công tạo dư địa cho chính sách tài khóa

Minh Thư

30. Dấu ấn cải cách hành chính của Việt Nam qua một thập kỷ (Giai đoạn từ 2011-2020)

TS. Hoàng Thị Thu Thủy

34. Doanh nghiệp Việt nỗ lực vươn lên, tạo bút phá trong năm 2021

ThS. Lê Thị Huyền Trang

37. Tiếp tục đón chờ dòng FDI vào bất động sản

ThS. Lê Thị Loan - ThS. Nguyễn Thu Hiền

39. Phát triển công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam

Thu Hiền

42. Da giày Việt Nam - Nỗ lực vượt khó, kỳ vọng phát triển

Thu Hòa

44. An sinh xã hội cho lao động di cư

Duy Hưng

47. Việt Nam trước thách thức an ninh nguồn nước

Minh Đạt

50. Tin địa phương

QUỐC TẾ

51. Vaccine Covid-19 và những cuộc chạy đua toàn cầu

Quang Vinh

Giá: 24.000 đ



HỘI NGHỊ TẬP HUẤN

TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ VÀ ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021 CHO TỔ CÔNG TÁC CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐIỀU TRA VIÊN SỰ NGHIỆP KHỐI TRUNG ƯƠNG

Thực hiện Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021, Quyết định 1344/QĐ-BKHĐT ngày 3/9/2020 về việc ban hành Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2021, sáng ngày 24/2/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Bộ Nội vụ đã tổ chức Hội nghị tập huấn Tổng điều tra kinh tế (TĐTKT) và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 cho Tổ công tác các cơ quan Trung ương và điều tra viên sự nghiệp khối Trung ương. Phó Tổng cục trưởng TCTK, Ủy viên Ban Chỉ đạo TĐTKT Trung ương Nguyễn Trung Tiến chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện các bộ, ngành cơ quan Trung ương, đại diện lãnh đạo thành viên Tổ công tác, các điều tra viên sự nghiệp khối Trung ương; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK;

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến nhấn mạnh, cuộc TĐTKT năm 2021 là 1 trong 3 cuộc TĐT hết sức quan trọng do ngành Thống kê thực hiện. Đây là cuộc TĐT có quy mô rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đối tượng điều tra khác nhau như: Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng... Kết quả của cuộc điều tra sẽ là căn cứ quan trọng để thực hiện thành công các nhiệm vụ lớn của Bộ, ngành và của Chính phủ về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Vì vậy, việc tổ chức Hội nghị



tập huấn TĐTKT và điều tra cơ sở hành chính năm 2021 cho Tổ công tác các cơ quan Trung ương và điều tra viên sự nghiệp khối Trung ương có ý nghĩa quan trọng trong quá trình chuẩn bị triển khai TĐT. Thông qua Hội nghị nhằm giới thiệu, hướng dẫn các bộ, ngành thuộc cơ quan Trung ương về việc cung cấp thông tin điều tra cơ sở hành chính năm 2021 và bắt đầu từ ngày 1/3/2021 các bộ, ngành cơ quan Trung ương sẽ truy cập vào trang web điều tra cơ sở hành chính năm 2021 để cung cấp thông tin về cơ sở hành chính tại các bộ, ngành cơ quan Trung ương và cung cấp thông tin các đơn vị sự nghiệp của Trung ương.

Để Hội nghị tập huấn đạt kết quả tốt, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến đề nghị các giảng viên truyền đạt các tài liệu về nghiệp vụ và công nghệ thông tin khoa học, giải đáp thỏa đáng các thắc mắc của đại biểu. Đối với các đại biểu tham dự Hội nghị, cần tập trung nghiên cứu thảo luận về các nội dung được trình bày tại Hội nghị qua đó nắm vững những nội dung cơ bản,

từ đó tham mưu cho lãnh đạo cơ quan tiến hành tổ chức thành công TĐTKT và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021.

Tại Hội nghị tập huấn, các đại biểu đã nghe trình bày và tập trung thảo luận về các nội dung như: (1) phương án điều tra cơ sở hành chính; (2) Hướng dẫn phần mềm thu thập thông tin điều tra cơ sở hành chính; (3) Giới thiệu quy trình rà soát đơn vị hành chính, sự nghiệp; nội dung, phương pháp thu thập thông tin phiếu sự nghiệp; (4) giới thiệu phần mềm thu thập thông tin phiếu sự nghiệp.

Kết thúc Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến nhấn mạnh điểm mới của cuộc TĐTKT năm 2021 là thay đổi hình thức thu thập thông tin theo hướng áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào điều tra do đó sẽ tạo thuận lợi hơn cho công tác điều tra. Phó Tổng cục trưởng TCTK bày tỏ mong muốn sau hội nghị sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm hợp tác chặt chẽ của các đại biểu để cuộc TĐTKT năm 2021 thành công tốt đẹp./.

M.T

TỔNG CỤC THỐNG KÊ LÀM VIỆC VỚI VIETTEL VỀ NGHIÊN CỨU CÁC NỀN TẢNG PHÂN TÍCH DỮ LIỆU



Thực hiện Quyết định số 501/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn 2030, sáng 23/2/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã có buổi làm việc với Viettel về nghiên cứu các nền tảng phân tích dữ liệu cho TCTK.

Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chỉ đạo buổi làm việc. Tham dự buổi làm việc có các Phó Tổng cục trưởng Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến, đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc TCTK và các đại diện của đơn vị Viettel.

Phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, hiện nay TCTK đã và đang từng bước hoàn thiện hệ thống nền tảng phân tích dữ liệu của Ngành một cách thống nhất và đầy đủ, phù hợp với sự phát triển CNTT hiện nay. Tuy nhiên, trong thời gian tới để có thể đảm bảo tốt nhất an toàn an ninh mạng khi nguồn dữ liệu thông tin được cập nhật, chia sẻ giữa các bộ, ngành, doanh nghiệp ngày càng lớn thì ngành Thống kê cần phải hoàn thiện và đặc biệt lưu ý tính bảo mật và an toàn an ninh

hơn nữa. Do đó, các đơn vị đối tác cần tìm ra giải pháp tổng thể để có thể khai thác, tìm hiểu và xây dựng phương án, giải pháp về nền tảng phân tích dữ liệu mang lại hiệu quả đồng thời phù hợp hiện trạng của Ngành.

Tại buổi làm việc, Viettel đã trình bày về Nghiên cứu nền tảng phân tích dữ liệu cho TCTK. Nội dung trình bày của Viettel bao gồm: Hiện trạng, nhu cầu của TCTK; Xu hướng của thế giới; Giải pháp cho TCTK với phương án thiết kế tổng thể, mô tả các lớp Data lake, phương án giám sát vận hành, phương án đảm bảo an toàn thông tin, hạ tầng trung tâm dữ liệu. Trong đó, tập trung vào định hướng phát triển nền tảng dựa theo Quyết định 501/QĐ-TTg để xây dựng Hệ thống thông tin thống kê nhà nước và CSDL thống kê quốc gia tập trung; Ứng dụng big data trong thống kê (di cư nội địa, du lịch, vận tải...); Sử dụng phiếu điều tra điện tử trong Tổng điều tra thống kê; Tích hợp dữ liệu hành chính (lĩnh vực Thuế, Hải quan, Kho bạc, BHXH, CSDL bộ, ngành, địa phương).

Buổi làm việc đã dành nhiều thời gian để các đại biểu tham dự đóng góp ý kiến nhằm làm rõ

những nội dung về nền tảng dữ liệu cần thiết và phù hợp với ngành Thống kê. Trong đó, các đại biểu đánh giá cao nghiên cứu của Viettel về việc xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu cho TCTK. Tuy nhiên, để có thể hoàn thành việc xây dựng giải pháp tổng thể cho ngành Thống kê, các đơn vị đối tác và TCTK cần có nhiều trao đổi, làm việc thêm nữa để thống nhất và tìm ra những điểm chung nhằm hoàn thiện nền tảng dữ liệu cho ngành Thống kê.

Kết thúc buổi làm việc, Tổng cục trưởng TCTK đánh giá cao và cảm ơn những chia sẻ, tìm hiểu của Viettel với những nội dung ban đầu về nghiên cứu nền tảng phân tích dữ liệu cho TCTK. Nhấn mạnh về tầm quan trọng trong việc nghiên cứu nền tảng phân tích dữ liệu cho TCTK, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, với hiện trạng nguồn lực hạn chế của Ngành, các đơn vị tư vấn (trong đó có Viettel) cần tìm ra những lợi thế, những nội dung phù hợp để có thể đi đến những hợp tác, phối hợp, đưa ra quy trình phù hợp đảm bảo an toàn an ninh với một khối lượng thông tin lớn của toàn ngành Thống kê. Tổng cục trưởng cũng đồng ý đề xuất giao Cục TTDL xây dựng thiết kế tổng thể về CNTT cho toàn Ngành phù hợp xu hướng thế giới, có giải pháp kết nối với hệ thống CSDL quốc gia. Tiếp đó, Cục TTDL cần có những tổng hợp, báo cáo đánh giá hiện trạng của TCTK, chủ động, phối hợp với các đơn vị tư vấn để có thể sớm đưa ra những giải pháp phù hợp cho ngành Thống kê trong thời gian tới./.

Thu Hòa

HỘI THẢO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2045

Chiều ngày 22/2/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Đại sứ quán Đan Mạch tại Việt Nam đã tổ chức Hội thảo trực tiếp và trực tuyến về Định hướng phát triển thống kê xã hội và môi trường tại Việt Nam đến năm 2045. Bà Nguyễn Thị Hương, Tổng cục trưởng TCTK chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có các Phó Tổng cục trưởng TCTK: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến; các chuyên gia trong và ngoài nước; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK; các bộ, ngành liên quan và một số tổ chức quốc tế.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, ngày 18/10/2011, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong 10 năm qua, Thống kê Việt Nam luôn bám sát vào mục tiêu và nội dung trong chương trình hành động của Chiến lược Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020, chủ động, sáng tạo vượt mọi khó khăn để tổ chức thực hiện thành công Chiến lược.

Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và tiếp tục khắc phục những hạn chế, vượt qua thách thức, khẳng định vai trò của mình trong việc hoạch định các chủ trương, đường lối, chính sách và giám sát, đánh giá quá trình phát triển đất nước, TCTK đang triển khai xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong lộ trình xây dựng Chiến lược giai đoạn mới, việc nghiên cứu xu hướng



thống kê thế giới và xác định các định hướng chính trong Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn tiếp theo là rất quan trọng, đặc biệt là lĩnh vực thống kê xã hội và môi trường.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cũng chia sẻ, việc phân chia rạch ròi ranh giới giữa các hoạt động thống kê kinh tế và các hoạt động thống kê xã hội, thống kê môi trường là rất khó khăn, bởi hầu hết các số liệu thống kê trong các lĩnh vực này đều có mối liên hệ với nhau. Tuy nhiên, vẫn cần phải đánh giá một cách rõ ràng, riêng biệt nhưng đồng thời xem xét trong mối quan hệ tác động lẫn nhau và quan hệ tổng thể, gắn kết giữa các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và môi trường.

Tại Hội thảo, các chuyên gia trong nước và quốc tế đã trình bày một số nội dung quan trọng: Chiến lược Thống kê Việt Nam, các xu hướng quốc tế và kinh nghiệm từ Thống kê Đan Mạch; Chiến lược phát triển Thống kê xã hội và môi trường Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Hội thảo đã nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến từ nhiều

chuyên gia trong nước và quốc tế. Bài trình bày về các xu hướng quốc tế và kinh nghiệm từ Thống kê Đan Mạch của ông Niels Plough - Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và bà Charlotte Juul Hansen, Cố vấn trưởng, tư vấn quốc tế đã nhận được sự quan tâm của các đại biểu. Bài trình bày đã đặc biệt nêu rõ những trọng tâm chiến lược tại Đan Mạch và trọng tâm chiến lược toàn cầu, trong đó nêu rõ tính hiệu quả trong phối hợp với nhà cung cấp hệ thống hành chính khu vực công, tăng cường tính hợp tác với người sử dụng dữ liệu hay việc tiếp cận dữ liệu, cả dữ liệu hành chính và dữ liệu cá nhân... Bài trình bày của chuyên gia Nguyễn Phong, nguyên Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường - Tổng cục Thống kê về Chiến lược phát triển thống kê xã hội và môi trường Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã có những nhận xét, đánh giá khá chi tiết về thực trạng thống kê xã hội môi trường đến năm 2020, trong đó, nêu rõ những hạn chế, bất cập. Chiến lược cũng đưa ra mục tiêu cụ thể, đề xuất quan điểm phát triển và các nhiệm vụ.

Bài trình bày đã nhận được được các góp ý chất lượng của các chuyên gia từ cách thức tiếp cận mục tiêu phát triển đến năm 2030, 2045, đề xuất giải pháp, chương trình hành động, cũng như các vấn đề liên quan đến mục tiêu cụ thể, tính khả thi của các mục tiêu, nhấn mạnh vai trò của sử dụng nguồn dữ liệu từ hồ sơ hành chính...

Kết luận Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương ghi nhận và đánh giá cao những ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự, đồng thời đề nghị đơn vị chủ trì, tổ biên soạn và các đơn vị có liên quan rà soát, bổ sung, tiếp thu những nội dung các đại biểu góp ý tại hội thảo nhằm khẩn trương hoàn thiện nội dung Chiến lược. Bà Nguyễn Thị Hương cũng đặc biệt nêu rõ các đơn vị có liên quan cần rà soát, xem xét định hướng, triển khai các công việc ngay từ năm 2021 và hướng tới năm 2025 trong việc cải thiện các chỉ tiêu về xã hội môi trường; Đồng thời, xây dựng và kiện toàn hệ thống thông tin thống kê quốc gia ở Trung ương, Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố theo hướng kết nối giữa hệ thống thông qua những công cụ, quy định có tính pháp lý; nhấn mạnh yếu tố khai thác dữ liệu từ hồ sơ hành chính với các cơ quan thống kê Nhà nước theo hướng kết nối hai chiều; cần quan tâm đến người sử dụng thông tin... Những yếu tố này cần được thể hiện rõ trong định hướng Chiến lược cụ thể về thống kê xã hội và môi trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045./.

Thu Hường

HỘI THẢO TRIỂN KHAI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ LOGISTICS

Chiều ngày 25/2/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo triển khai xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics. Phó tổng cục trưởng TCTK, Tổ trưởng Tổ Biên tập Nguyễn Trung Tiến chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có các thành viên trong Tổ biên tập và đại diện các Bộ, ngành, các đơn vị liên quan thuộc TCTK.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, TCTK tổ chức xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics và thành lập Tổ biên tập. Cụ thể, ngày 20/10/2020, TCTK tổ chức hội thảo tìm hiểu nội dung, nội hàm về logistics với sự tham dự của các đơn vị liên quan thuộc TCTK và đại diện Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, doanh nghiệp logistics Việt Nam. Để đánh giá mức đóng góp của các hoạt động logistics vào tăng trưởng kinh tế cần thiết phải xác định các hoạt động logistics vào các ngành kinh tế tương ứng trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Theo đó, việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics phải đảm bảo trên cơ sở đủ 5 nguyên tắc, đó là phù hợp với thực tiễn Việt Nam; phù hợp với các tiêu chuẩn của quốc tế; đảm bảo tính khả thi; phục vụ tính đóng góp của logistics vào GDP; phục vụ tính chỉ số hiệu quả logistics (LPI).

Tại Hội thảo, các đại biểu đã nghe một số nội dung cơ bản về: Kế hoạch xây dựng Thông tư quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics; Cơ sở pháp lý và nguyên tắc xây dựng; Một số nội dung chủ yếu về dự thảo danh mục chỉ tiêu thống kê logistics.

Lĩnh vực logistics là tất cả các hoạt động liên quan đến vận tải, kho bãi và hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng hóa; chuyển phát hàng hóa; đóng gói và giám định hàng hóa.

Phạm vi hoạt động của lĩnh vực logistics gồm: 3 ngành cấp 1; 6 ngành cấp 2; 11 ngành cấp 3; 15 ngành cấp 4; 33 ngành cấp 5; 50 ngành cấp 6; 86 ngành cấp 7.

Dự thảo danh mục chỉ tiêu thống kê logistics gồm 9 nhóm với 64 chỉ tiêu trong đó: có 17 chỉ tiêu có trong hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia; 7 chỉ tiêu có trong hệ thống chỉ tiêu ngành Giao thông vận tải; 26 chỉ tiêu thành phần để tính chỉ số hiệu quả logistics; 24 chỉ tiêu đã có nội dung chỉ tiêu theo quy định của Luật Thống kê (là chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia và hệ thống chỉ tiêu ngành Giao thông vận tải).

Về cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp: Bộ Giao thông vận tải thực hiện 25 chỉ tiêu; Bộ Tài chính 12 chỉ tiêu; TCTK 11 chỉ tiêu; Bộ Công thương 8 chỉ tiêu; Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chỉ tiêu; Bộ Thông tin và Truyền thông 2 chỉ tiêu; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 1 chỉ tiêu.

Tại Hội thảo, các đại biểu cũng đã tập trung thảo luận cho ý kiến đóng góp vào nội dung dự thảo xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics. Về cơ bản các ý kiến đánh giá cao nội dung dự thảo xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics của TCTK khi đưa ra khá chi tiết về các nhóm và các chỉ tiêu. Bên cạnh đó, các đại biểu cũng đưa ra một số lưu ý như: Tổng chi phí logistics quốc gia, chỉ số hiệu quả logistics (LPI) và bổ sung nguyên tắc bám sát logistics năm 2015...

Kết thúc Hội thảo Phó tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến đánh giá cao công tác chuẩn bị và đề nghị sau Hội thảo các đại biểu tiếp tục có ý kiến đóng góp bằng văn bản gửi về TCTK để TCTK nghiên cứu, tổng hợp hoàn thiện xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics đảm bảo đúng tiến độ./.

M.T

TỔNG CỤC THỐNG KÊ THAM DỰ TRỰC TUYẾN KỲ HỌP LẦN THỨ 52 CỦA ỦY BAN THỐNG KÊ LIÊN HỢP QUỐC



Tối ngày 01/3/2021 (theo giờ Việt Nam), đoàn làm việc của Tổng cục Thống kê (TCTK) do Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương làm Trưởng đoàn bắt đầu tham dự Kỳ họp lần thứ 52 của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc được tổ chức theo hình thức trực tuyến. Các thành viên trong đoàn làm việc của TCTK có các Phó Tổng cục trưởng: Phạm Quang Vinh, Nguyễn Trung Tiến và đại diện lãnh đạo, chuyên viên một số đơn vị thuộc Tổng cục.

Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc (UNSC) là một ủy ban chức năng của Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc, được thành lập năm 1947 và là cơ quan cao nhất trong các hệ thống thống kê toàn cầu. UNSC tập hợp các Thủ trưởng Cơ quan thống kê quốc gia trên khắp thế giới, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD). Đây là cơ quan ra quyết định cao nhất đối với các hoạt động thống kê quốc tế, xem xét các vấn đề đặc biệt cần quan tâm trong phát triển thống kê quốc tế, các vấn đề phương pháp luận, điều phối và tích hợp các chương trình thống kê quốc tế, hỗ trợ các hoạt động hợp tác kỹ thuật trong thống kê và các vấn đề tổ chức.

Theo quyết định của Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc, UNSC tổ chức họp định kỳ hàng năm tại Trụ sở Liên hợp quốc tại New York, Mỹ bắt đầu từ năm 2000. Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, Kỳ họp lần thứ 52 của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc (UNSC) năm nay diễn ra từ ngày 01-03/3 và 05/3/2021, được tổ chức theo hình thức họp trực tuyến tại gần 160 đầu cầu trên toàn thế giới, dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch gồm 01 Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và 01 Thư ký.

Theo chương trình, các đại biểu tại Kỳ họp lần thứ 52 sẽ thảo luận và quyết nghị 13 nội dung nghiệp vụ, gồm: (1) Dữ liệu và chỉ tiêu về Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; (2) Điều phối các chương trình thống kê; (3) Thống kê kinh tế; (4) Tài khoản quốc gia; (5) Thống kê kinh doanh và thương mại; (6) Hạch toán kinh tế - môi trường; (7) Thống kê di cư; (8) Phát triển thống kê khu vực; (9) Quản lý và hiện đại hóa hệ thống thống kê; (10) Dữ liệu lớn; (11) Phân ngành thống kê quốc tế; (12) Điều tra hộ gia đình; (13) Trình bày và phổ biến dữ liệu và dữ liệu đặc tả. Ngoài ra, Kỳ họp cũng sẽ cung cấp các thông tin liên quan đến 11 lĩnh vực nghiệp vụ khác như:

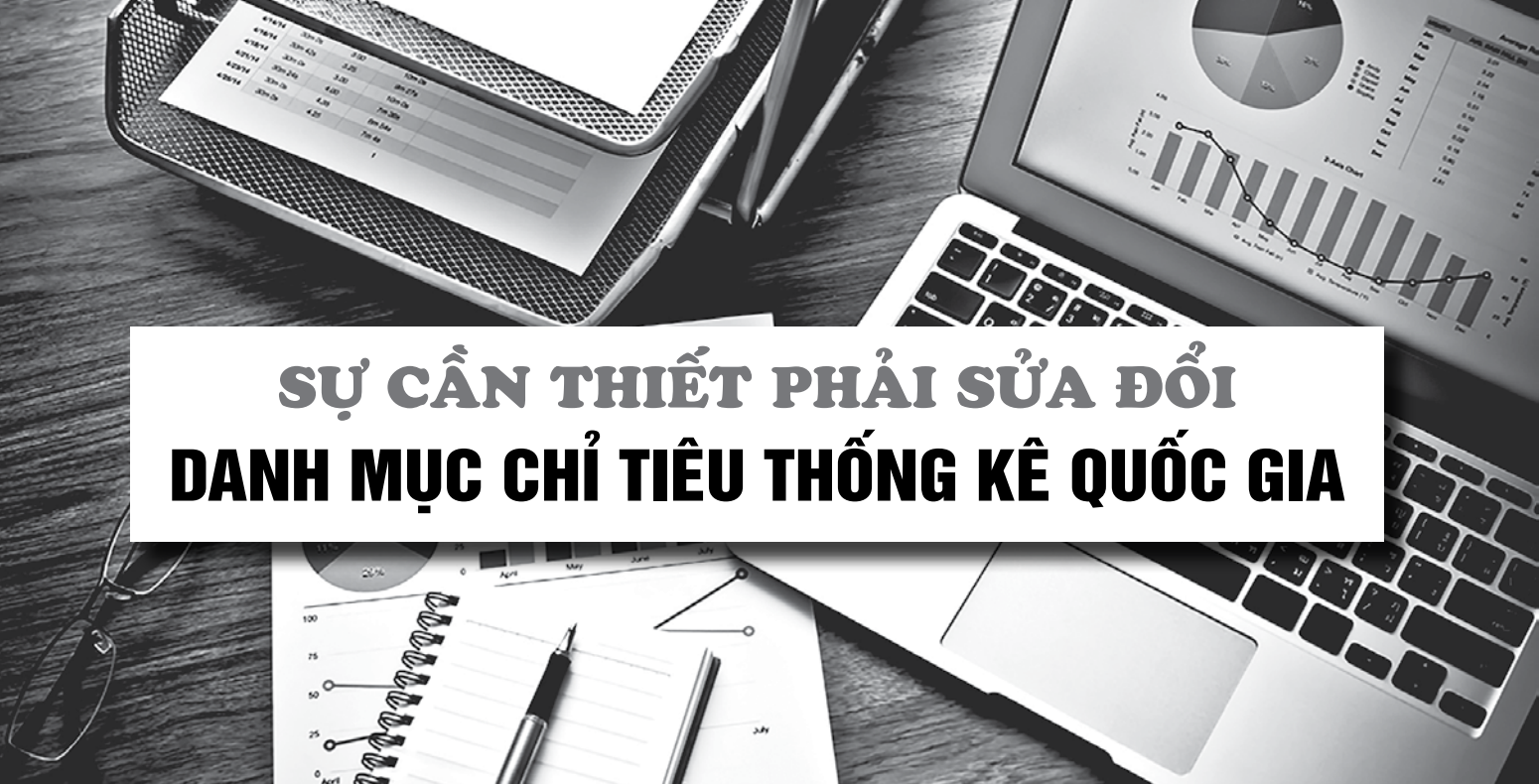
Thống kê nhân khẩu học; Thống kê văn hóa; Thống kê biến đổi khí hậu; Thống kê thiên tai; Chương trình so sánh quốc tế;... Đây là những nội dung quan trọng và mang tính thời sự cao trong giai đoạn thế giới đang đối mặt với những diễn biến bất thường như hiện nay.

Trong khuôn khổ Kỳ họp, trước và sau phiên họp chính thức năm nay còn tổ chức hơn 50 sự kiện bên lề theo hình thức trực tuyến trong khoảng thời gian từ 20/01 đến 11/3/2021. Là một thành viên trách nhiệm và tích cực, Tổng cục Thống kê Việt Nam tham dự hầu hết các cuộc họp bên lề để nắm bắt các thông tin phục vụ cho triển khai hoạt động công tác thống kê trong năm.

Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê cũng tham gia góp ý cho 3 tài liệu của Kỳ họp lần thứ 52 của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc, gồm: (1) Báo cáo của Nhóm công tác cấp cao về Quan hệ đối tác, điều phối và tăng cường năng lực thống kê phục vụ chương trình nghị sự đến năm 2030 về phát triển bền vững; (2) Báo cáo của Nhóm công tác về Thống kê Tài khoản quốc gia; (3) Báo cáo của Nhóm chuyên gia về thống kê kinh doanh và thương mại.

Việc TCTK tham gia vào Kỳ họp lần thứ 52 của UNSC năm nay có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển của Thống kê Việt Nam. Những nội dung được trao đổi tại Kỳ họp là nguồn thông tin quý báu để Thống kê Việt Nam hoàn thiện Hệ thống thống kê quốc gia, phục vụ thực hiện các chủ trương, đường lối đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, góp phần định hướng quá trình xây dựng Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với các xu hướng phát triển của thế giới./.

Bích Ngọc



SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA

TS. Nguyễn Thị Hương

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

Luật Thống kê được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ 10 ngày 23/11/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2016. Sau khi Luật Thống kê được Quốc hội thông qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiều hoạt động để triển khai thi hành Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đến nay, sau gần 5 năm thực hiện cho thấy Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thống kê đã có những tác động tích cực đối với công tác thống kê, thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

- Luật Thống kê đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thống kê; khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của công tác thống kê; vị trí pháp lý của cơ quan thống kê, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thống kê ngày càng được tăng cường;

- Sự phối hợp giữa Cơ quan Thống kê Trung ương với thống kê Bộ, ngành có những bước tiến đáng kể. Công nghệ thông tin - truyền thông đã được áp dụng khá phổ biến trong công tác thống kê;

- Thông tin thống kê đã góp phần không nhỏ vào việc giúp Chính phủ trong công tác hoạch định và điều hành chính sách vĩ mô, thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế của đất nước và giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống kinh tế, xã hội.

Ban hành kèm theo Luật Thống kê là Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm 20 lĩnh vực với 186 chỉ tiêu thống kê. Thực hiện Luật Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã phối hợp với Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đây là cơ sở phân công, phối hợp giữa các

Bộ, ngành trong việc xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê, chế độ báo cáo thống kê và chương trình khác có liên quan đến hoạt động thống kê.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nền kinh tế - xã hội của các cơ quan Đảng và Nhà nước trong thời gian qua ngày càng tăng cao cả về số lượng, chất lượng và độ tin cậy của thông tin thống kê. Cùng với đó, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cũng sử dụng thông tin thống kê ngày càng nhiều và đa dạng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

Mặc dù hệ thống thống kê Nhà nước đã có nhiều đổi mới trong hoạt động và nâng cao năng lực nhưng vẫn còn chậm, bất cập, nhất là về số lượng và chất lượng số liệu thống kê. Các đặc điểm này

tạo nên khó khăn, thách thức yêu cầu cần phải tiếp tục hoàn thiện đối với hệ thống thống kê Việt Nam, nhất là trong xu thế phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước để tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế và phù hợp hơn với điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của đất nước. Trong quá trình thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và các Bộ, ngành liên quan nhận thấy một số hạn chế, bất cập như sau:

1. Một số chính sách pháp luật, mục tiêu đường lối đổi mới của Đảng, Quốc hội, Chính phủ hay các quy định mới của các tổ chức quốc tế được ban hành trong thời gian 05 năm trở lại đây chưa được cụ thể thành chỉ tiêu đưa vào danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia:

Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 27/9/2019 để cập nội dung thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường kinh doanh; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến 2025; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững; Bộ chỉ tiêu đánh giá Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của Liên minh Viễn thông quốc tế; Bộ chỉ tiêu đánh giá Đổi mới sáng tạo toàn cầu của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới;...

2. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia hiện nay chưa phản ánh đầy đủ, kịp thời thực tiễn đang vận động, thay đổi nhanh của đời sống kinh tế - xã hội trong tình hình và nhiệm vụ mới

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm 186 chỉ tiêu phản ánh 20 lĩnh vực. Tuy nhiên, số lượng chỉ tiêu theo từng lĩnh vực khác nhau và chưa phản ánh đầy đủ thực tiễn đang vận động của đời sống kinh tế - xã hội; chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của Chính phủ, của Nhà nước đối với công tác quản lý điều hành đất nước trong quá trình phát triển và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Ví dụ, về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông: Thiếu các chỉ tiêu phản ánh đổi mới sáng tạo toàn cầu, cải thiện môi trường kinh doanh, chuyển đổi số quốc gia, như: Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính, tỷ lệ người sở hữu điện thoại di động, lưu lượng Internet băng rộng,...; thiếu các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, như: Số doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông,...; thiếu các chỉ tiêu phản ánh mức độ ứng dụng công nghệ (chữ ký số),... hay các chỉ tiêu thể hiện năng lực cạnh tranh quốc gia như: Tỷ lệ người dân biết kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông, mức hưởng thụ báo chí bình quân, tỷ lệ người Việt Nam tham gia mạng xã hội...

Một số chỉ tiêu thống kê trong danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia cần được sửa đổi hoặc loại bỏ để phù hợp với thực tiễn, các mục tiêu phục vụ công tác quản lý, điều hành hay thông lệ quốc tế, cụ thể:

- Sửa tên của chỉ tiêu để phù hợp với tình hình thực tế, quy định hiện hành và thông lệ quốc tế. Chẳng hạn, sửa tên chỉ tiêu "0710. Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD)" thành "Tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ" vì tên chỉ tiêu hiện tại không phù hợp với chỉ tiêu tỷ giá mà Ngân hàng Nhà nước đang sử dụng để điều hành chính sách tiền tệ hiện nay.

- Một số chỉ tiêu cần loại bỏ do không phù hợp hoặc có thể lồng ghép vào chỉ tiêu thống kê quốc gia khác, chẳng hạn như:

+ Bỏ chỉ tiêu "0709. Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam và Việt Nam ra nước ngoài" vì chỉ tiêu này đã bao gồm trong cán cân thanh toán quốc tế.

+ Bỏ chỉ tiêu "1405. Chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị" vì hiện nay dữ liệu để tính toán chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị không đầy đủ, không đồng nhất nên việc tính toán chỉ số này không khả thi trong thực tế. Mặt khác, đổi mới công nghệ, thiết bị chỉ là một phần của hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, không mang tính bao quát.

+ Chỉ tiêu "1804. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung" cần được xem xét, lồng ghép vào chỉ tiêu "1805. Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh" và sử dụng phân tổ theo thành thị/nông thôn".

- Nội dung của một số chỉ tiêu trong danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia cần được sửa đổi, điều chỉnh về khái niệm, phương pháp tính, phân tổ, nguồn số liệu, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp để phù hợp với các quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành hiện hành.

3. Chương trình điều tra thống kê quốc gia chưa đáp ứng thu thập thông tin các chỉ tiêu thống kê liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia là cơ sở ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ nhằm thu thập các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Luật Thống kê 2015. Trong thời gian qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng như: Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN; Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam; Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia;... Để đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ biên soạn, tổng hợp chỉ tiêu thống kê thuộc các bộ chỉ tiêu thống kê nói trên thì Chương trình điều tra thống kê quốc gia cần phải sửa đổi, bổ sung nội dung thông tin thu thập vào một số cuộc điều tra thống kê và bổ sung một số cuộc điều tra thống kê mới nhằm bảo đảm thực hiện cam kết giữa Chính phủ Việt Nam và các tổ chức quốc tế cũng như các chỉ tiêu thống kê quốc gia trong tình hình mới. Chính vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia để bảo đảm căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Nhằm khắc phục những hạn chế của danh mục chỉ tiêu thống kê, đồng thời tạo dựng cơ sở pháp lý vững chắc để tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động thống kê; bảo đảm cung cấp thông tin thống kê chính xác, khách quan, kịp thời, phản ánh đúng, đầy đủ tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ góp phần tích cực vào việc phân tích, hoạch định và điều hành chính sách vĩ mô; đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thống kê quốc gia của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế thì việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê là cần thiết và phù hợp với Điều 18 của Luật Thống kê năm 2015 quy định về điều chỉnh, bổ sung danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia. Theo đó, căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước và hội nhập quốc tế trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia theo thủ tục rút gọn./.

Theo Quyết định của Thủ tướng về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021 (Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020), từ ngày 01/3/2021, Tổng cục Thống kê triển khai tổ chức điều tra thu thập thông tin Tổng điều tra kinh tế năm 2021 trên phạm vi cả nước. Đây là cuộc Tổng điều tra được triển khai 5 năm 1 lần, có quy mô lớn và phức tạp của ngành Thống kê.

Theo kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017, các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp của nước ta có xu hướng tăng chậm lại trong khu vực hành chính, sự nghiệp và tăng cao trong khu vực kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp. Cụ thể: Trong tổng số hơn 5,86 triệu đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, khối Doanh nghiệp có tốc độ tăng cao nhất cả về số lượng đơn vị và lao động, với gần 517,9 nghìn doanh nghiệp đang tồn tại và thu hút hơn 14 triệu lao động; Kinh tế tập thể (Hợp tác xã) có 13,6 nghìn đơn vị; Cơ sở SXKD cá thể (không bao gồm cơ sở SXKD nông, lâm nghiệp và thủy sản) có 5,1 triệu cơ sở với 8,7 triệu lao động; Đơn vị hành chính, sự nghiệp phát triển theo hướng tăng nhanh khu vực sự nghiệp; Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng có 42,7 nghìn cơ sở.

Điều đó cho thấy, thực thi chính sách phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2012-2017 đã có hiệu quả tích cực theo hướng sắp xếp, tinh gọn bộ máy quản lý Nhà nước, tạo mọi điều kiện cho khu vực kinh tế (nhất là khối doanh nghiệp) phát triển. Quy mô của nền kinh tế ngày càng mở rộng, số lượng doanh nghiệp tăng mỗi năm, số lượng cơ sở SXKD cá thể lại có xu hướng chững lại và chậm dần. Tổng điều tra kinh tế năm 2017 cũng phản ánh điểm hạn chế đối với khu vực doanh nghiệp, đó là xu hướng nhỏ dần về quy mô lao động bình quân/doanh nghiệp, sự mạnh mún của cơ sở SXKD cá thể và tiến trình xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp còn diễn ra khá chậm. Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng hiệu quả trong các cơ quan Nhà nước, đặc biệt là các cơ quan địa phương.

Sau 5 năm, năm 2020, các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp phát triển thế nào? Kết quả từ Tổng điều tra kinh tế 2021 sẽ trả lời cho câu hỏi này. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, tính đến 31/12/2019, cả nước có khoảng trên 758,6 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, cộng thêm trong năm 2020 có khoảng 134,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới. Những con số đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của DN trong những năm vừa qua. Hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

TỪ 01/3/2021, TIẾN HÀNH TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021 TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC

cũng có nhiều khởi sắc. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 xảy ra trong năm 2020, tiếp diễn vào năm 2021 là những trở ngại không nhỏ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong cả nước, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của từng doanh nghiệp và người dân. Chính vì vậy, triển khai Tổng điều tra kinh tế năm 2021, tuy là việc diễn ra thường xuyên 5 năm 1 lần theo Chương trình điều tra quốc gia do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhưng Tổng điều tra lần này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm thu thập thông tin đầy đủ để thấy rõ bức tranh kinh tế toàn diện của cả nước, sự phát triển của từng khối đơn vị kinh tế thế nào, của từng địa phương, khu vực ra sao. Kết quả thu được từ Tổng điều tra là cơ sở quan trọng để Chính phủ, các Bộ, ban, ngành, các địa phương xây dựng, đề ra các chính sách, giải pháp cụ thể, hữu hiệu nhằm thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 của cả nước, từng ngành và từng địa phương.

Cụ thể, dựa trên kết quả của Tổng điều tra có thể đánh giá sự phát triển về số lượng, quy mô và lao động của các cơ sở kinh tế; kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD); mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; cơ cấu, sự phân bố của các cơ sở và của lao động theo địa phương, theo ngành kinh tế và theo hình thức sở hữu nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Đảng, nhà nước, các Bộ, ngành và địa phương.

Đối với Tổng cục Thống kê, kết quả Tổng điều tra là một trong những cơ sở quan trọng biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước

(GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) và các chỉ tiêu thống kê chính thức của các chuyên ngành thống kê. Đồng thời, để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi năm gốc so sánh, phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội; xây dựng dần mẫu chủ về cơ sở kinh tế cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong giai đoạn tiếp theo của ngành Thống kê, các Bộ, ngành và địa phương.

Đối tượng điều tra là đơn vị kinh tế chỉ đóng tại địa bàn 1 xã và chỉ thực hiện một loại hoạt động kinh tế thuộc ngành kinh tế cấp 3, gồm các loại sau: Cơ sở SXKD doanh nghiệp/hợp tác xã; Cơ sở SXKD cá thể; Cơ sở SXKD thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có hoạt động SXKD; Cơ sở sự nghiệp, hiệp hội; Tổ chức phi chính phủ của nước ngoài tại Việt Nam; Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Đối tượng điều tra không bao gồm: Các cơ quan hành chính, Đảng đoàn thể; Cơ sở sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của hộ; Cơ sở hoạt động thuộc lĩnh vực ngoại giao.

Tổng điều tra thực hiện trên phạm vi cả nước đối với tất cả các đơn vị điều tra thuộc các loại hình kinh tế, ngành kinh tế (trừ ngành 0 - Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc).

Nội dung điều tra tập trung vào các nhóm thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra: Thông tin định danh của cơ sở; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; loại hình hoạt động;

- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động;

- Thông tin về kết quả và chi phí SXKD;

- Thông tin về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin;

- Thông tin về tình hình tiếp cận tài chính, hội nhập kinh tế quốc tế và thông tin chuyên sâu về đơn vị điều tra.

Thời gian thu thập thông tin: Đối với doanh nghiệp, HTX từ ngày 01/3/2021 đến hết ngày 30/5/2021; Đối với đơn vị sự nghiệp, hiệp hội từ ngày 01/3/2021 đến hết ngày 30/4/2021; Đối với hộ SXKD cá thể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/7/2021; Đối với cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/7/2021.

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thực hiện điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu. Điều tra toàn bộ thu thập các thông tin cơ bản; điều tra chọn mẫu thu thập thông tin chuyên sâu về đối tượng điều tra.

Về phương pháp thu thập thông tin: Đối với doanh nghiệp/HTX, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội, đơn vị điều tra thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Tổng điều tra kinh tế 2021. Đối với hộ SXKD cá thể và đơn vị tôn giáo, tín ngưỡng, điều tra viên đến từng đơn vị gặp người cung cấp thông tin (chủ cơ sở) phỏng vấn trực tiếp, kết hợp quan sát để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điều tra điện tử trên thiết bị di động.

Dự kiến, công bố kết quả sơ bộ tháng 12/2021; Công bố kết quả chính thức vào tháng 01/2022./

PV

Điều tra doanh nghiệp 2021 tiến hành thu thập thông tin của toàn bộ doanh nghiệp được thành lập và chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thuộc các ngành kinh tế (trừ ngành hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, đảm bảo xã hội bắt buộc).

Điều tra doanh nghiệp năm 2021 thực hiện trong bối cảnh nhu cầu đối với thông tin thống kê ngày càng cao hơn, mức độ phân tổ chi tiết hơn. Những lợi thế của công nghệ thông tin đòi hỏi các hoạt động thống kê nói chung và Điều tra doanh nghiệp năm 2021 nói riêng cần phải cải tiến, tận dụng những lợi thế công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả của thông tin thống kê trong bối cảnh chung về nguồn lực con người và kinh phí ngày càng hạn chế. Do vậy, việc thiết kế và thực hiện Điều tra doanh nghiệp năm 2021 đòi hỏi phải được cải tiến để thích ứng với những yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới. Một số điểm mới cơ bản trong Điều tra doanh nghiệp năm 2021 như sau:

1. Cải tiến nội dung và số lượng thông tin thu thập

Sử dụng triệt để các dữ liệu hành chính, đặc biệt cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) nhằm giảm thiểu các thông tin yêu cầu thu thập trong điều tra doanh nghiệp năm 2021. Cụ thể: Loại bỏ một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD), tài sản nguồn vốn do thu được từ dữ liệu hành chính; Xác định thông tin về cấu trúc doanh nghiệp từ đó làm cơ sở xây dựng luồng thu thập thông tin đối với từng doanh nghiệp; Thu thập thông tin đối với từng địa điểm SXKD của doanh nghiệp nhằm xác định số lượng cơ sở SXKD và tính toán, phân bổ các chỉ tiêu kinh tế cơ bản đến cấp huyện, cấp xã; Bổ sung thêm thông tin thu thập để đánh giá đầy đủ hơn hoạt động của các đơn vị

NHỮNG NỘI DUNG ĐỔI MỚI TRONG ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2021

dựa trên các sản phẩm chính được sản xuất ra cùng với các nguồn lực đầu vào về vốn, lao động. Một số thông tin chi tiết: phản ánh về giới trong hoạt động SXKD (doanh nghiệp do nữ làm chủ, tổng số lao động là nữ); tham gia chuỗi cung ứng, nhận hỗ trợ của nhà nước,... tại các doanh nghiệp.

Đặc biệt, để phục vụ cho việc đánh giá tình hình và hoạch định chính sách cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia, trong phiếu điều tra toàn bộ của Tổng điều tra đã thu thập thông tin về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Cụ thể, Điều tra doanh nghiệp năm 2021 bổ sung các câu hỏi phản ánh về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động SXKD như: sử dụng phần mềm quản lý, tự động hóa cho sản xuất kinh doanh; sử dụng hình thức thương mại điện tử qua hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trực tuyến; mức độ tiếp cận cách mạng Công nghiệp lần thứ 4. Đồng thời Điều tra cũng đã bổ sung thông tin thu thập về hoạt động đổi mới sáng tạo trong SXKD của doanh nghiệp.

2. Cập nhật và áp dụng khái niệm chuẩn quốc tế về đơn vị cơ sở

Điều tra doanh nghiệp năm 2021 xác định rõ khái niệm về đơn vị điều tra, đối tượng điều tra. Thống nhất về lý luận và áp dụng trong thực tiễn đối với đơn vị điều tra của Tổng điều tra kinh tế 2021 là đơn vị cơ sở theo ngành kinh tế cấp 3 và địa bàn cấp xã. Thông tin được thu thập chi tiết đến đơn vị cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động đến cấp quản lý hành chính nhỏ nhất (cấp xã). Nhờ vậy, đánh giá rõ nét và cụ thể hơn về tình hình sản xuất kinh doanh và sản phẩm đặc thù của từng ngành, từng địa phương, đồng thời đáp ứng

yêu cầu của hệ thống tài khoản quốc gia để biên soạn các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô theo ngành, theo vùng, theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin

Về hình thức thu thập thông tin:

Tổng Điều tra kinh tế 2021 nói chung và Điều tra Doanh nghiệp 2021 nói riêng được xây dựng và thực hiện với việc ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn: từ công tác chuẩn bị, thu thập thông tin, xử lý và công bố kết quả. Cụ thể, sử dụng phiếu điều tra điện tử (phiếu Webform) để thu thập thông tin đối với doanh nghiệp, hợp tác xã. Mỗi doanh nghiệp sẽ được cấp một tên đăng nhập và mật khẩu vào trang web thongkedoanhnghiep.gso.gov.vn để kê khai, trả lời thông tin online hoặc offline.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra thống kê để các doanh nghiệp chủ động, tự giác, đồng thời tiết kiệm thời gian trong việc kê khai thông tin, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian xử lý dữ liệu.

Tích hợp và chiết xuất dữ liệu từ các Bộ, ngành:

Dữ liệu điều tra của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung của chương trình điều tra doanh nghiệp 2021. Sau đó, dữ liệu được làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra chung cho tất cả các ngành, các địa phương và cả nước.

Xây dựng bài giảng điện tử trong tập huấn nghiệp vụ:

Điều tra Doanh nghiệp 2021 là năm đầu thực hiện phương pháp tập huấn trực tuyến và áp dụng triệt để công nghệ thông tin trong công tác tập huấn. Tập huấn Tổng điều tra và Điều tra Doanh nghiệp 2021 được thực hiện bằng hình thức trực tiếp kết hợp xây dựng



HÀ TỈNH SẴN SÀNG CHO CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021

Trần Thanh Bình

Phó Cục trưởng Cục Thống kê - Ủy viên Thường trực BCD tỉnh

bài giảng điện tử (video clip) áp dụng cho cấp trung ương và cấp tỉnh. Các lớp tập huấn cấp huyện, cấp xã sử dụng bài giảng điện tử, đồng thời các điều tra viên, giám sát viên các cấp có thể tra cứu nghiệp vụ, hướng dẫn thực hiện Tổng điều tra bằng các bài giảng điện tử trên cơ sở khai thác, sử dụng và biên tập lại bài giảng điện tử có sẵn trên Webside của Tổng điều tra.

4. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trong tổ chức thực hiện điều tra

Theo xu hướng của thống kê thế giới, Điều tra Doanh nghiệp trong Tổng điều tra kinh tế 2021 đã thực hiện triệt để khai thác dữ liệu hành chính trong lập, rà soát danh sách đơn vị điều tra và thu thập thông tin đầu vào của các doanh nghiệp. Tăng cường, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành trong triển khai tổ chức thực hiện như phối hợp từ Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế); Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an trong thực hiện nhiệm vụ này. Đặc biệt, trong chuẩn bị và triển khai thu thập thông tin, Ban chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương đã chỉ đạo cụ thể công tác phối hợp giữa các cơ quan từ trung ương tới địa phương:

Tổng cục Thống kê phối hợp với Tổng cục Thuế rà soát, so sánh, đối chiếu toàn bộ danh sách doanh nghiệp được quản lý thuế với danh sách doanh nghiệp Tổng cục Thống kê đã được thu thập thông tin hàng năm và danh sách doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giải thể của Cục Đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) để lập danh sách nền phục vụ cho điều tra doanh nghiệp năm 2021.

Cục Thống kê phối hợp với các sở, ban ngành cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn. Trên cơ sở đó tiến hành đối chiếu, rà soát thông tin doanh nghiệp từ các nguồn để hoàn thiện danh sách nền của các doanh nghiệp phục vụ điều tra năm 2021.

5. Nâng cao chất lượng thông tin và tiết kiệm kinh phí

Những thay đổi về nội dung, hình thức, công cụ và phối hợp tổ chức thực hiện Điều tra doanh nghiệp năm 2021 sẽ nâng cao chất lượng thông tin thống kê, đồng thời đảm bảo cuộc điều tra được triển khai nhanh, tiết kiệm và hiệu quả.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin cho phép kết hợp điều tra, rà soát, chọn mẫu, kiểm tra, hoàn thiện, tổng hợp phiếu được tiến hành đồng thời với quá trình thu thập thông tin. Từ đó Tổng điều tra Kinh tế 2021 nói chung, trong đó có Điều tra Doanh nghiệp 2021 đã tiết kiệm cả về thời gian và kinh phí thu thập thông tin.

Nhờ những đổi mới trong Điều tra doanh nghiệp năm 2021, dự kiến kinh phí cho Tổng Điều tra kinh tế năm 2021 giảm một nửa so với dự toán ban đầu./

Nguồn: Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của BCD TW về việc tiến hành TĐT kinh tế năm 2021, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 về thành lập Ban chỉ đạo TĐT kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 do đồng chí Phó chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm trưởng Ban; Cục trưởng Cục Thống kê làm Phó ban Thường trực; Giám đốc Sở Nội vụ làm phó Ban, các thành viên là lãnh đạo các Sở, Ngành có liên quan; thành lập Tổ thường trực giúp BCD tỉnh gồm 23 đồng chí thuộc các Sở, ngành, do đồng chí Phó Cục trưởng Cục Thống kê làm Tổ trưởng.

Đã có 13/13 BCD cấp huyện, với 158 thành viên, do Lãnh đạo UBND cấp huyện làm trưởng Ban và 13/13 Tổ giúp, với 166 thành viên, do Lãnh Chi cục Thống kê cấp huyện làm Tổ trưởng. Có 216/216 Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã, với 1.839 thành viên, do Lãnh đạo UBND cấp xã làm Trưởng Ban Chỉ đạo.

Ngày 23/02/2021, BCD TĐT Tỉnh đã tổ chức họp trực tuyến đến 13 điểm cầu cấp huyện, có sự tham dự của Trưởng Ban chỉ đạo cấp xã để rà soát lại công tác chuẩn bị và nhiệm vụ tiếp theo trong thời gian tới.

Đến nay, Ban chỉ đạo các cấp đã và đang tổ chức rà soát các đơn vị điều tra (bảng kê); ban hành kế hoạch TĐT, kế hoạch tuyên truyền; Phân công nhiệm vụ và địa bàn cho thành viên BCD tỉnh; dự thảo chỉ thị của UBND Tỉnh.

Để cuộc TĐT được thực hiện thành công yêu cầu thành viên BCD tỉnh, các sở ngành theo chức năng nhiệm vụ và Ban chỉ đạo các cấp chuẩn bị thật tốt cho công tác Tổng điều tra; các cơ quan truyền thông tổ chức tốt công tác tuyên truyền theo chuyên trang, chuyên mục về mục đích, ý nghĩa cuộc Tổng điều tra, kịp thời nêu gương tốt việc tốt trong quá trình thực hiện; Sở Nội vụ chịu trách nhiệm Điều tra các cơ sở hành chính năm 2021 theo hướng dẫn và kế hoạch của BCD Điều tra của Bộ Nội vụ và Cục Thống kê, cơ quan Thường trực BCD, phối hợp với các cơ quan, sở, ngành, UBND và BCD cấp huyện cấp xã và chịu trách nhiệm toàn diện cuộc TĐT kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh; tổ chức phân tích kết quả Tổng điều tra để hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; tổ chức sơ kết, tổng kết theo hướng dẫn của BCD Trung ương. Với tinh thần chủ động phòng ngừa dịch Covid-19, sự vào cuộc của các cấp, các ngành, của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, Hà Tĩnh sẵn sàng cho cuộc Tổng điều tra kinh tế 2021 thành công./

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2021

NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 là cuộc tổng điều tra quan trọng nhằm thu thập số liệu về số lượng, quy mô và lao động của các cơ sở kinh tế; kết quả sản xuất kinh doanh; mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; cơ cấu, sự phân bố của các cơ sở và của lao động theo địa phương, theo ngành kinh tế và theo hình thức sở hữu nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Đảng, nhà nước, các Bộ, ngành và địa phương; trong đó thông tin thu thập được từ Điều tra doanh nghiệp năm 2021 đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Kết quả thu thập được sử dụng phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển doanh nghiệp của quốc gia, từng địa phương, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp, hợp tác xã. Điều tra doanh nghiệp năm 2021 diễn ra trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp, một số địa phương áp dụng dẫn cách xã hội và cách ly ở các vùng trung tâm dịch; Ngành Thống kê áp dụng triệt để công nghệ thông tin trong công tác thống kê do đó Điều tra doanh nghiệp năm 2021 có những thuận lợi và khó khăn nhất định.

Thuận lợi trong tổ chức thực hiện Điều tra doanh nghiệp 2021

Hoạt động thu thập thông tin đầu vào của doanh nghiệp đã được triển khai hàng năm với quy mô và mức độ khác nhau. Trong Tổng điều tra kinh tế năm 2021, Điều tra doanh nghiệp tiến hành thu thập thông tin của toàn bộ các doanh nghiệp trong tất cả các ngành, loại hình kinh tế trên phạm vi cả nước. Điều tra Doanh nghiệp trong Tổng điều tra Kinh tế năm 2021 có những thuận lợi sau:

(1). Chủ động kết nối để tiếp tục phát huy sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ban, ngành và địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện của các kỳ Tổng điều tra kinh tế trước đây, Điều tra doanh nghiệp năm 2021 đã huy động được sự tham gia của tất cả các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương vào công tác tổ chức triển khai thực hiện thu thập thông tin trên phạm vi cả nước.

(2). Công tác tuyên truyền được thực hiện sâu, rộng trên toàn quốc và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hiệu quả đã tuyên truyền, phổ biến đến mọi người dân và doanh nghiệp về mục đích, ý nghĩa và nội dung của Tổng điều tra. Từ đó nâng cao

ý thức, trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc thực hiện phối hợp, cung cấp, chia sẻ thông tin với Ban chỉ đạo Tổng điều tra các cấp.

(3). Điều tra doanh nghiệp năm 2021 được triển khai đến doanh nghiệp theo hình thức trực tuyến nên mặc dù tình hình dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp nhưng cuộc điều tra vẫn bảo đảm diễn ra đúng theo yêu cầu về nội dung, cách thức và tiến độ thực hiện Tổng điều tra. Đây năm thứ 2 ngành Thống kê tiến hành Điều tra doanh nghiệp trực tuyến nên đã có kinh nghiệm trong việc thiết kế, xử lý và thu thập bằng hình thức này.

Những năm trước đây, Điều tra doanh nghiệp được thực hiện theo hình thức điều tra gián tiếp hoặc trực tiếp bằng phiếu giấy; điều tra viên liên hệ trực tiếp với doanh nghiệp để thu thập thông tin tại chỗ hoặc gửi phiếu giấy để doanh nghiệp trả lời. Từ năm 2020, phương án điều tra doanh nghiệp đã có sự thay đổi để phù hợp với xu hướng và tình hình mới. Theo đó, khâu thu thập thông tin được thực hiện bằng phiếu điện tử, doanh nghiệp tiến hành cung cấp thông tin và trả lời trên website. Đây là bước cải tiến cơ bản, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp chủ động cung cấp thông tin

thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, tiết kiệm thời gian, nhân lực.

Khó khăn, thách thức trong quá trình tổ chức thực hiện Điều tra doanh nghiệp 2021

Để tiến hành thu thập thông tin theo hình thức trực tuyến, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phải đáp ứng yêu cầu cao hơn nhiều so với hình thức thu thập truyền thống bằng phiếu giấy. Yêu cầu về tính bảo mật, an toàn của hệ thống đòi hỏi ở mức độ cao với dung lượng trong chuyển tải và lưu giữ; số lượng lớn các tài khoản truy cập đồng thời trên phạm vi rộng. Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ thông tin của ngành Thống kê còn nhiều hạn chế nên trong quá trình triển khai không tránh khỏi có những thời điểm hệ thống bị quá tải hoặc gián đoạn. Ngành Thống kê đã và đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan để khắc phục và hạn chế tối đa khó khăn, bất cập này.

Mặt khác, nhiều các doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ nên sẽ tồn tại các doanh nghiệp chưa đảm bảo điều kiện để tham gia cung cấp thông tin trực tuyến trên Trang thông tin điện tử của Điều tra doanh nghiệp.

Thông tin thu thập trong phiếu điện tử năm nay có thay đổi lớn so với Điều tra doanh nghiệp năm trước; đặc biệt trong việc xác định rõ cơ sở sản xuất với tên, số lượng sản phẩm chính và địa điểm để phản ánh hoạt động sản xuất, kinh doanh đến ngành cấp 3 trên địa bàn cấp xã. Tức là, Điều tra doanh nghiệp năm 2021 sẽ tiếp cận để cập nhật, khai thác thông tin của các đơn vị điều tra theo định nghĩa chuẩn của quốc tế. Doanh nghiệp cung cấp thông tin chi tiết của các chi nhánh, cơ sở sản xuất cùng với địa chỉ, doanh thu hoặc số lượng các sản phẩm chính, chi phí sản xuất và số lượng lao động.

Với hình thức thu thập thông tin bằng phiếu điện tử trên Webform các doanh nghiệp sẽ tự kê khai thông tin trên bảng hỏi trực tuyến. Để thu thập đầy đủ về số lượng và chất lượng thông tin từ doanh nghiệp là thách thức không nhỏ đối với các điều tra viên của ngành Thống kê. Vì vậy đòi hỏi điều tra viên cần nắm rất rõ quy trình thu thập thông tin, luồng thông tin và các chỉ tiêu cần thu thập để hướng dẫn, hỗ trợ đảm bảo cho doanh nghiệp cung cấp thông tin tính đầy đủ, chính xác.

Trong quá trình triển khai thu thập thông tin, có nhiều doanh nghiệp không sẵn sàng hợp tác để cung cấp thông tin, điều tra viên phải mất rất nhiều thời gian và công sức để thuyết phục doanh nghiệp tự điền thông tin vào phiếu điều tra cũng như kiểm tra, xác minh và hỗ trợ hoàn thiện phiếu điều tra.

Thời gian triển khai thu thập thông tin doanh nghiệp năm 2021 trùng vào thời điểm dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp tại một số địa phương, gây khó khăn cho công tác tập huấn cho điều tra viên và công tác tuyên truyền,

phổ biến, hướng dẫn triển khai thu thập thông tin.

Ngoài ra, Phiếu Điều tra doanh nghiệp năm 2021 bao gồm nhiều nội dung chuyên ngành, chuyên sâu, yêu cầu điều tra viên phải có kiến thức am hiểu về kinh tế, thống kê, kế toán và sử dụng thành thạo máy tính. Vì vậy, để tuyển chọn được các điều tra viên đủ về số lượng, đáp ứng được yêu cầu về chất lượng cũng là một khó khăn lớn trong công tác chuẩn bị triển khai Điều tra doanh nghiệp năm 2021.

Giải pháp trong tổ chức thực hiện Điều tra doanh nghiệp

- Tăng cường mạnh mẽ việc tuyên truyền, phổ biến thông tin về Tổng điều tra kinh tế năm 2021 để nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc thực hiện tự cung cấp thông tin.

- Công tác tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên các cấp được chuẩn bị kỹ lưỡng, nội dung tập huấn cần có trọng tâm, trọng điểm để giúp điều tra viên nắm bắt tốt nhất các nội dung của phiếu hỏi và quy trình thực hiện trên phần mềm thu thập thông tin. Việc tập huấn triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt như tập huấn trực tiếp, tập huấn trực tuyến, tập huấn thông qua các video clip hướng dẫn nghiệp vụ;

- Điều tra viên thường xuyên liên hệ với doanh nghiệp để hướng dẫn, hỗ trợ về nghiệp vụ, giải đáp các thắc mắc của doanh nghiệp trong quá trình điền thông tin phiếu điều tra trực tuyến để tránh việc bỏ sót thông tin và nâng cao chất lượng số liệu. Trong trường hợp doanh nghiệp không có đủ điều kiện để điền thông tin trực tuyến, điều tra viên sẽ áp dụng biện pháp điều tra trực tiếp để thu thập thông tin đảm bảo nội dung, chất lượng và tiến độ của cuộc điều tra.

- Với những doanh nghiệp không hợp tác để cung cấp thông tin, điều tra viên cần báo cáo ngay với tổ thường trực, Ban Chỉ đạo để có các phương án xử lý phù hợp. Cụ thể, phối hợp với Chi Cục Thuế hoặc Cục Thuế nhắc nhở, yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thông tin; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp tỉnh gửi công văn đôn đốc, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin; tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ cung cấp thông tin của doanh nghiệp...;

- Để công tác thu thập thông tin được bảo đảm hoạt động an toàn, bảo mật, ổn định và thông suốt trong thời gian điều tra, Tổng cục Thống kê tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin như: Hệ thống đường truyền mạng, máy chủ, dung lượng lưu trữ, thiết bị bảo mật...Tiến hành thử tải cho hệ thống để có đánh giá về mức độ đáp ứng của hệ thống trong thực tế triển khai thu thập thông tin;

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 nói chung và Điều tra doanh nghiệp năm 2021 nói riêng là cuộc Tổng điều tra khó nhất của ngành Thống kê. Đây là cuộc Tổng điều tra khó trong cả lý luận và thực tiễn triển khai thực hiện, với nội dung, đơn vị, đối tượng điều tra phức tạp, phạm vi rộng. Song với sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ban, ngành và chính quyền các cấp, Tổng điều tra kinh tế năm 2021 sẽ được thực hiện thành công, cung cấp thông tin, dữ liệu tốt nhất phục vụ công tác xây dựng và hoạch định chính sách và chỉ đạo điều hành kinh tế-xã hội của đất nước theo đúng mục tiêu, định hướng trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII./.

Nguồn: Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT

TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021 TẠI BÌNH ĐỊNH: HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tỉnh Bình Định cùng với cả nước bắt đầu tiến hành thu thập thông tin Tổng điều tra kinh tế năm 2021. Đây là cuộc Tổng điều tra nhằm thu thập thông tin cơ bản về các cơ sở kinh tế phục vụ đánh giá phát triển về số lượng, quy mô, lao động, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và mức độ ứng dụng CNTT... làm cơ sở xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế của đất nước, địa phương.

Để hiểu thêm về công tác chuẩn bị tiến hành Tổng điều tra kinh tế năm 2021 tại tỉnh Bình Định, Tạp chí Công số và Sự kiện đã có bài phỏng vấn ông Nguyễn Tự Công Hoàng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và điều tra cơ sở hành chính tỉnh Bình Định.

Phóng viên: Thưa Ông, được biết Tổng điều tra kinh tế được thực hiện 5 năm 1 lần theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vậy so với 5 năm trước đây cuộc Tổng điều tra này có điểm gì mới?

Ông Nguyễn Tự Công Hoàng: Trong Tổng điều tra kinh tế năm 2021, điều tra cơ sở hành chính được tách riêng và giao Bộ Nội vụ chủ trì thực hiện, do đó Trung ương thành lập 2 Ban chỉ đạo: Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì) và Ban Chỉ đạo điều tra cơ sở hành chính (do Bộ Nội vụ chủ trì). Tuy nhiên, với cấp tỉnh, thành lập chung Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và điều tra cơ sở hành chính.

So với các Tổng điều tra kinh tế (hay Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp) trước đây, Tổng điều tra kinh tế năm 2021 có nhiều điểm mới, được coi là những cải tiến quan trọng, đó là: Ứng dụng triệt để CNTT trong tất cả công đoạn Tổng điều tra, nội dung điều tra được thiết kế trong các bảng hỏi điện tử (Web-form) và theo phiếu điện tử (thực hiện trên CAPI) hoàn toàn không sử dụng phiếu giấy. Đặc biệt nội dung

phiếu điều tra bổ sung câu hỏi thu thập thông tin về tình hình ứng dụng CNTT, phục vụ phản ánh kinh tế số ở Việt Nam.

Phóng viên: Với những điểm mới này địa phương đã có chuẩn bị như thế nào trong chỉ đạo thực hiện Tổng điều tra kinh tế năm 2021?

Ông Nguyễn Tự Công Hoàng: Với quan điểm việc tổ chức Tổng điều tra lần này yêu cầu phải đúng đối tượng, đơn vị điều tra, thông tin điều tra phải đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời, không trùng lặp, không bỏ sót, phù hợp với điều kiện thực tế, tỉnh đã khẩn trương thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và Tổ thường trực Ban Chỉ đạo, 11 Ban Chỉ đạo cấp huyện và Tổ thường trực, 148/159 Ban Chỉ đạo cấp xã, với 1.091 thành viên tham gia. Trong đó, cấp tỉnh có 39 thành viên, cấp huyện có 259 thành viên và cấp xã có 793 thành viên. Ngoài ra, còn có 22 thành viên thuộc 11 xã miền núi có dưới 50 cơ sở kinh tế không thành lập Ban Chỉ đạo, do Chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ đạo và công chức Văn phòng - Thống kê xã làm thường trực Tổng điều tra.

Đến thời điểm này, tỉnh đã ban hành Chỉ thị, triển khai các kế hoạch, hoạt động phục vụ công tác Tổng điều tra. Lập, rà soát và tổng hợp danh sách các đơn vị thuộc các nhóm đối tượng điều tra, gồm: Danh sách toàn bộ DN, HTX trên địa bàn; cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; cơ sở sự nghiệp, hiệp hội; cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp từ Trung ương đến địa phương; tổ chức chính trị - xã hội; cơ sở trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức nói trên (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp, cơ sở kinh tế); cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Công tác tập huấn nghiệp vụ Tổng điều tra cho Ban chỉ đạo và các Tổ thường trực cấp tỉnh, huyện... cũng đã được nghiêm túc thực hiện và hoàn thành (giai đoạn 1) tại cấp tỉnh và cấp huyện.

Do Tổng điều tra có quy mô rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đối tượng điều tra khác nhau, vì vậy các sở, ban, ngành, UBND các cấp đã phối hợp chặt chẽ với ngành Thống kê, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc tuyên truyền và triển khai thực hiện

Tổng điều tra. Tăng cường cung cấp, chia sẻ thông tin từ dữ liệu quản lý hành chính như dữ liệu thuế, đăng ký kinh doanh, quản lý y tế, giáo dục, văn hóa, thông tin, truyền thông... cho mục tiêu Tổng điều tra.

Phóng viên: Với những đặc thù kinh tế - xã hội của địa phương, việc triển khai Tổng điều tra trên địa bàn Tỉnh gặp thuận lợi và khó khăn như thế nào? Ông có thể nêu một số các giải pháp cụ thể để cuộc TĐT đạt kết quả tốt nhất.

Ông Nguyễn Tự Công Hoàng: Những yếu tố thuận lợi cần nhắc đến, đó là: Sự quan tâm, vào cuộc cả hệ thống chính trị cấp tỉnh, huyện, xã; kinh nghiệm các cuộc Tổng điều tra, nhất là cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Các thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, huyện được trưng tập từ các ngành đã phát huy chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, thực hiện tốt nhiệm vụ Ban Chỉ đạo phân công. Điều tra viên được tuyển chọn nắm nghiệp vụ điều tra, đã từng tham gia công tác Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019; giám sát viên chủ yếu là công chức Thống kê làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm, tuân thủ kế hoạch Tổng điều tra.

Bên cạnh những thuận lợi, là một số khó khăn nhất định. Đó là, công tác Tổng điều tra diễn ra trong lúc tình hình dịch bệnh Covid-19 xảy ra một số tỉnh, thành trên cả nước, ảnh hưởng đến công tác tiếp cận đối tượng điều tra thu thập thông tin. Số lượng doanh nghiệp thành lập nhỏ và vừa chiếm khoảng 80% trong tổng số doanh nghiệp, thường xuyên thay đổi địa chỉ; trong khi việc cập nhật địa chỉ doanh nghiệp của các ngành quản lý doanh nghiệp cập nhật chưa kịp thời. Cuộc TĐT diễn ra trùng thời điểm

tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, cao điểm trong tháng 5/2021, do đó các địa phương đang tập trung nguồn lực, vật lực vào cuộc bầu cử.

Trước thực tế đó, BCD Tỉnh đã áp dụng một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, phải thực hiện chu đáo công tác chuẩn bị Tổng điều tra trong từng khâu công việc, đặc biệt là việc lập bảng kê đơn vị điều tra; tuyển chọn điều tra viên và tổ chức tập huấn trước khi tiến hành thu thập thông tin, bởi đây là những khâu then chốt quyết định đến chất lượng thông tin điều tra. Trong công tác tập huấn, giảng viên cần chuẩn bị bài giảng chu đáo, rõ ràng, truyền đạt tốt và đưa ra các tình huống thực tế tại địa phương để tham gia thảo luận thống nhất.

Thứ hai, làm tốt công tác tuyên truyền, đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của cuộc TĐT. BCD tỉnh tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương triển khai đồng bộ, huy động xã hội hóa công tác tuyên truyền với nhiều hình thức tuyên truyền khác nhau để đối tượng điều tra hiểu biết chủ trương và thực hiện nghĩa vụ của mình là khai báo đầy đủ, trung thực, khách quan theo yêu cầu của Luật Thống kê.

Thứ ba, công tác kiểm tra, giám sát phải thường xuyên, liên tục và có kế hoạch cụ thể trong từng khâu công việc của quá trình Tổng điều tra. Trong đó, cần chú trọng đến kiểm tra, giám sát thu thập thông tin của điều tra viên tại địa bàn, phát hiện chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong quá trình điều tra; Giám sát trực tiếp thông qua các đoàn công tác tại

địa bàn điều tra và giám sát gián tiếp thông qua Trang Web điều hành của Tổng điều tra.

Thứ tư, chủ động ứng phó dịch bệnh Covid-19, phổ biến các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 cho điều tra viên, công chức, người lao động. Tuân thủ các quy định phòng dịch tại địa bàn, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp tiến hành thu thập số liệu. Đối với điều tra viên, giám sát viên: Đeo khẩu trang và giữ khoảng cách theo quy định trong suốt quá trình tiếp xúc với điều tra viên, đối tượng cung cấp thông tin và những người liên quan. Nếu trên địa bàn tỉnh xảy ra dịch bệnh Covid-19, Ban Chỉ đạo tỉnh sẽ đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương lùi thời gian thu thập số liệu Tổng điều tra để thống nhất thực hiện toàn tỉnh.

Phóng viên: Kết quả Tổng điều tra giúp gì cho việc hoạch định chính sách của tỉnh, thưa Ông?

Ông Nguyễn Tự Công Hoàng: Tổng điều tra kinh tế năm 2021 là một trong 3 cuộc Tổng điều tra hết sức quan trọng do ngành Thống kê thực hiện sẽ cung cấp số liệu toàn bộ về khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ; giúp phản ánh quy mô GDP, cơ cấu từng ngành kinh tế trong GDP, làm tiền đề quan trọng cho việc tính toán số liệu GDP của toàn quốc và GRDP của địa phương.

Đối với tỉnh Bình Định, trong giai đoạn 2016 - 2020, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng, là một trong những địa phương phát triển khá ở khu vực miền Trung. Trong đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh đạt 6,4%/năm (2016-2020); tổng thu ngân sách Nhà nước ước thực hiện trên 48.500 tỷ đồng, tốc độ thu tăng bình quân gần 16%/năm.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, hoàn thiện; diện mạo đô thị, nông thôn, cả vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn đã có nhiều đổi mới. Đặc biệt, trong 5 năm qua, môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Bình Định không ngừng được cải thiện rõ rệt, Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) luôn nằm trong nhóm tốt, khá của cả nước, góp phần đưa tỉnh Bình Định trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, xóa đói giảm nghèo có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên. An ninh - quốc phòng được giữ vững, khối đại đoàn kết toàn dân tiếp tục được củng cố, tăng cường.

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bình Định đặt mục tiêu trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu của khu vực miền Trung. Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang bùng phát và diễn biến hết sức phức tạp, đòi hỏi sự phấn đấu, nỗ lực của cả hệ thống chính trị. Vì vậy, kết quả Tổng điều tra năm 2021 sẽ giúp phản ánh bức tranh toàn cảnh nền kinh tế - xã hội tỉnh nhà; kết quả của cuộc Tổng điều tra là căn cứ quan trọng để thực hiện thành công các nhiệm vụ lớn của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế; từ đó, so sánh đối chiếu với sự tăng trưởng của 5 tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, các tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung và cả nước. Đây cũng là công cụ hữu ích quan trọng giúp các ngành, các cấp, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong bối cảnh mới.

Phóng Viên: Trân trọng cảm ơn Ông!

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nước nhà thống nhất, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành vào tháng 12/1976, đã xác định đường lối xây dựng kinh tế - xã hội giai đoạn 1976 - 1980 là: Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng...

Nhiệm vụ công tác thống kê thời kỳ 1976 - 1986

Tháng 4/1974, Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra Nghị định số 72/CP, ban hành Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Tổng cục Thống kê. Sau kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, Tổng cục Thống kê trở thành cơ quan thuộc Chính phủ cho đến cuối những năm 80.

Theo đó, Tổng cục Thống kê tổ chức và quản lý thống nhất công tác hạch toán và thống kê trong cả nước; Thu thập, tổng hợp, phân tích và kịp thời báo cáo với cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước những thông tin bằng số, có hệ thống, chính xác và

có cơ sở khoa học về quá trình tái sản xuất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế quốc dân. Tổng cục Thống kê quản lý tập trung thống nhất hệ thống tổ chức Thống kê Nhà nước (quản lý hệ thống tổ chức theo ngành dọc) và hệ thống thông tin kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Hệ thống tổ chức Thống kê Nhà nước bao gồm: Tổng cục Thống kê, Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Phòng Thống kê huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (Phòng Thống kê cấp huyện).

Nếu trước đây với chức năng và nhiệm vụ chung đó, phạm vi hoạt động của Tổng cục Thống kê chỉ bao gồm 18 tỉnh (từ Quảng Bình trở ra) và khu vực Vĩnh Linh, thì sau năm 1976 đã mở rộng ra cả nước, nghĩa là nhiều hơn 2 lần. Có thể nói đây là đặc điểm quan trọng nhất đối với lịch sử phát triển của ngành Thống kê cả về hệ thống tổ chức, cán bộ và chuyên môn nghiệp vụ.

Hoạt động thống kê

Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo

Theo Nghị định số 72/CP, từ giữa năm 1974, Tổng cục Thống kê trực tiếp quản lý toàn diện về các mặt: Tổ chức, biên chế, cán bộ, tiền lương, chuyên môn nghiệp vụ và cơ sở vật chất, kỹ thuật theo hệ thống hành chính Nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện. Khi nước nhà thống nhất, Nghị định số 72/CP có giá trị thực thi trong phạm vi cả nước. TCTK đó xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức của ngành trên toàn miền Nam (từ Quảng Trị trở vào). Các Chi cục Thống kê miền Nam ngay sau khi có Quyết định thành lập của Tổng cục trưởng về mặt tổ chức, đã có ngay khung cán bộ cốt cán được điều động từ miền Bắc vào để sẵn sàng tổ chức



THỐNG KÊ VIỆT NAM THỜI KỲ 1976 - 1986

MỞ RỘNG PHẠM VI HOẠT ĐỘNG TRÊN CẢ NƯỚC

Trước năm 1976, phạm vi hoạt động của ngành Thống kê bao gồm 18 tỉnh (từ Quảng Bình trở ra) và khu vực Vĩnh Linh, sau 1976 khi đất nước thống nhất, hoạt động thống kê đã mở rộng ra cả nước. Đây là đặc điểm quan trọng nhất đối với lịch sử ngành Thống kê cả về Hệ thống tổ chức, cán bộ và chuyên môn nghiệp vụ.

hoạt động, các Phòng Thống kê cấp huyện cũng được xúc tiến thành lập kịp thời, đồng bộ. (Tính đến tháng 4/1977 đã có 417 cán bộ thống kê các tỉnh phía Bắc được Tổng cục điều động vào các tỉnh phía Nam làm nhiệm vụ).

Song song với việc thành lập hệ thống tổ chức của ngành ở cấp tỉnh và huyện trên toàn miền Nam, lãnh đạo Tổng cục đã quyết định thành lập 3 đơn vị mới trực thuộc Tổng cục ở vùng mới giải phóng: Văn phòng II (cơ quan đại diện của Tổng cục ở phía Nam) đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Trường Trung học Thống kê II đặt tại Biên Hòa - Đồng Nai, Trường Trung học Thống kê III đặt tại Đà Nẵng. Trong điều kiện các Chi cục Thống kê ở phía Nam mới thành lập, thông tin liên lạc

còn nhiều khó khăn, cán bộ vừa thiếu, vừa yếu, Văn phòng II ngay từ những ngày đầu mới thành lập đã tích cực vừa làm nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý, tổng hợp tình hình, thông tin thống kê của các tỉnh Nam Bộ để truyền đưa về Tổng cục; đồng thời lo các điều kiện vật chất bảo đảm cho Tổng cục chỉ đạo công tác ở các tỉnh miền Nam được kịp thời, nhanh chóng.

Tính đến cuối năm 1977, hệ thống tổ chức của ngành trong cả nước đã được xây dựng hoàn chỉnh từ Trung ương đến cấp huyện. Toàn ngành có 38 Chi cục Thống kê cấp tỉnh, 409 phòng Thống kê cấp huyện (cuối năm 1978, do có sự tách nhập một số địa phương nên trong thời kỳ từ năm 1979 đến 1986 lên 40 Chi cục

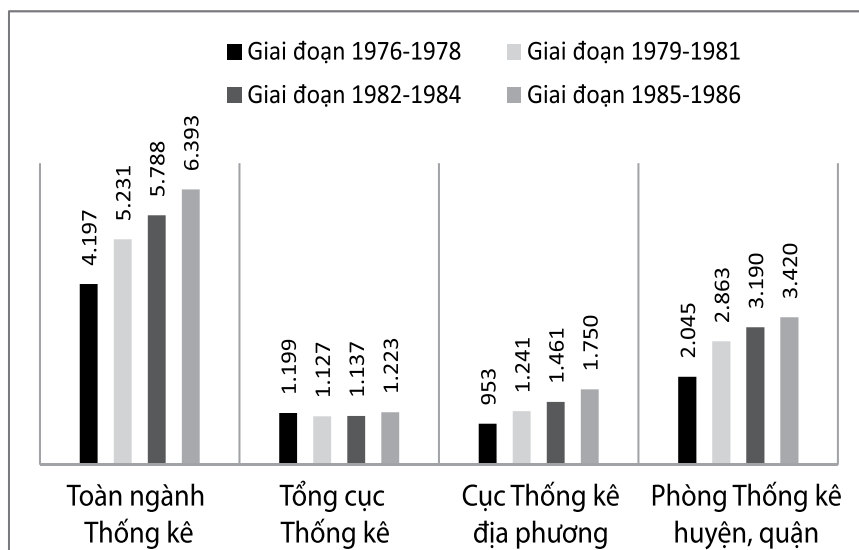
Thống kê cấp tỉnh). Riêng các tỉnh mới giải phóng có 20 Chi cục Thống kê và 186 phòng Thống kê cấp huyện. Tổng số cán bộ, công nhân viên ở cấp tỉnh là 953 người, ở cấp huyện là 2045 người. Đội ngũ cán bộ cốt cán được đào tạo có hệ thống, đúng chuyên môn, tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, vững vàng trong công tác quản lý.

Chỉ hơn 2 năm sau ngày giải phóng, ngành Thống kê đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tổ chức Thống kê ở địa phương. Thành công đó là nền tảng vững chắc bảo đảm cho sự phát triển của công tác thống kê những năm sau này.

Ngày 08/3/1984, Tổng cục trưởng ký Quyết định số 80/QĐ-TCTK đổi tên Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố trong cả nước thành Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tại cơ quan Tổng cục, xuất phát từ nhu cầu thực tế và sự cần thiết của Ngành, năm 1979, lãnh đạo Tổng cục đã cho xúc tiến việc nghiên cứu sắp xếp lại một số Vụ và đơn vị trực thuộc. Công việc được tiến hành trong năm 1978 và sang năm 1979, đề án đã được Chính phủ chấp nhận.

Trong thời kỳ 1976-1986, số cơ quan Thống kê cấp tỉnh và huyện tăng gấp 2 lần; các đơn vị thuộc khối cơ quan Tổng cục được mở rộng ra nhiều lĩnh vực; số trường đào tạo chuyên ngành Thống kê tăng từ 2 lên 4 trường; số đơn vị máy tính từ chỗ có gần 10 đơn vị

Số lượng cán bộ, công nhân viên chức Ngành Thống kê giai đoạn 1976-1986



tăng lên hơn 20 đơn vị, nhiều tổ chức mới được thành lập như Nhà xuất bản Thống kê và hàng chục đơn vị ln, phát hành biểu mẫu thống kê, với nhiều hoạt động phong phú gắn chặt với chuyên môn nghiệp vụ của ngành. Tương ứng với sự phát triển của hệ thống tổ chức, đội ngũ cán bộ ngành Thống kê ở thời kỳ này cũng được tăng cường mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng.

Thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành đảm bảo thông tin thống kê

Về Báo cáo nhanh, ngay từ năm 1976, toàn ngành Thống kê đã triển khai thực hiện chế độ báo cáo nhanh trên phạm vi cả nước đối với tất cả các ngành. Về thực hiện báo cáo thống kê định kỳ chính thức sau khi nước nhà thống nhất, hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức ban hành theo Quyết định số 168/TTg ngày 17/9/1970 của Thủ tướng Chính phủ được tiếp tục thực hiện trên phạm vi cả nước. Quá trình thực hiện, căn cứ vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước hàng năm của từng thời kỳ, Tổng cục Thống kê đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu ban hành mới đối với lĩnh vực còn thiếu, hoặc sửa đổi, bổ sung chế độ đã ban hành trước đây cho phù hợp với tình hình thực tế. Hệ thống chỉ tiêu báo cáo chính thức đã phản ánh được đầy đủ các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội và kế hoạch Nhà nước hàng năm và các kế hoạch 5 năm.

Về thực hiện công tác điều tra thống kê, đây là hoạt động quan trọng của ngành, nhằm thu thập thông tin thống kê những lĩnh vực chưa được thực hiện trong chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức. Hoạt động điều tra tập trung vào những lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, đời sống, văn xã, giao thông vận tải,

Trong hơn 10 năm (1976-1986), hệ thống tổ chức và số lượng cán bộ, công nhân viên chức toàn ngành không ngừng tăng.

- Giai đoạn 1976-1978: Toàn ngành Thống kê có 4.197 người, trong đó cơ quan Tổng cục có 1.199 người, Cục thống kê có 38 đơn vị với 953 người, bình quân mỗi Cục có 25 người; Phòng Thống kê cấp huyện, quận có 409 đơn vị với 2.045 người, bình quân mỗi phòng có 5 người.

- Giai đoạn 1979-1981: Toàn ngành Thống kê có 5.231 người, trong đó cơ quan Tổng cục có 1.127 người, Cục Thống kê có 40 đơn vị với 1.241 người, bình quân mỗi Cục có 31 người; Phòng Thống kê cấp huyện, quận có 423 đơn vị với 2.863 người, bình quân mỗi phòng có 6,7 người.

- Giai đoạn 1982-1984: Toàn ngành Thống kê có 5.788 người, trong đó cơ quan Tổng cục có 1.137 người, Cục Thống kê có 40 đơn vị với 1.461 người, bình quân mỗi Cục có 36,5 người; Phòng Thống kê huyện, quận có 427 đơn vị, với 3.190 người, bình quân mỗi phòng có 7,4 người.

- Giai đoạn 1985-1986: Toàn ngành Thống kê có 6.393 người, trong đó cơ quan Tổng cục có 1.223 người, Cục Thống kê có 40 đơn vị với 1.750 người, bình quân mỗi Cục có 39,2 người; Phòng Thống kê huyện, quận có 431 đơn vị với 3.420 người, bình quân mỗi phòng có 7,9 người.

đặc biệt đã tiến hành Tổng điều tra dân số (năm 1979).

Đối với các tỉnh phía Nam ngay từ năm đầu giải phóng, để có thông tin phục vụ kịp thời yêu cầu của Trung ương và địa phương, ngành Thống kê còn triển khai cấp tốc các cuộc điều tra như: Kiểm kê tài sản trong các xí nghiệp quốc doanh và cơ quan nhà nước quản lý vào 0 giờ ngày 01/4/1976, điều tra tình hình cơ bản về đất đai (1978), điều tra tình hình phát triển dân số, điều tra công nhân viên chức và lao động xã hội, điều tra tình hình sở hữu ruộng đất trong nông nghiệp, điều tra toàn diện đối với hợp tác xã, tổ sản xuất, tập đoàn và hộ gia đình sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Ngoài ra, ở hầu hết các tỉnh phía Nam còn tổ chức điều tra thu thập một số thông tin cần thiết khác phục vụ lãnh đạo địa phương.

Việc thu thập thông tin thống kê bằng các hình thức báo cáo nhanh,

báo cáo chính thức và điều tra thống kê đã giúp cho Ngành có được hệ thống chỉ tiêu thống kê tổng hợp và kịp thời nắm được những diễn biến về tình hình kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, đã tập trung phân tích những yếu tố và nguyên nhân dẫn đến những chỉ tiêu hoàn thành và không hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

Tuy còn có những hạn chế nhất định nhưng báo cáo thống kê kinh tế tổng hợp hàng năm của Ngành đều được đánh giá cao và có vị trí quan trọng trong báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch Nhà nước của Chính phủ.

Công tác phương pháp chế độ

Giai đoạn 1976 - 1986, ngành Thống kê tập trung chỉ đạo thực hiện công tác hạch toán ghi chép ban đầu mà trọng tâm là ở các tỉnh phía Nam và nghiên cứu ban hành một số chế độ báo cáo, điều tra thống kê và bảng danh mục thống kê.

Về công tác ghi chép ban đầu và hạch toán thống nhất, trong các năm từ 1977 - 1979, Tổng cục đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho các Chi cục Thống kê phía Nam từ Quảng Trị trở vào về công tác hạch toán và ghi chép ban đầu. Tại các Chi cục Thống kê miền Bắc, đến thời gian này công tác hạch toán và ghi chép ban đầu đã trở thành nền nếp, không mất nhiều công sức đào tạo, bồi dưỡng như các Chi cục Thống kê phía Nam vì đã sau gần chục năm, cán bộ thống kê miền Bắc lẫn lộn và "ba cùng" với các xí nghiệp kinh tế cơ sở ở tất cả các ngành kinh tế để bồi dưỡng, giúp đỡ, hướng dẫn về công tác hạch toán và ghi chép ban đầu. Theo chỉ đạo của Tổng cục, các Vụ nghiệp vụ, các Chi cục Thống kê phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành ở từng địa phương, thường xuyên đi kiểm tra các đơn vị cơ sở để uốn nắn những sai sót, lệch lạc. Việc làm trên đã đem lại kết quả cụ thể, thiết thực, đã nâng cao trình độ

của nhân viên kế toán, thống kê cơ sở, từ đó tạo điều kiện để đơn vị làm tốt hơn báo cáo kế toán và thống kê của đơn vị mình.

Tổng cục cũng nghiên cứu ban hành các chế độ báo cáo thống kê về báo cáo chính thức và báo cáo nhanh.

Tổng cục Thống kê đã phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu và trình Hội đồng Bộ trưởng để ban hành Điều lệ công tác kế toán, thống kê xí nghiệp công nghiệp quốc doanh. Ngày 29/10/1977, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 228/CP về Điều lệ nói trên. Điều lệ quy định rất rõ nhiệm vụ, nội dung và yêu cầu của công tác kế toán, thống kê ở xí nghiệp. Trên cơ sở Nghị định số 228/CP, ngành Thống kê đã có những đóng góp rất tích cực trong việc triển khai thực hiện Nghị định trong ngành Công nghiệp. Mặt khác, ngành còn chủ động vận dụng Nghị định số 228/CP vào tổ chức công tác kế toán, thống kê ở nhiều lĩnh vực khác.

Song song với việc nghiên cứu xây dựng hệ thống biểu mẫu của các chế độ báo cáo nhanh, báo cáo thống kê định kỳ chính thức và các phương án điều tra, Tổng điều tra thống kê, Tổng cục đã nghiên cứu xây dựng các bảng danh mục: Danh mục các cơ quan Trung ương (1976); Danh mục các Sở, Ty và cấp tương đương do tỉnh, thành phố quản lý (1976); Danh mục ngành nghề công nhân kỹ thuật (1977); Danh mục xí nghiệp, cơ quan theo ngành kinh tế quốc dân của Trung ương và địa phương quản lý có đến 30/6/1977 từ Nghề Tỉnh trở ra (1977); Danh mục các Sở, Ty và cấp tương đương phân theo cấp quản lý (1979); Danh mục nghề nghiệp (1979); Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam (1979); Danh mục các thành phố, thị xã, thị trấn, huyện (1979); Danh mục các khu vực thành thị (1979); Danh mục phân ngành kinh tế quốc dân theo Nghị định số 171/HĐBT ngày 18/10/1982 của Hội đồng Bộ trưởng.

Công tác cơ giới hóa xử lý thông tin thống kê

Mặc dù được các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ nhiệt tình, nhưng cũng chỉ cung cấp cho ngành Thống kê được một số loại máy cơ điện, máy tính điện tử C8205, C8205Z và cao nhất là máy tính điện tử Minsk 32. Cho đến năm 1982, trong số 40 Chi cục Thống kê, Tổng cục mới chỉ trang bị được cho 19 đơn vị số máy tính cần thiết để thành lập xí nghiệp tính toán. Hoạt động chủ yếu của các xí nghiệp tính toán địa phương là xử lý số liệu của các báo cáo thống kê định kỳ, các cuộc điều tra thống kê có phạm vi không lớn và những bài toán nhỏ cho các phòng nghiệp vụ. Tuy nhiên, hoạt động của xí nghiệp tính toán các địa phương hàng năm bị thu hẹp dần,

Các sản phẩm thống kê đã thực hiện

Tổng cục Thống kê đã biên soạn và xuất bản cuốn Niên giám thống kê nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đầu tiên vào năm 1977. Từ đó, Niên giám thống kê cả nước được xuất bản đều đặn hàng năm với số chỉ tiêu tăng dần, năm sau nhiều hơn năm trước. Đặc biệt, năm 1978 đã xuất bản cuốn "30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa". Năm 1980, xuất bản cuốn "Kinh tế và văn hóa Việt Nam 1930 - 1980".

Từ 1979 đến 1985, Tổng cục đã biên soạn cuốn "Số liệu thống kê Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" bằng 3 thứ tiếng (Việt, Anh, Nga) và do Cục Thống kê nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc in. Đây là cuốn số liệu thống kê công khai được gửi đi nhiều nước trên thế giới và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

Nhiều cuốn sách số liệu chuyên ngành được Tổng cục xuất bản, như: Số liệu lịch sử về đời sống văn hóa, xã hội 1976-1986; Số liệu thống kê nông, lâm nghiệp 1975-1980; Số liệu điều tra đất năm 1978; Số liệu thống kê nông, lâm nghiệp 1981-1985; Số liệu lịch sử về thương mại 6 năm 1970-1975; Tình hình kinh tế Việt Nam 1976-1980; Số liệu thống kê kinh tế tài chính 1955-1986; Sách số liệu chi tiết "Kết quả Tổng điều tra dân số ngày 01/10/1979".

nhiều đơn vị hoạt động cầm chừng, hiệu quả thấp.

Tại cơ quan Tổng cục, đơn vị máy tính đầu tiên được thành lập từ năm 1969 là Trạm máy tính, đến tháng 5 năm 1975, Tổng cục nâng cấp lên thành Xí nghiệp Tính toán Thống kê Trung ương, với trang bị cao nhất là dàn máy tính điện tử Minsk 32 do Liên Xô giúp. Nhờ có hệ thống máy này, Tổng cục đã xử lý nhanh lượng thông tin từ các Chi cục Thống kê truyền về theo hệ thống truyền tin Teletip. Đặc biệt, máy tính Minsk 32 đã xử lý số liệu cuộc Tổng điều tra dân số năm 1979, Tổng điều tra Lao động kỹ thuật 1983. Năm 1985, Tổng cục được trang bị 2 dàn máy tính Mini 6 do Cộng hòa Pháp giúp, thay thế cho máy tính điện tử Minsk 32. Đây là loại máy vi tính hiện đại đầu tiên được đưa vào sử dụng ở ngành Thống kê Việt Nam. Hệ thống máy này đã xử lý được yêu cầu tính toán lớn và thường xuyên của Tổng cục, từ những cuộc điều tra thống kê lớn đến những bài toán cân đối phức tạp. Mặt khác, có hệ thống máy hiện đại là cơ hội tốt nhất để đào tạo, nâng cao trình độ khai thác, sử dụng và lập trình của cán bộ trong Tổng cục và toàn ngành, tạo đà cho bước phát triển mạnh mẽ sau này.

Công tác nghiên cứu khoa học

Giai đoạn 1976 - 1986 đánh dấu sự phát triển ban đầu về công tác nghiên cứu khoa học của ngành Thống kê. Thời kỳ này việc nghiên cứu chưa có điều kiện triển khai mạnh xuống các Cục Thống kê địa phương, mà chủ yếu tập trung nghiên cứu những đề tài đang đặt ra tại cơ quan Tổng cục. Năm 1976, Viện Nghiên cứu Khoa học Thống kê và thông tin kinh tế của Tổng cục được thành lập. Với lực lượng nòng cốt của Viện Khoa học và sự hợp tác chặt chẽ thường xuyên của các Vụ chuyên ngành,

cùng với một số đơn vị, cơ quan khoa học ngoài ngành, Tổng cục đã tập trung thực hiện 2 đề tài cấp Nhà nước: 1) "Từng bước hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống thông tin thống kê Nhà nước đến năm 2000" đề tài được nghiên cứu trong 5 năm. Kết quả nghiên cứu được Ban chủ nhiệm chương trình cấp Nhà nước đánh giá cao; 2) "Phân tích đánh giá mức sống dân cư nước ta đến năm 2000" thuộc Chương trình phân vùng quy hoạch. Đề tài đã cung cấp nhiều thông tin, tài liệu quý giá cho công tác nghiên cứu phân vùng quy hoạch ở nước ta.

Hợp tác quốc tế

Năm 1978, nước ta trở thành thành viên chính thức của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV). Từ đó, Tổng cục Thống kê Việt Nam cũng trở thành thành viên của Ban Thường trực của SEV về hợp tác trong lĩnh vực thống kê và tham gia vào các hoạt động thống kê trong khuôn khổ của Ban Thường trực từ năm 1978. Sự hợp tác này cho phép Thống kê Việt Nam giải quyết được nhiều vấn đề phức tạp ngoài phạm vi hợp tác song phương.

Về vật chất, trong thời gian này chúng ta đã tranh thủ được sự giúp đỡ về kỹ thuật tính toán, xử lý thông tin của nhiều nước như: Trung Quốc, Tiệp Khắc viện trợ hàng trăm máy tính quay tay; Cộng hòa dân chủ Đức trang bị hàng trăm máy tính điện tử 8205, 8205Z và nhiều máy tính cơ điện. Đặc biệt, Tổng cục được Liên Xô trang bị dàn máy tính điện tử Minsk 32 là một trong hai dàn máy tính hiện đại nhất Việt Nam lúc đó. Đến năm 1985, Cộng hòa Pháp giúp trang bị hai dàn máy tính hiện đại sau khi máy tính điện tử Minsk 32 hết thời hạn sử dụng, từ đó đánh dấu sự phát triển về chất trong xử lý thông tin thống kê trong ngành.

Trong nhiều năm liền, Tiệp Khắc giúp ta in Niên giám thống kê bằng ba thứ tiếng Việt - Anh - Nga để cung cấp cho các nước bạn và các tổ chức quốc tế. Ngoài ra, trong thời kỳ này các nước bạn xã hội chủ nghĩa còn giúp đào tạo trực tiếp ở nước ngoài và cử chuyên gia sang đào tạo tại chỗ hàng trăm kỹ sư, công nhân kỹ thuật trong lĩnh vực máy tính. Về nghiệp vụ thống kê, thời kỳ này Liên Xô đã mở nhiều lớp, đón hàng trăm cán bộ lãnh đạo cốt cán của ngành sang học tập. Sự giúp đỡ chân tình, quý báu đó đã giúp ngành có một đội ngũ cán bộ cốt cán, vững vàng về cả chuyên môn và kinh nghiệm quản lý.

Từ năm 1980, Thống kê Việt Nam đã mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức của Liên hợp quốc và đã nhận được sự giúp đỡ của tổ chức lớn nhất thế giới này, bắt đầu là từ Quỹ Dân số Liên hiệp quốc (UNFPA) trong Tổng điều tra Dân số năm 1979, tiếp theo là của Cộng hòa Pháp trang bị cho ta 2 dàn máy tính Mini 6.

Một trong những nhiệm vụ đối ngoại quan trọng của Đảng và Nhà nước ta là tăng cường mối quan hệ hợp tác, hữu nghị gắn bó với Lào và Cam-pu-chia. Lãnh đạo Tổng cục ý thức cao về sự hợp tác đó. Từ năm 1979, Tổng cục liên tiếp cử hàng trăm cán bộ, chuyên gia thống kê sang trực tiếp giúp đỡ 2 nước bạn. Chuyên gia thống kê Việt Nam không chỉ giúp bạn ở cơ quan Thống kê Trung ương mà còn xuống các tỉnh, thành phố. Nhiều cán bộ, chuyên gia thống kê Việt Nam được Chính phủ Lào và Vương quốc Cam-pu-chia tặng thưởng Huân, Huy chương do những công lao đóng góp vào sự nghiệp phát triển của hai nước anh em láng giềng./.

(Lược trích Lịch sử ngành Thống kê Việt Nam, NXB Thống kê)

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

2 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 2/2021 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Chăn nuôi phát triển tốt, cung ứng đủ sản phẩm chăn nuôi trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu. Dịch tả lợn châu Phi đã cơ bản được kiểm soát, đàn lợn tiếp tục đà hồi phục. Công tác trồng rừng vụ xuân và "Tết trồng cây" đầu xuân diễn ra ở nhiều địa phương. Sản xuất thủy sản phát triển ổn định, giá tôm đang ở mức cao do nhu cầu của ngành chế biến; khai thác biển khởi động lại sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

a) Nông nghiệp

Tính đến trung tuần tháng Hai, cả nước gieo cấy được 2.606,1 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 95,9% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 710,5 nghìn ha, bằng 88,2%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1.895,6 nghìn ha, bằng 99,1%; riêng các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy đạt 1.511,5 nghìn ha, bằng 98%.

Hiện nay, lúa đông xuân đang phát triển tốt, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 262,5 nghìn ha lúa đông xuân cho thu hoạch, chiếm 17,4% diện tích gieo cấy của vùng và bằng 63,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng, chăn nuôi trâu, bò nhìn chung ổn định; dịch tả lợn châu Phi tiếp tục được kiểm soát, chỉ còn phát sinh những ổ dịch nhỏ lẻ. Chăn nuôi gia cầm phát triển tốt. Tính đến ngày 20/02/2021, cả nước không còn dịch tai xanh; dịch cúm gia cầm còn ở 12 địa phương; dịch lở mồm long móng còn ở 7 địa phương; dịch tả lợn châu Phi còn ở 21 địa phương chưa qua 21 ngày.

b) Lâm nghiệp

Tính chung 2 tháng đầu năm, diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 15,8 nghìn ha, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 10,7 triệu cây, tăng 4,9%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1,85 triệu m³, tăng 3,5%; sản lượng củi khai thác và thu nhập đạt 2,73 triệu ste, giảm 1,1%.

Tính chung 2 tháng đầu năm, cả nước có 200,8 ha rừng bị thiệt hại, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 82,9 ha, giảm 9,9% (cùng kỳ năm trước là 92 ha); diện tích rừng bị chặt phá là 117,9 ha, tăng 15,6%.

c) Thủy sản

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, sản lượng thủy sản ước tính đạt 1.141,4 nghìn tấn, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm sản lượng nuôi trồng đạt 600,5 nghìn tấn, tăng 2,5%; sản lượng khai thác đạt 540,9 nghìn tấn, tăng 0,5% (sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 512,7 nghìn tấn, tăng 0,5%).

2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 02/2021 ước tính giảm so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước do số ngày làm việc của tháng Hai năm nay ít hơn 8 ngày và ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại một số địa phương. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp tháng 01/2021 tăng khá so với tháng 01/2020 (tăng 22,5%) nên tính chung 2 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,4% (cùng kỳ năm trước tăng 7,1%), đóng góp 8 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện

tăng 4,3% (cùng kỳ năm trước tăng 7%), đóng góp 0,7 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,8% (cùng kỳ năm trước tăng 4,6%), đóng góp 0,4 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 11% (cùng kỳ năm trước giảm 2,7%), làm giảm 1,7 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 2 tháng đầu năm 2021 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Ti vi các loại tăng 61,5%; linh kiện điện thoại tăng 55,7%; thép cán tăng 47,3%; sắt, thép thô tăng 20,1%; sữa bột tăng 17,5%; xi măng tăng 14%; ô tô tăng 9,9%; bia các loại tăng 8,3%....

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/02/2021 tăng 0,3% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 2,4% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước không thay đổi và giảm 1,9%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,1% và giảm 4%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 0,4% và giảm 1,8%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng 02/2021 giảm so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do tháng Hai trùng với thời điểm Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, số vốn đăng ký trong tháng 2/2021 tăng 15,9% so với tháng trước và tăng 85,6% so với cùng kỳ năm trước; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn giảm 80,1% và giảm 21,3%; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh chờ làm thủ tục giải thể giảm 53,5% và giảm 32,2%. Đây những tín hiệu hết sức tích cực trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, cả nước có 18,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 334,8 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 172,8 nghìn lao động, tăng 4% về số doanh nghiệp, tăng 52,2% về vốn đăng ký và tăng 9,7% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 2 tháng đạt 18,5 tỷ đồng, tăng 46,4% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 385,6 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 6,5 nghìn doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 2 tháng đầu năm 2021 là 720,4 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có hơn 11 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 2 tháng năm 2021 lên 29,2 nghìn doanh nghiệp.

Cũng trong 2 tháng đầu năm nay, có 33,6 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2020.

4. Đầu tư

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 40,9 nghìn tỷ đồng, bằng 9% kế hoạch năm và tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Vốn Trung ương quản lý đạt 5,6 nghìn tỷ đồng, bằng 7,2% kế hoạch năm và tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước; Vốn địa phương quản lý đạt 35,3 nghìn tỷ đồng, bằng 9,4% kế hoạch năm và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến 20/02/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư

nước ngoài đạt 5,46 tỷ USD, giảm 15,6% so với cùng kỳ năm 2020. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 2 tháng ước tính đạt 2,5 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,8 tỷ USD, chiếm 71,8% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 389 triệu USD, chiếm 15,6%...

Trong số 46 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 2 tháng đầu năm nay, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 1,45 tỷ USD, chiếm 43,8% tổng vốn đăng ký cấp mới;...

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 2 tháng có 5 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là 21,6 triệu USD; giảm 28,6% so với cùng kỳ năm trước. Có 4 quốc gia nhận đầu tư của Việt Nam, bao gồm: Lào, Trung Quốc, Phi-li-pin và Pháp, trong đó Lào là nước dẫn đầu với 15,5 triệu USD, chiếm 71,5%;...

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Dịch Covid-19 bùng phát và lây lan nhanh trước, trong và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu đã ảnh hưởng tới kết quả thu ngân sách Nhà nước trong 15 ngày đầu tháng Hai. Bên cạnh việc đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn, chi ngân sách được tăng cường để đảm bảo an sinh xã hội phục vụ nhân dân vui đón Tết cổ truyền và ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch Covid-19.

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/02/2021 ước tính đạt 220,5 nghìn tỷ đồng, bằng 16,4% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 194,1 nghìn tỷ đồng, bằng 17,1%; thu từ dầu thô 3,2 nghìn tỷ đồng, bằng 13,8%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 22,7 nghìn tỷ đồng, bằng 12,7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/02/2021 ước tính đạt 148,4 nghìn tỷ đồng, bằng 8,8% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 103 nghìn tỷ đồng, bằng 9,9%; chi đầu tư phát triển 26,9 nghìn tỷ đồng, bằng 5,6%; chi trả nợ lãi 18,5 nghìn tỷ đồng, bằng 16,8%.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 904,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,49% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,52%.

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 2 tháng đầu năm nay ước tính đạt 722,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 79,8% tổng mức và tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 2 tháng đầu năm ước tính đạt 88,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng mức và giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,3% tổng mức và giảm 62,1% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 91,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 3% so với cùng kỳ năm 2020.

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam 2 tháng đầu năm nay đạt mức tăng cao. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 2 tháng đầu năm nay ước tính đạt 95,81 tỷ USD, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu hàng hóa

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 48,55 tỷ USD, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 11,48 tỷ USD, tăng 4,4%, chiếm 23,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn

đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 37,07 tỷ USD, tăng 30,5%, chiếm 76,4%.

Trong 2 tháng có 9 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 73,8% tổng kim ngạch xuất khẩu. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, trong 2 tháng đầu năm nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 26,6 tỷ USD, tăng 27,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 54,8% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (tăng 1,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước). Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước tính đạt 17,3 tỷ USD, tăng 18,6% và chiếm 35,6% (giảm 1,4 điểm phần trăm). Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 3,6 tỷ USD, tăng 22,2% và chiếm 7,5% (giảm 0,1 điểm phần trăm). Nhóm hàng thủy sản đạt 1 tỷ USD, tăng 0,7% và chiếm 2,1% (giảm 0,4 điểm phần trăm).

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm nay với kim ngạch đạt 14,2 tỷ USD, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 47,26 tỷ USD, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 15,62 tỷ USD, tăng 16%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 31,64 tỷ USD, tăng 31,4%.

Trong 2 tháng có 11 mặt hàng đạt kim ngạch nhập khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 67,6% tổng kim ngạch nhập khẩu. Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 44,3 tỷ USD, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,7% tổng kim ngạch nhập khẩu (tăng 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước). Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 2,96 tỷ USD, tăng 18,4% và chiếm 6,3% (giảm 0,4 điểm phần trăm).

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa trong 2 tháng, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước tính đạt 17,3 tỷ USD, tăng 85,7% so với cùng kỳ năm trước;...

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 1,29 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,8 tỷ USD), trong đó khu vực trong nước nhập siêu 4,14 tỷ USD; khu vực đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 5,43 tỷ USD.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, vận tải hành khách đạt 684,1 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 21,1% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 29,3 tỷ lượt khách.km, giảm 28,8%; Vận tải hàng hóa đạt 323,4 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 59,8 tỷ tấn.km, tăng 4,2%.

d) Khách quốc tế đến Việt Nam

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, khách quốc tế đến nước ta đạt 28,7 nghìn lượt người, giảm 99,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, khách đến từ châu Á đạt 24,8 nghìn lượt người, chiếm 86,4% tổng số khách quốc tế đến nước ta, giảm 99% so với cùng kỳ năm trước; khách đến từ châu Âu ước tính đạt 2,5 nghìn lượt người, giảm 99,5% so với cùng kỳ năm trước. Khách đến từ châu Mỹ đạt 890 lượt người, giảm 99,6%. Khách đến từ châu Úc đạt 257 lượt người, giảm 99,7%. Khách đến từ châu Phi đạt 216 lượt người, giảm 97,8%.

7. Một số tình hình xã hội

a) Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

Dịch Covid-19 với biến thể mới tái bùng phát trở lại từ cuối tháng Một đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống dân cư, đặc biệt trong bối cảnh cả nước đang chuẩn bị đón Xuân Tân Sửu và giáp hạt năm 2021, ngày 11/01/2021, Chủ tịch nước đã ban hành Quyết định

số 07/QĐ-CTN về việc tặng quà cho các đối tượng có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán với tổng kinh phí thực hiện trên 538 tỷ đồng; tặng quà cho gần 5.384 trẻ em với tổng kinh phí trên 3,3 tỷ đồng từ Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam. Ngoài ra, tính đến ngày 22/02/2021 đã hỗ trợ cứu đói giáp hạt cho hơn 222,2 nghìn nhân khẩu với tổng lượng gạo là 3.333,7 tấn. Tính từ tháng 6/2020 đến nay, đây là tháng thứ 9 liên tiếp không phát sinh thiếu đói trên phạm vi cả nước.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. 5 quốc gia có số ca mắc Covid-19 nhiều nhất thế giới là Mỹ, Ấn Độ, Bra-xin, Nga và Anh. Tại Việt Nam, tính đến 6h00 ngày 27/02/2021 có 2.426 trường hợp mắc, 1.839 trường hợp đã được chữa khỏi (35 trường hợp tử vong).

c) Tai nạn giao thông

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 2.355 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 1.503 vụ tai nạn giao thông làm 1.230 người chết, 780 người bị thương và 968 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 2 tháng đầu năm nay giảm 0,5%; số người chết tăng 9,3%; số người bị thương tăng 13,2% và số người bị thương nhẹ giảm 11,4%.

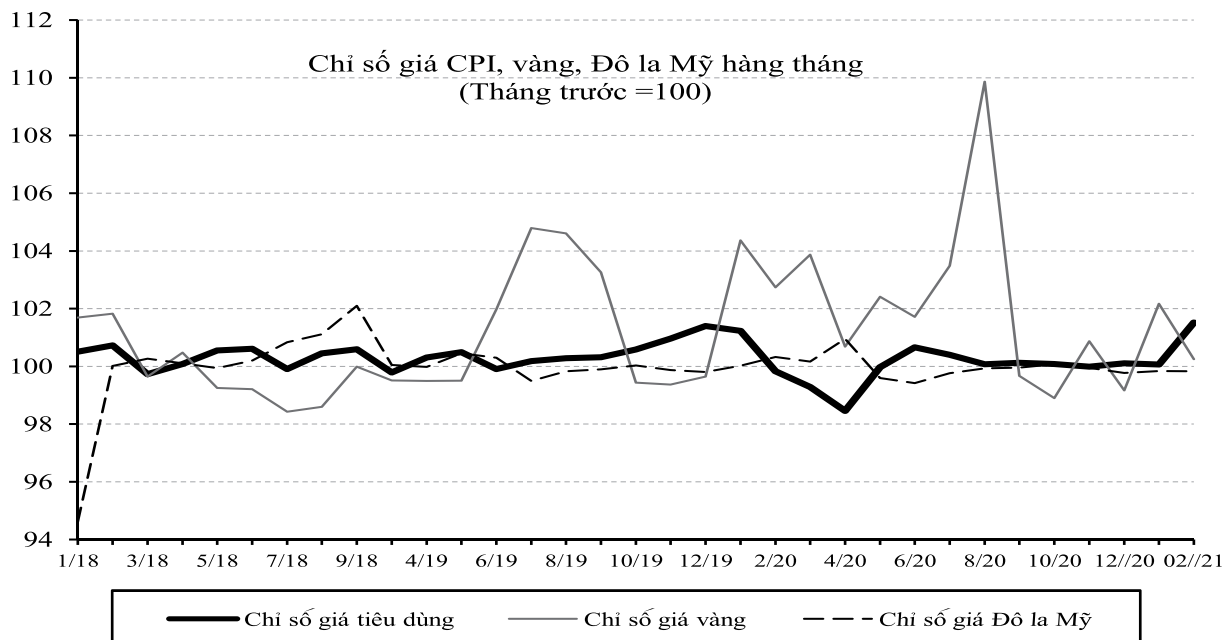
d) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Tính chung 2 tháng đầu năm nay đã phát hiện 4.374 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 3.796 vụ với tổng số tiền phạt là 42,5 tỷ đồng.

Tính chung 2 tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 455 vụ cháy, nổ, làm 18 người chết và 30 người bị thương, thiệt hại ước tính 139,6 tỷ đồng./.

(Trích Lược Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 và 2 tháng đầu năm 2021)

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 2 năm 2021



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 02 NĂM 2021 SO VỚI				2 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 02 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 01 năm 2021	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	104,84	100,70	101,58	101,52	99,86
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,87	102,39	102,26	101,61	101,71
1- Lương thực	108,25	107,64	102,61	101,77	106,87
2- Thực phẩm	112,26	101,57	102,64	101,82	100,62
3- Ăn uống ngoài gia đình	108,62	102,15	101,16	101,01	102,16
II. Đồ uống và thuốc lá	103,35	102,00	101,22	100,90	101,40
III. May mặc, mũ nón, giày dép	102,49	100,86	100,70	100,25	100,67
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	104,03	100,33	101,59	104,00	98,37
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	101,98	100,61	100,28	100,20	100,54
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	102,29	100,24	100,03	100,01	100,30
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,41	100,06	100,00	100,00	100,12
VII. Giao thông	95,18	93,45	103,87	101,55	91,57
VIII. Bưu chính viễn thông	98,62	99,50	99,93	100,03	99,46
IX. Giáo dục	107,11	104,08	100,33	100,00	104,10
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	107,69	104,49	100,38	100,00	104,51
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	99,13	97,93	100,20	100,13	97,66
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	104,94	101,99	100,98	100,74	101,70
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	141,88	125,08	102,42	100,25	126,62
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	99,30	99,24	99,67	99,83	99,48

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng



AN TOÀN, AN NINH MẠNG

THỰC HIỆN SỨ MỆNH QUAN TRỌNG TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Bích Ngọc

Làn sóng cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang đẩy nhanh công cuộc chuyển đổi số quốc gia. Đi cùng với đó là những rủi ro mà từ chính phủ số, nền kinh tế số đến xã hội số... phải đối mặt. Để giảm thiểu những rủi ro này thì việc xây dựng môi trường an toàn, an ninh mạng vững chắc là một yếu tố then chốt để Việt Nam chuyển đổi số thành công.

Tiếp sau câu chuyện thành công của nội địa hóa...

Tại Việt Nam, thị trường an ninh mạng được các doanh nghiệp quan tâm phát triển từ khá sớm (cách đây gần 30 năm) và ngày càng phát triển về chủng loại sản phẩm, kéo theo sự tăng lên nhanh chóng về doanh thu. Theo số liệu thống kê của Cục An toàn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông), doanh thu an toàn thông tin của Việt Nam đã tăng liên tục trong những năm gần đây, từ hơn 400 tỷ đồng năm 2016 lên mức 1.490 tỷ đồng năm 2019 và ước tính đạt khoảng 1.900 tỷ đồng trong năm 2020.

Trên thị trường an ninh mạng nước ta hiện nổi lên khá nhiều tên tuổi đình đám trong nước, trong đó, Trung tâm An ninh mạng Bách Khoa (hay một tên gọi khác là Bách Khoa Internet Security-BKIS) là cái tên được nhắc đến nhiều nhất, bởi sở hữu phần mềm diệt virus nổi tiếng BKAV được người dùng ưa chuộng nhất trong nhiều năm qua. Đây là một công ty chuyên nghiên cứu và tư vấn thiết kế phần mềm, các sản phẩm trong lĩnh vực diệt virus, rà quét các lỗ hổng an ninh mạng để khắc phục, tránh những sự cố đáng tiếc xảy ra. Bắt đầu từ cái nôi BKIS, Bkav sau này đã tạo được chỗ đứng riêng

trên thị trường, phát triển thành một tập đoàn công nghệ hàng đầu Việt Nam với hơn 1.600 nhân viên và các sản phẩm mang tầm thế giới. Hàng năm, mảng phần mềm diệt virus mang lại cho công ty khoản doanh thu khá lớn, 200-300 tỷ đồng. Không chỉ ghi dấu ấn thị trường trong nước, Bkav còn là thương hiệu phần mềm an ninh mạng hiếm hoi được thương mại hóa có xuất xứ thuộc một quốc gia Đông Nam Á.

Góp mặt trong thị trường an ninh mạng Việt Nam còn là hàng loạt những tên tuổi lớn như: Công ty an ninh mạng SecurityBox; Công ty Cổ phần An ninh An toàn

thông tin CMC (công ty thành viên của CMC); Công ty Cổ phần An ninh Mạng VSEC; Công ty Cổ phần Công nghệ An ninh không gian mạng Việt Nam (VNCS)... có nhiều đóng góp trong lĩnh vực an toàn an ninh mạng.

Việt Nam đã và đang bước vào cuộc cách mạng số và chuyển đổi số đã trở thành động lực chính để phát triển kinh tế xã hội, do đó việc tham gia vào thị trường an ninh mạng không chỉ đơn giản là cuộc chơi của mỗi doanh nghiệp mà là còn thực hiện sứ mệnh quan trọng là đảm bảo cho cuộc chuyển đổi số quốc gia thành công và phần đầu đưa Việt Nam trở thành trung tâm an ninh mạng khu vực ASEAN theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thực thi Chiến lược chuyển đổi số toàn bộ nền kinh tế - xã hội.

Xác định tự chủ công nghệ, sản phẩm, giải pháp, dịch vụ là giải pháp cơ bản để bảo đảm an toàn, an ninh mạng Việt Nam, từ cuối năm 2019 đến nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tập trung thực hiện 4 giải pháp lớn để phát triển Hệ sinh thái an toàn, an ninh mạng "Make in Việt Nam", bao gồm: Thúc đẩy hoạt động của Liên minh phát triển Hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng Việt Nam; Xây dựng, ban hành các tiêu chí kỹ thuật, tổ chức đánh giá chất lượng các sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng; Thúc đẩy nhu cầu thị trường an toàn, an ninh mạng Việt Nam; Truyền thông, giới thiệu sản phẩm cho hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng Việt Nam. Đây là bước đi kỳ vọng thay thế hoàn toàn cho những sản phẩm, giải pháp, dịch vụ an toàn an ninh mạng vốn trước đây phải phụ thuộc các nhà cung cấp nước ngoài. Sau một thời gian chuẩn bị tích cực,

tháng 12/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chính thức ra mắt Liên minh Phát triển Hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng Việt Nam với sự tham gia của 21 doanh nghiệp thành viên, hứa hẹn cho ra mắt những sản phẩm có khả năng tương thích kết nối liên kết với nhau trở thành các bộ giải pháp hoàn chỉnh phục vụ chính phủ điện tử, đô thị thông minh và các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia.

Với việc triển khai hàng loạt nội dung công việc theo 4 nhóm hành động trên, đến nay, hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng "Make in Việt Nam" đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Theo số liệu của Cục An toàn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông) công bố tại Hội thảo Triển lãm quốc tế Ngày An toàn thông tin Việt Nam 2020 trong tháng 12/2020, năm 2015 tỉ lệ sản phẩm an toàn an ninh mạng nội địa mới chỉ đạt 5%. Đến năm 2019, tỉ lệ này tăng lên 55%. Tuy nhiên sang năm 2020, tức là chỉ sau 1 năm ra mắt Liên minh Phát triển Hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng Việt Nam, tỉ lệ sản phẩm an toàn an ninh mạng nội địa đã đạt 91%, tăng gần 1,7 lần so với năm 2019 và tăng hơn 18 lần so với năm 2015. Con số 91% đã vượt xa mục tiêu ban đầu là năm 2020, các sản phẩm công nghệ thông tin của Việt Nam sẽ đáp ứng đầy đủ hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng; đến năm 2025, sản phẩm an toàn an ninh mạng của Việt Nam sẽ chiếm trên 70% thị trường trong nước và xuất khẩu ra các nước trong khu vực. Dự kiến đến đầu năm 2021, Việt Nam sẽ làm chủ 100% các dịch vụ này. Cùng với đó, tỷ lệ doanh thu sản phẩm an toàn thông tin nội địa so với nước ngoài đã tăng từ 18% năm 2015

lên 39% vào năm 2019 và hiện nay đã đạt 45%. Tỷ lệ này được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng lên trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Năm 2020 là một năm vô cùng đặc biệt đối với Việt Nam. Dù phải đối mặt với đại dịch Covid-19, song cũng chính trong bối cảnh này, hành trình Chuyển đổi số quốc gia lại được triển khai mạnh mẽ với sự đầu tư phát triển các hạ tầng, nền tảng, sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin áp dụng các công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật... Năm 2020 cũng khép lại với nhiều kết quả nổi bật trong lĩnh vực bảo mật và an toàn, an ninh thông tin.

Do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia phải thực hiện giãn cách xã hội, thế nhưng Việt Nam vẫn thể hiện được vai trò là chủ tịch ASEAN 2020, tổ chức thành công hàng loạt sự kiện trực tuyến lớn, quan trọng mang tầm vóc quốc tế và khu vực chưa có tiền lệ trong lịch sử như: Chuỗi hàng chục sự kiện năm Việt Nam làm chủ tịch ASEAN và Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37; Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 41 của Hội đồng liên nghị viện ASEAN; ITU Digital World 2020... và liên tục có các sáng kiến mới đóng góp cho thế giới nhờ việc bảo đảm tuyệt đối an toàn, an ninh mạng cho các sự kiện quốc tế lớn.

Bên cạnh đó, 100% bộ, ngành, địa phương trên cả nước đã triển khai cơ bản Trung tâm giám sát, điều hành an toàn an ninh mạng SOC kết nối kỹ thuật với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia NCSC. Đây là một bước tiến mới trong công tác bảo đảm an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị, khi hoàn thành việc triển khai mô hình 4 lớp theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ.

Điều này sẽ giúp cho các bộ, ngành và địa phương có thể chủ động trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Cũng trong năm 2020, lần đầu tiên chiến dịch rà quét, xử lý mã độc lần đầu được Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia đồng hành cùng các doanh nghiệp trong Liên minh phòng chống mã độc và xử lý tấn công mạng và doanh nghiệp quốc tế triển khai trên toàn bộ không gian mạng, nhằm mục tiêu giảm tỷ lệ lây nhiễm mã độc cho Việt Nam. Chiến dịch này đã được thực hiện đồng bộ tại tất cả các tỉnh, thành phố từ cấp địa phương đến trung ương, không những nhận được sự ủng hộ của đông đảo người dùng Internet Việt Nam mà còn đạt được mục tiêu đề ra là giảm 50% tỉ lệ lây nhiễm mã độc, giảm 50% địa chỉ IP Việt Nam nằm trong mạng botnet.

Chạy đua với nhiều nước trên thế giới, Việt Nam đang tăng tốc triển khai thương mại hóa mạng di động 5G với sự tham gia của nhiều nhà mạng di động như Viettel, MobiFone, VinaPhone... nhằm tạo thêm những đột phá sâu rộng về quy mô và tốc độ của thông tin, thúc đẩy ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất và phát triển kinh tế, tập trung ứng dụng robot, tự động hoá, AI. Bên cạnh những lợi ích đem lại, mạng 5G cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và mối đe dọa không chỉ đối với chính các mạng mà còn là nhiều ngành công nghiệp. Cùng với việc phát triển các giải pháp công nghệ, trong năm vừa qua, Việt Nam đã nhanh chóng thiết lập hành lang pháp lý về an toàn thông tin cho mạng 5G, đưa nước ta trở thành một trong những nước đầu tiên công bố danh mục yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật cho thiết bị đầu cuối, trạm gốc và chất lượng dịch vụ mạng 5G.

...cần sự đầu tư xứng tầm

Dù vậy, năm 2020 cũng là năm khiến cho các nhà mạng và nhiều đơn vị, tổ chức ở Việt Nam đau đầu bởi một lượng lớn vụ tấn công mạng. Cũng giống như nhiều quốc gia trên thế giới, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát, hàng loạt doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức chuyển sang làm việc từ xa thông qua các phần mềm làm việc trực tuyến. Điều này đã tạo môi trường màu mỡ cho kẻ xấu khai thác lỗ hổng, tấn công, đánh cắp thông tin và thực hiện hoạt động lừa đảo.

Theo chương trình đánh giá an ninh mạng Bkav được Tập đoàn công nghệ Bkav công bố vào giữa tháng 01/2021, năm 2020, thiệt hại do virus máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam đã đạt kỷ lục mới, vượt mốc 1 tỷ USD (23,9 nghìn tỷ đồng); đã có ít nhất 800.000 máy tính tại Việt Nam bị nhiễm loại mã độc tàng hình qua hình thức tấn công có chủ đích (APT), tăng gấp 2 lần so với năm 2019.

Trong năm qua còn có hàng trăm tỷ đồng đã bị hacker chiếm đoạt qua tấn công an ninh mạng liên quan đến ngân hàng, trong đó chủ yếu là các vụ đánh cắp mã OTP giao dịch của người dùng. Trung bình mỗi tháng, hệ thống giám sát virus của Bkav đã phát hiện hơn 15.000 phần mềm gián điệp trên điện thoại di động. Điển hình là vụ việc VN84App, phần mềm thu thập tin nhắn OTP giao dịch ngân hàng lên đến hàng tỷ đồng, đã lây nhiễm hàng nghìn smartphone tại Việt Nam. Bên cạnh đó, nhiều trang thương mại điện tử lớn, một số nền tảng giao hàng trực tuyến có nhiều người sử dụng đã bị xâm nhập và đánh cắp dữ liệu.

Tấn công "chuỗi cung ứng" - Supply Chain Attack cũng đã xuất hiện năm 2020 nhằm mục đích

xâm nhập vào các cơ quan, tổ chức quan trọng tại Việt Nam. Đây là hình thức, thủ đoạn tấn công tấn công tinh vi, đặc biệt nguy hiểm, thay vì nhắm mục tiêu trực tiếp vào nạn nhân, tin tặc tấn công vào các nhà sản xuất phần mềm mà nạn nhân sử dụng, cài mã độc vào phần mềm ngay từ khi "xuất xưởng".

Báo cáo kết quả nghiên cứu về phòng chống gian lận của hãng bảo mật Kaspersky cũng cho thấy, năm 2020 là một năm "thành công" đối với những kẻ gian lận trực tuyến, trong đó tấn công chiếm đoạt tài khoản là phương pháp được tin tặc lựa chọn hàng đầu. Các cuộc tấn công chiếm đoạt chiếm tới 54% số vụ gian lận vào cuối tháng 12-2020. Các phương pháp gian lận phổ biến tiếp theo là rửa tiền với 16%, gian lận tài khoản mới chiếm 14% và chỉ 12% trường hợp sử dụng các công cụ truy cập từ xa để tấn công.

Việc thiết lập môi trường an toàn, an ninh mạng được đánh giá là yêu cầu cần thiết để thực hiện thành công chuyển đổi số quốc gia. Với vai trò quan trọng đó cùng những nền tảng hiện có, ngành công nghiệp an ninh mạng đứng trước cơ hội lớn để phát triển, nhất là khi Bộ Thông tin và Truyền thông đang hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy trở thành một ngành công nghiệp mới.

Tuy nhiên, đánh giá tình trạng thực tế hiện nay, các chuyên gia cho rằng việc đầu tư cho an ninh mạng của Việt Nam còn là một con số khá khiêm tốn, chỉ chiếm 0,04% GDP, trong khi con số trung bình của thế giới là 0,13%, trung bình của ASEAN là 0,06% GDP.

(Xem tiếp trang 33)



BẢO ĐẢM AN TOÀN NỢ CÔNG TẠO DỰ GIỚI CHO CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Minh Thư

Với chủ trương đúng đắn của Đảng, Quốc hội cùng bước đi chủ động và tích cực của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tạo nền tảng từng bước cơ cấu lại nợ công hợp lý và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế; hệ thống thể chế, chính sách về quản lý và kiểm soát nợ công từng bước được hoàn thiện... Thực hiện thành công việc bảo đảm an toàn nợ công cho giai đoạn 2016-2020, tạo dự liệu cho chính sách tài khóa có nguồn lực tài chính.

Bảo đảm các chỉ tiêu an toàn nợ công

Trong bối cảnh nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam lớn, khả năng huy động nguồn nội lực chưa đáp ứng đầy đủ thì việc huy động từ các nguồn vốn vay nợ trong và ngoài nước là cần thiết và có vai trò hết sức quan trọng. Để thực hiện công tác quản lý nợ công, Việt Nam đã xây dựng hình thành được một hệ thống thể chế và chính sách quản lý nợ công như: Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN), các Nghị định, Quyết định của Chính phủ, các Thông tư, các văn bản quy định và hướng dẫn của các Bộ, Ngành... qua đó đã tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc vay nợ trong nước và nước ngoài,

việc sử dụng và trả nợ các khoản vay, đồng thời trên cơ sở các quy định mang tính pháp lý để xác định phạm vi quản lý nợ Nhà nước từ đó hình thành quy trình vay và trả nợ, làm căn cứ cho việc quản lý nợ. Đến nay, công tác quản lý nợ công đã có quy mô huy động nợ công tăng nhanh, phục vụ nhu cầu bù đắp bội chi NSNN và đầu tư cho phát triển.

Nhìn lại năm 2020 và cả giai đoạn 5 năm qua (giai đoạn 2016-2020), việc huy động, sử dụng vốn vay, trả nợ, xử lý rủi ro và thực hiện các nghiệp vụ quản lý nợ công đã có bước chuyển biến tích cực, góp phần giảm dư nợ công từ mức đỉnh 63,7% GDP năm 2016 xuống còn 55,8% GDP cuối năm 2020; nợ Chính phủ giảm từ mức 52,7%

năm 2016 xuống khoảng 49,6% GDP, làm tăng dự liệu cho chính sách tài khóa.

Tốc độ tăng quy mô nợ công giảm từ mức bình quân 18,1%/năm giai đoạn 2011 - 2015 xuống còn khoảng 6,6%/năm giai đoạn 2016-2020; nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ đạt 22,4% số thu NSNN năm 2020, kỳ hạn phát hành bình quân trái phiếu chính phủ năm 2020 là 13,94 năm, đảm bảo duy trì trong giới hạn nợ được Quốc hội cho phép và đảm bảo an ninh tài chính Quốc gia.

Vay nước ngoài của Chính phủ vẫn chủ yếu là các khoản ODA, vay ưu đãi (chiếm 98% nợ nước ngoài Chính phủ). Trong năm 2020 rút vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài ước đạt 2.150 triệu USD

(tương đương khoảng 49.775 tỷ đồng, đạt 46,3% kế hoạch cả năm), trong đó cấp phát khoảng 1.256 triệu USD, vốn vay về cho vay lại khoảng 894 triệu USD.

Việc trả nợ các khoản vay của Chính phủ được tổ chức thực hiện chặt chẽ và đảm bảo đúng hạn, bao gồm cả nghĩa vụ nợ trực tiếp của Chính phủ và nghĩa vụ nợ cho vay lại, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn làm ảnh hưởng tới cam kết với các nhà đầu tư, đưa Việt Nam từ một nước nghèo vay nợ nhiều trở thành một nước được các tổ chức quốc tế đánh giá có mức nợ nước ngoài bền vững, trong tầm kiểm soát và không nằm trong nhóm bị gánh nặng về nợ. Hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam được hãng S&P tiếp tục duy trì ở mức BB, triển vọng ổn định. Moody's cũng giữ nguyên hệ số tín nhiệm của Việt Nam. Tháng 4/2020, Fitch đã quyết định giữ nguyên hệ số tín nhiệm quốc gia ở mức BB và điều chỉnh triển vọng từ tích cực sang ổn định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nợ công còn đối mặt với những khó khăn, thách thức như: Danh mục nợ vẫn tiềm ẩn rủi ro; các khoản vay ưu đãi bắt đầu áp dụng điều khoản trả nợ nhanh; vay ODA giảm dần, tiến đến kết thúc, gây thiếu hụt nguồn vốn ưu đãi cho đầu tư phát triển; nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ có xu hướng tăng; kỳ hạn trái phiếu Chính phủ chưa đa dạng; công tác quản lý nợ của chính quyền địa phương còn hạn chế; quản lý nợ nước ngoài của Quốc gia còn khó khăn.

Bước sang năm 2021- năm đầu tiên Việt Nam thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (giai đoạn 2021-2025) và Chiến lược

phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (giai đoạn 2021-2030), Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 1130/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình quản lý nợ công 3 năm giai đoạn 2020-2022 và kế hoạch vay, trả nợ công năm 2020. Theo Chương trình, trong giai đoạn 2020-2022 tổng mức vay của Chính phủ khoảng 1.546,3 nghìn tỷ đồng, trong đó vay cho ngân sách trung ương khoảng 1.420,4 nghìn tỷ đồng, vay về cho vay lại khoảng 125,9 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu huy động vốn của Chính phủ từ các nguồn trong nước khoảng 75-80% nhiệm vụ vay hàng năm, từ các nguồn nước ngoài khoảng 20-25%.

Bên cạnh đó, duy trì kỳ hạn phát hành trái phiếu Chính phủ bình quân hàng năm khoảng từ 6-8 năm. Chủ động bố trí nguồn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, làm ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế của Chính phủ; đảm bảo chỉ tiêu nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với tổng thu NSNN hàng năm không quá 25%...

Giải pháp bảo đảm an toàn trong quản lý nợ công thời gian tới

Để đáp ứng nhu cầu cân đối NSNN và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới, quản lý nợ công cần tập trung vào các giải pháp như:

Một là, tiếp tục triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-TW của Trung ương, từng bước cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công đặt trong tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh hướng dẫn, áp dụng Luật Quản lý nợ công trong thực tiễn; đồng thời triển khai thực hiện công cụ quản lý nợ chủ động.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ, thể chế và chính sách quản lý nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài của Quốc gia, đảm bảo đồng bộ, ổn định, phù hợp với yêu cầu đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thị trường vốn trong nước và tăng cường khả năng chủ động tiếp cận, tham gia thị trường vốn quốc tế.

Ba là, tiếp tục nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng vốn vay, chủ động huy động nguồn vay ưu đãi ở mức độ hợp lý, tiếp tục hài hòa hóa thủ tục, hạn chế việc Chính phủ vay thương mại nước ngoài và bảo lãnh cho các doanh nghiệp.

Bốn là, tăng cường kiểm tra, giám sát việc huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và trả nợ công, vay trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp nhằm hạn chế rủi ro, bảo đảm an toàn nợ và an ninh tài chính quốc gia.

Năm là, tổ chức thực hiện thanh toán trả nợ, đảm bảo trả nợ đầy đủ, đúng hạn, không để phát sinh nợ quá hạn làm ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế. Đồng thời, chủ động sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính để giảm thiểu các rủi ro đối với danh mục nợ công.

Sáu là, phát triển thị trường vốn trong nước để tăng khả năng huy động bằng đồng Việt Nam, đặc biệt là phát triển cơ sở các nhà đầu tư, đa dạng hóa kỳ hạn, nâng cao tính thanh khoản để trái phiếu Chính phủ trở thành đường cong lãi suất chuẩn cho các công cụ nợ.

Bảy là, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu nợ, dự báo, phân tích, đánh giá và đưa ra cảnh báo mức độ rủi ro đối với danh mục nợ công và nợ nước ngoài của Quốc gia. Đồng thời, chủ động đề xuất phương án xử lý đối với các rủi ro tiềm tàng của danh mục nợ./.

Cải cách hành chính (CCHC) nhà nước ở nước ta là một chủ trương nhất quán của Đảng. Đây được xem là một trong ba khâu đột phá để phát triển đất nước, là yếu tố đảm bảo cho sự thành công của phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 được Chính phủ ban hành đã trở thành một trong những giải pháp tổng thể, toàn diện để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020.



Hệ thống thể chế, nhất là thể chế kinh tế thị trường tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện.

Cải cách thể chế được xác định là trọng tâm của CCHC, phản ánh sự lãnh đạo của Đảng, công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thực hiện mục tiêu xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển. Thời gian qua, công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đặc biệt là những luật, pháp lệnh triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 được các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương quan tâm, chỉ đạo sát sao.

Kết quả xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 cùng với kết quả thực hiện chủ trương của Đảng đối với công tác hoàn thiện pháp luật thời gian qua là nền tảng và là một trong những trọng tâm của cải cách thể chế tại Chương trình tổng thể CCHC. Thể chế về tổ chức bộ máy của hệ thống hành chính tiếp tục được hoàn thiện, đổi mới; thể chế về mối quan hệ giữa Nhà nước với người dân tiếp tục được quan tâm xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện trong thực tế, bảo đảm quyền, nghĩa vụ của người dân trong việc tham gia xây dựng bộ máy nhà nước.

DẤU ẤN CẢI CÁCH HÀNH CỬA VIỆT NAM QUA MỘT (GIAI ĐOẠN 2011-2020)

Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) được xác định là một khâu trọng tâm, đột phá và được triển khai ở tất cả các cấp hành chính theo hướng đơn giản hóa, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích chính đáng và quyền làm chủ của Nhân dân.

Kết quả thống kê cho thấy, tính từ đầu nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV đến tháng 11/2020 đã đơn giản hóa hơn 1.000 TTHC, có 3.893/6.191 điều kiện kinh doanh được cắt giảm, tiết kiệm hơn 5,9 triệu ngày công, tương đương hơn 893,9 tỷ đồng/năm; chỉ còn 6.776/9.926 danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành; tổng chi phí xã hội tiết kiệm được hơn 18 triệu ngày công/năm, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm. Các bộ, ngành đã có phương án

xử lý 1.501 mặt hàng có chồng chéo về thẩm quyền. Những quy định về kiểm soát TTHC cơ bản được hoàn thiện. TTHC được các bộ, ngành, địa phương từng bước chuẩn hóa, công bố, niêm yết, công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC, trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương và trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, giúp cá nhân, tổ chức truy cập tìm hiểu, thực hiện thuận tiện, chính xác.

Cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, Trung tâm phục vụ hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung cấp tỉnh, cấp huyện đã được triển khai ở các địa phương với nhiều đổi mới về phương thức hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tạo sự chuyển biến rõ nét trong giải quyết TTHC;



CHÍNH THẬP KỶ

TS. Hoàng Thị Thu Thủy
Học viện Chính trị KV IV

Các nội dung gắn kết đồng bộ giữa cải cách TTHC và xây dựng Chính phủ điện tử cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận với cơ quan hành chính nhà nước.

Đặc biệt, việc triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ đạt được những kết quả tích cực. Năm 2019, cả nước có hơn 14,5 triệu lượt hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, trong đó dịch vụ tiếp nhận hồ sơ là gần 2,2 triệu lượt, dịch vụ trả kết quả là 12.329.670 lượt, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, tạo tiền đề thúc đẩy triển khai cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

Các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính được tiếp tục hoàn thiện và ngày càng đồng bộ.

Việc xây dựng và ban hành các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các bộ, ngành Trung ương về cơ bản đã khắc phục được những hạn chế của các giai đoạn trước, bổ khuyết những thiếu sót trong thể chế về tổ chức và bộ máy, bảo đảm bao quát đầy đủ chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ. Bộ máy hành chính từ Trung ương đến địa phương được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cơ bản khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng quản lý. Phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương được tăng cường; hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước của hệ thống hành chính từng bước được nâng cao.

Việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ 6, khóa XII đạt được những kết quả quan trọng. Đến nay, tại các bộ, cơ quan ngang bộ (không tính Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) giảm được 12 vụ và tương đương. Điển hình trong năm 2020, Bảo hiểm xã hội (BHXH)

Việt Nam đã giảm 03 đơn vị cấp ban, giảm 13 đơn vị cấp phòng và 14 chức danh lãnh đạo cấp phòng; tại địa phương giảm được 65 phòng trực thuộc BHXH cấp tỉnh; giảm 58 BHXH thị xã, thành phố do chuyển giao nhiệm vụ, nhân sự, tài chính, tài sản về BHXH tỉnh thực hiện, quản lý; giảm 06 BHXH cấp huyện do sắp xếp địa giới hành chính; giảm 350 chức danh lãnh đạo cấp phòng. Bộ Tài chính đã cắt giảm 85 chi cục thuế tại các cục thuế cấp tỉnh; giảm khoảng 185 đội thuế thuộc chi cục thuế cấp huyện; đã rà soát, kiện toàn và cắt giảm 06 kho bạc nhà nước cấp huyện.

Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: giảm 05 tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; giảm 973 tổ chức cấp phòng; 127 tổ chức cấp chi cục; 1.179 tổ chức cấp phòng thuộc chi cục; ở cấp huyện giảm 294 tổ chức cấp cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, trong đó có 278 phòng Dân tộc. Về rà soát, cắt giảm đơn vị sự nghiệp công lập, tính đến ngày 29/02/2020, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, ngành là 1.045 đơn vị, giảm 53 đơn vị so với năm 2015. Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương là 49.445 đơn vị, giảm 6.189 đơn vị so với năm 2015. Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cơ bản hoàn thành: ở cấp huyện đã tiến hành sắp xếp đối với 18 đơn vị hành chính cấp huyện, giảm 06 đơn vị. Đối với cấp xã, đã tiến hành sắp xếp đối với 1.025 đơn vị, giảm 545 đơn vị. Hiện nay, thực hiện Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH, Chính phủ đang chỉ đạo tổ chức triển khai xây dựng mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhiều đổi mới; từng bước đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện, bố trí công chức đảm bảo theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm.

Công tác quản lý cán bộ, công chức; đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, đặc biệt là việc chấn chỉnh công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức đã được đẩy mạnh triển khai thực hiện. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đổi mới, phân công, phân cấp rõ ràng hơn; cải cách tiền lương đạt được những kết quả tích cực. Việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đạt được những kết quả bước đầu. Về biên chế công chức, các bộ, ngành, địa phương được giao năm 2021 là 247.344 biên chế, giảm 27.504 biên chế, tương ứng giảm 10,01% so với năm 2015. Biên chế sự nghiệp được giao năm 2021 là 1.783.174 người, giảm 242.703 người, tương ứng giảm 11,98% so với năm 2015. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố hiện nay là 1.031.851 người, giảm 147.290 người, tương ứng giảm 12,49% so với năm 2015.

Việc luật hóa, công khai hóa các nguồn thu và các khoản chi ngân sách nhà nước đã nâng cao tính dân chủ và minh bạch trong quản lý ngân sách quốc gia.

TTHC trong thu, chi ngân sách nhà nước được cải cách mạnh mẽ

theo hướng bảo đảm công khai, công bằng, thuận lợi, đúng pháp luật. Việc quản lý, sử dụng và đầu tư mua sắm tài sản công được quy định chặt chẽ hơn. Các cơ chế, chính sách về quản lý tài chính doanh nghiệp và sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước đã được ban hành đầy đủ, đồng bộ; điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và tình hình thị trường; thúc đẩy tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm ngăn chặn thất thoát vốn, tài sản nhà nước, tạo minh bạch trong công tác quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước. Từng bước hoàn thiện chính sách về thuế, quản lý nợ công, thu nhập, tiền lương, chính sách an sinh xã hội; triển khai chính sách xã hội hoá trong các lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập...

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, xây dựng “Chính phủ điện tử”, “Chính quyền điện tử” là kết quả nổi bật trong triển khai Chương trình tổng thể CCHC.

Chính phủ đã từng bước hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Các bộ, ngành và địa phương từng bước xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử; đô thị thông minh; tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, triển khai xây dựng nhiều phần mềm, cơ sở dữ liệu nền tảng. Điển hình như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký

doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính; cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (thu thập thông tin cá nhân của khoảng 93 triệu người); cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc; cơ sở dữ liệu giáo dục; dữ liệu danh mục dùng chung của Bộ Y tế...

Kết quả nổi bật là việc phát triển hệ thống một cửa điện tử cấp huyện, xã cho tới mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công tập trung cấp tỉnh; các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 ngày càng mở rộng, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và tổ chức thông qua các phương tiện hiện đại đã hình thành quan niệm mới về quản lý công, quản trị công mới, từng bước tiến tới một nền hành chính phục vụ, hiện đại, chuyên nghiệp.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 17/ NQ-CP ngày 07/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; tạo lập cơ sở pháp lý cho triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, nhằm thực hiện “mục tiêu kép” là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số của Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu.

Trục liên thông văn bản quốc gia, kết nối liên thông để phục vụ việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa 95/95 cơ quan nhà nước ở Trung ương và 63 địa phương; trong đó, 94/94 bộ, ngành, địa phương, cơ quan đã thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử đối với ba cấp chính quyền; có hơn 3,5 triệu văn bản

điện tử được gửi, nhận (từ ngày 12/3/2019 đến tháng 11/2020). Việc gửi, nhận văn bản điện tử giúp tiết kiệm chi phí xã hội khoảng trên 1.200 tỷ đồng/năm.

Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (Hệ thống e-cabinet); Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chính thức được đưa vào sử dụng, góp phần đổi mới phương thức làm việc của Chính phủ theo hướng hiện đại, trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin.

Từ ngày khai trương (24/6/2019) đến tháng 11/2020, Hệ thống e-cabinet đã phục vụ 23 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 561 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ thay thế việc phát hành hơn 208 nghìn phiếu giấy, hồ sơ, tài liệu kèm theo. Chi phí tiết kiệm được khi sử dụng Hệ thống khoảng 169 tỷ đồng/năm. Trong khi đó, Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khai trương ngày 19/8/2020 là hạ tầng số thông minh phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số phù hợp theo lộ trình chuyển đổi số quốc gia. Đến nay, Hệ thống đã kết nối 30 bộ, cơ quan với 20 chế độ báo cáo và 106/200 chỉ tiêu kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chi phí tiết kiệm khi vận hành Hệ thống này khoảng 460 tỷ đồng/năm.

Hiện tại, có 106/106 chỉ tiêu kết nối đã cung cấp dữ liệu, hiển thị trên các Bảng theo dõi trực quan (Infographic) tại Trung tâm thông tin; kết nối ổn định, thông suốt của 12 thông tin, dữ liệu trực tuyến tại

Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia; phối hợp với 54/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp dữ liệu trực tuyến cho 08 chỉ tiêu kinh tế - xã hội; tương tác, điều hành trực tuyến thông qua hệ thống mạng dữ liệu của Bộ Quốc phòng, mạng chuyên dùng, internet với gần 30 điểm cầu tại các bộ, ngành, địa phương.

Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 cũng đã có nhiều chuyển biến tích cực. Theo thống kê tính đến ngày 15/12/2020, tại các bộ, ngành Trung ương, mức độ 3 đạt 15,53%, mức độ 4 đạt 34,83%. Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến

mức độ 3 và mức độ 4 là 68,49%, trong đó mức độ 3 là 52,27%, mức độ 4 là 75,72%. Tại địa phương, mức độ 3 là 25,92%, mức độ 4 là 29,97%. Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 là 37,34%, trong đó mức độ 3 là 38,10%, mức độ 4 là 36,68%.

Các bộ, ngành và địa phương đã tăng cường áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động quản lý nhà nước nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính công khai, minh bạch trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức trong hệ thống bộ máy hành chính nhà nước. Một số bộ, ngành đã công bố mô hình Khung hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức theo hệ thống ngành dọc trực thuộc./.

AN TOÀN, AN NINH MẠNG...

(Tiếp theo trang 27)

Bên cạnh đó, sự thiếu hụt nguồn nhân lực là thách thức từ lâu đối với ngành đảm bảo an toàn an ninh mạng Việt Nam, chưa kể chúng ta còn có nguy cơ bị chảy máu chất xám ra các nước phát triển hơn. Theo Khảo sát "Niềm tin kỹ thuật số 2021 - Digital Trust Insights 2021", do PwC - một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu thế giới thực hiện mới đây, dự báo có tới 3,5 triệu việc làm liên quan tới an ninh mạng vào năm 2021, nhưng hiện Việt Nam mới chỉ có khoảng 500 nghìn người, tức là thiếu tới 3 triệu người.

Như vậy, để thực sự có được môi trường an toàn, an ninh mạng vững chắc song hành cùng hành trình chuyển đổi số quốc gia, thực hiện sứ mệnh bảo vệ sự thịnh vượng của Việt Nam trên không gian mạng cũng như phát triển thành một "ngành công nghiệp tỷ USD" như kỳ vọng, Việt Nam cần thiết tăng cường đầu tư nguồn lực tài chính cho lĩnh vực này và xây dựng một đội ngũ chuyên gia về an toàn, an ninh mạng làm nòng cốt. Đồng thời cần có sự gắn kết "3 nhà": Các doanh nghiệp an toàn, an ninh mạng; Các đơn vị sử dụng dịch vụ, sản phẩm an toàn, an ninh mạng; Các cơ quan xây dựng chính sách.

Riêng đối với các doanh nghiệp an toàn, an ninh mạng, cần làm chủ công nghệ, có những cách tiếp cận mới về sản phẩm để nhanh chóng phát hiện và ngăn chặn những cuộc tấn công ngày càng phức tạp và nguy hiểm, cũng như có sức cạnh tranh trên thị trường toàn cầu để vươn ra biển lớn, chinh phục tốt hơn các thị trường xuất khẩu./.

DOANH NGHIỆP VIỆT NỖ LỰC VƯƠN LÊN, TẠO BÚT PHÁ TRONG NĂM 2021

ThS. Lê Thị Huyền Trang

Học viện Ngân hàng

Năm 2020, kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn thách thức do đại dịch COVID-19, nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp Việt nói riêng cũng không nằm ngoài ngoại lệ đó. Tuy nhiên, vượt qua khó khăn, các doanh nghiệp trong nước đã có nhiều giải pháp sáng tạo, vươn lên từng bước phục hồi sản xuất và kinh doanh, góp phần giữ ổn định cho nền kinh tế. Bước sang năm 2021, đa số các doanh nghiệp đều lạc quan và tin tưởng đây sẽ là năm cộng đồng doanh nghiệp Việt vươn lên, làm mới mình và tạo bút phá.

Doanh nghiệp chủ động thích ứng

Dịch COVID-19 kéo dài khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn cục bộ, nhiều quốc gia rơi vào tình trạng khó khăn. Nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam trong những quý đầu năm 2020 cũng không tránh khỏi xu thế này khi sản xuất và thị trường bị thu hẹp, tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao.

Trước bối cảnh đó, nhờ sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp trong thực hiện "mục tiêu kép" vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa duy trì nhịp độ phát triển kinh tế nên kinh tế Việt Nam tiếp tục ổn định. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2020, tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 2,91%, là một trong những quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất

trong khu vực và trên thế giới. Các chuyên gia kinh tế cho rằng, yếu tố quan trọng nhất giúp nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng dương trong năm 2020 chính là những nỗ lực bền bỉ của các doanh nghiệp. Thời gian qua, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã và đang phát huy tinh thần vượt khó, tự lực, tự cường, nỗ lực duy trì sản xuất – kinh doanh và việc làm cho người lao động, đồng thời tìm ra những hướng đi mới phù hợp với nhu cầu thị trường để tồn tại và phát triển mạnh mẽ hơn. Nhiều doanh nghiệp đã chủ động thích ứng, chuyển trạng thái từ "đóng băng" sang nắm bắt những thời cơ mới để phát triển; nhiều sáng kiến đã được doanh nghiệp triển khai; nhiều chiến lược thích ứng và phát triển đã được hình thành...

Để thích ứng với tình hình dịch COVID-19, nhiều doanh nghiệp đã nhanh chóng chuyển hướng đi mới. Các giải pháp được

doanh nghiệp thực hiện chủ yếu bao gồm: Đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử, chuyển đổi mặt hàng sản phẩm chủ lực, tích cực tìm kiếm thị trường mới cho nguyên liệu đầu vào cũng như tìm kiếm thêm thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra... Báo cáo của Khối Nghiên cứu kinh tế toàn cầu của Ngân hàng HSBC ghi nhận, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam tìm mọi cách xoay sở để vượt qua những thách thức do dịch bệnh mang tới. Đồng thời, cải tiến phương thức hoạt động, chuyển đổi số, chủ động tiếp cận ngân hàng để tìm giải pháp tối ưu hóa quản lý dòng tiền...

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp cũng rất linh hoạt thực hiện những giải pháp tạm thời, như phối hợp với những doanh nghiệp khác để chuyển đổi nghề cho người lao động. Chẳng hạn, có không ít doanh nghiệp khách sạn đã phối hợp với một số chuỗi



siêu thị để giải quyết việc làm cho các nhân viên khách sạn không có việc làm. Những nhân viên khách sạn này được các chuỗi siêu thị tiếp nhận để sắp xếp vào vị trí nhân viên bán hàng, đi giao hàng và các bên cùng thống nhất cụ thể về lương, chế độ và thời gian làm việc...

Khi dịch bệnh tạm lắng xuống cũng là lúc các doanh nghiệp Việt nỗ lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh, từng bước phục hồi kinh tế. Số liệu cập nhật về tình hình đăng ký kinh doanh của Tổng cục Thống kê đã cho thấy sự nỗ lực nâng cao khả năng thích ứng của cộng đồng doanh nghiệp trước khủng hoảng. Tình hình đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp năm 2020 đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Cả nước có 134,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là hơn 2.235,6 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 1.043 nghìn lao động,

tăng 29,2% về vốn đăng ký so với năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2020 đạt 16,6 tỷ đồng, tăng 32,3% so với năm trước. Nếu tính cả 3.341,9 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 39,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong năm nay là gần 5.577,6 nghìn tỷ đồng, tăng 39,3% so với năm trước.

Bên cạnh đó, còn có 44,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 11,9% so với năm 2019, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2020 lên 179 nghìn doanh nghiệp, tăng 0,8% so với năm trước. Trung bình mỗi tháng có 14,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động, so với gần 8,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Những con số trên là minh chứng rõ ràng nhất,

phản ánh trung thực và khách quan nhất nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp đã đem lại những kết quả khởi sắc cho nền kinh tế vượt qua những khó khăn, thách thức hiện thời.

Lạc quan về triển vọng năm 2021

Bước sang năm 2021, cộng đồng doanh nghiệp đều kỳ vọng với sự hỗ trợ từ Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương... hoạt động sản xuất, kinh doanh sẽ thuận lợi, tạo đột phá mới. Nhận định về cơ hội phát triển cho doanh nghiệp Việt, nhiều báo cáo của các tổ chức trong nước và quốc tế cho rằng, năm 2021 sẽ là năm phục hồi và bứt phá.

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Tổng cục Thống kê cũng cho thấy: Dự kiến quý I/2021 so với quý IV/2020, có 42,8% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên; 19% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 38,2% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định. Trong đó, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lạc quan nhất với 83% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2021 tốt hơn và giữ ổn định so với quý IV/2020; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước lần lượt là 80,5% và 77,7%.

Bên cạnh đó, khảo sát HSBC Navigator do ngân hàng HSBC thực hiện với hơn 10.000 doanh nghiệp tại 39 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu, bao gồm 200 doanh nghiệp tại Việt Nam cho thấy, trong năm 2020 khi cả thế giới chống chọi với đại dịch COVID-19, đa số các doanh nghiệp Việt Nam đã nhanh chóng tự điều chỉnh sang hình thức "bình thường mới" và đang hướng tới

tương lai với một tinh thần lạc quan hơn nhiều so với các doanh nghiệp khác trên thế giới. Theo kết quả khảo sát, 55% trong số 200 DN Việt được khảo sát tỏ ra lạc quan về tỷ lệ tăng trưởng trong năm 2021, cao hơn mức trung bình toàn cầu (29%). Đồng thời, 59% (so với 45% trên toàn cầu) kỳ vọng có thể đạt được mức lợi nhuận ở thời điểm trước dịch vào cuối năm 2021 và 86% kỳ vọng vào cuối năm 2022. Khả năng phục hồi xuất sắc và công tác ứng phó rất hiệu quả của Việt Nam đối với dịch COVID-19 là một đóng góp to lớn giúp tinh thần lạc quan của các doanh nghiệp gia tăng. Trong nửa cuối năm 2020, Việt Nam đã quay trở lại môi trường kinh doanh bình thường.

Nhiều doanh nghiệp Việt thể hiện tinh thần lạc quan đối với tăng trưởng, bao gồm những doanh nghiệp khai thác trong nước (68% so với nhà khai thác quốc tế: 50%), các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa (60% so với các doanh nghiệp dịch vụ: 48%) và các doanh nghiệp thiên về kinh doanh trực tuyến (60% so với các doanh nghiệp kinh doanh truyền thống: 50%).

Đối với hoạt động đầu tư trong tương lai, 88% doanh nghiệp Việt Nam có ý định tăng cường đầu tư cho các hoạt động kinh doanh của mình trong năm tới (nhiều hơn so với 2/3 doanh nghiệp trên toàn cầu). Khoảng 69% doanh nghiệp dự định trong năm 2021 sẽ tập trung đầu tư vào các kênh bán hàng, 68% vào nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động, 67% vào trải nghiệm khách hàng và 67% vào quản lý dòng tiền/vốn.

Đối với đầu tư vào công nghệ, 61% doanh nghiệp cho rằng sẽ thực hiện để cải thiện tốc độ tiếp cận thị trường, 59% để nhắm vào khách hàng mới và 55% để tăng cường tự động hóa/hiệu quả hoạt động.



Bên cạnh những lạc quan trong hoạt động kinh doanh, khảo sát của HSBC cũng cho thấy 91% DN Việt cho biết họ lạc quan về thương mại quốc tế trong 1-2 năm tới, cao hơn con số trung bình 71% ở khu vực APAC và 72% trên toàn cầu.

Phần lớn các chuyên gia kinh tế đều cho rằng, tuy đại dịch Covid-19 đã khiến hoạt động của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng,

tuy nhiên có thể nhìn thấy nhiều điểm sáng trong giai đoạn tới đến từ các hiệp định Thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Cụ thể, đối với hiệp định EVFTA, Việt Nam đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh về kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng xuất khẩu như cà phê, nông sản, thủy sản..., có những mặt hàng lên tới 25 - 30%. Vì vậy, chắc chắn EVFTA sẽ mang nhiều cơ hội về thị trường EU và quốc tế cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Còn đối với hiệp định RCEP, Việt Nam được hưởng nhiều lợi ích từ hiệp định thương mại tự do sâu rộng này khi là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất và năng động nhất trong khu vực. Thông qua việc đem lại khả năng tiếp cận nhanh hơn, hiệu quả hơn và miễn thuế cho thị trường khoảng 2,3 tỷ dân, Hiệp định RCEP có thể giúp các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường xuất khẩu và thu hút hàng hóa chất lượng cao cho người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, dòng đầu tư chuyển dịch khỏi Trung Quốc sang các nước, trong đó có Việt Nam sẽ là những điểm sáng trong ngắn hạn cho doanh nghiệp Việt.

Có thể nói, năm 2021 sẽ tiếp tục là một năm có nhiều biến động, nhưng sẽ là một năm bứt phá đối với kinh tế Việt Nam cũng như cộng đồng doanh nghiệp Việt. Các tổ chức quốc tế dự báo, Việt Nam có thể tăng trưởng 6-6,8% và tăng trưởng trở lại như trước đại dịch và để đạt được mức tăng trưởng đó, cần có sự góp sức của của cộng đồng doanh nghiệp nhằm tiếp tục khôi phục sản xuất, tận dụng cơ hội để phát triển và mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo sức bật cho nền kinh tế trong năm 2021./.

Tiếp tục đón chờ dòng FDI VÀO BẤT ĐỘNG SẢN

ThS. Lê Thị Loan - ThS. Nguyễn Thu Hiền
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nhìn lại 1 năm đầy biến động

Trong năm vừa qua, do chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid-19 nên tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm tới 25% so với năm 2019 (số liệu của Tổng cục Thống kê).

Đối với lĩnh vực bất động sản, năm 2020 cũng là một năm đầy biến động của dòng đầu tư FDI. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh từ đầu năm nên ngay trong quý I/2020, vốn đầu tư đăng ký mới vào lĩnh vực BĐS chỉ đạt 264 triệu USD, thấp hơn rất nhiều so với con số 10,8 tỷ USD của cùng kỳ năm 2019. Sang quý II/2020, nguồn vốn FDI vào lĩnh vực BĐS có tín hiệu tích cực hơn và đạt 587 triệu USD, gấp 2 lần quý trước đó. Dòng FDI chỉ thực sự khởi sắc trong quý III/2020 khi các doanh nghiệp trong lĩnh vực BĐS bắt đầu hoạt động trở lại, các nền kinh tế trên thế giới thích ứng hơn với "trạng thái bình thường mới", thể hiện ở vốn FDI đăng ký vào lĩnh vực này đạt 2,35 tỷ USD, tăng tới 400%

Trước sự bùng phát và diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, sự trì trệ và khủng hoảng của nền kinh tế thế giới, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam trong năm qua sụt giảm đáng kể. Trái ngược với xu hướng đó, dòng FDI vào bất động sản (BDS) lại tăng 18,6% so với năm 2019, tuy vậy lĩnh vực này đã không thể duy trì vị trí thứ 2 từng có được, mà đã tụt xuống vị trí thứ 3 trong danh sách các lĩnh vực thu hút đầu tư. Lĩnh vực BĐS được đánh giá sẽ tiếp tục có nhiều cơ hội đón nhận dòng vốn DFI hơn trong năm 2021.

so với quý II/2020, đưa tổng số vốn đăng ký đầu tư trong lĩnh vực BĐS lên gần 3,2 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2020, chiếm khoảng 15% tổng nguồn vốn FDI đăng ký mới. Tuy nhiên, dòng vốn vào quý IV lại không có được đà tăng của quý III

nên cả năm 2020, lĩnh vực kinh doanh bất động sản vẫn đứng thứ vị trí 3 với vốn FDI đăng ký gần 4,2 tỷ USD, tăng 18,6% so với năm 2019, chiếm 14,7% tổng vốn đăng ký đầu tư của cả nước; đứng sau lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo 13,6 tỷ USD, chiếm 47,7% tổng vốn đầu tư đăng ký và lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, với tổng vốn đầu tư trên 5,1 tỷ USD, chiếm 18%.

Theo giới phân tích, trong bức tranh đan xen nhiều sắc màu về FDI vào lĩnh vực này năm 2020 thì bất động sản công nghiệp nhận được khá nhiều sự quan tâm nhờ làn sóng dịch chuyển đầu tư toàn cầu, trong khi phân khúc bất động sản bán lẻ khá "lép vế", chủ yếu tập trung vào các dự án phức hợp như nhà ở, trung tâm thương mại, văn phòng... giúp các thương hiệu quốc tế tiếp tục mở rộng sự hiện diện trên thị trường. Trong tổng số 70 dự án FDI bất động sản được cấp phép mới năm 2020, chỉ nổi lên 5 dự án xây dựng trung tâm thương mại và siêu thị, đều do một chủ đầu tư là Công ty cổ phần Bất động sản Việt - Nhật triển khai rải rác tại 5 tỉnh là Bến Tre, Hải Dương, Thái Bình, Thái Nguyên và Khánh Hòa,

với tổng vốn đầu tư gần 72,3 triệu USD. Trong đó, dự án FDI bất động sản bán lẻ lớn nhất được cấp phép mới trong năm là dự án khu trung tâm thương mại và siêu thị tại TP. Nha Trang với quy mô 20.857 m² của Công ty cổ phần Bất động sản Việt - Nhật vào tháng 11/2020, có vốn đầu tư là 24,5 triệu USD. Ở kênh tăng vốn, Dự án Trung tâm tài chính - thương mại và các công trình phụ trợ tại Khu đô thị mới Mỗ Lao (Hà Đông, Hà Nội) do Công ty TSQ Việt Nam thuộc Tập đoàn TSQ Finance (Ba Lan) trở thành dự án bất động sản bán lẻ duy nhất thực hiện tăng vốn đầu tư trong năm 2020, với việc bổ sung 67,5 triệu USD hồi đầu năm.

Tận dụng tốt những cơ hội mới

Bước sang năm 2021, dòng vốn FDI vào lĩnh vực BĐS đã có sự khởi sắc ngay trong tháng 1 khi có tổng vốn đầu tư vào lĩnh vực này là gần 179 triệu USD, chiếm 8,9% tổng vốn đầu tư đăng ký và giành lại vị trí thứ hai trong danh sách các lĩnh vực thu hút FDI. Đây là một sự khởi đầu tốt đẹp để lĩnh vực BĐS Việt Nam tiếp tục đón dòng vốn của các nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2021, trong đó bất động sản công nghiệp và bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng sẽ là hai phân khúc nổi bật nhất trên bản đồ thu hút dòng tiền đầu tư FDI. Bên cạnh đó, FDI bất động sản bán lẻ năm nay sẽ tập trung chủ yếu vào các dự án phức hợp, thay vì phát triển các trung tâm bán lẻ độc lập do thị trường bán lẻ đang có xu hướng chậm lại dẫn do chịu ảnh hưởng nặng nề của Covid-19 và xu hướng tiêu dùng tại Việt Nam cũng đang có sự thay đổi khi thương mại điện tử ngày càng phát triển.

Dự báo trên được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích nhiều yếu tố. Trước hết là từ các yếu tố tích cực của kinh tế vĩ mô, Việt Nam có

sự ổn định về chính trị và là một trong số ít quốc gia duy trì tăng trưởng kinh tế dương trong năm vừa qua nhờ việc kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, trong khi hầu hết các nền kinh tế trên thế giới suy giảm; lạm phát được kiểm soát tốt; thị trường tài chính tiền tệ không có những biến động lớn.

Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, Việt Nam không ngừng cải cách thủ tục hành chính, đổi mới cơ chế quản lý cũng như chính sách mở cửa ngày càng sâu rộng. Cùng với đó, việc Luật Đầu tư năm 2020 bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 sẽ giúp Việt Nam có môi trường đầu tư có tính cạnh tranh cao hơn nhờ chính sách thu hút đầu tư tổng thể, thân thiện với doanh nghiệp nước ngoài.

Việc Việt Nam ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thế hệ mới được ký mới đây nhất như: Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)... cũng là cơ sở tạo dựng niềm tin về sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp trong mắt nhà đầu tư quốc tế, từ đó tạo lực kéo quan trọng để thu hút nhiều hơn nguồn vốn ngoại vào Việt Nam nói chung và lĩnh vực bất động sản nói riêng.

Đối với thị trường bất động sản công nghiệp, theo kết quả TĐT dân số và nhà ở năm 2019, với khoảng 68% số dân có độ tuổi từ 15 - 64 tuổi, Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn "cơ cấu dân số vàng", có nguồn cung lao động trẻ dồi dào. Cùng với đó, giá thuê nhân công và giá thuê đất để sản xuất trong khu công nghiệp nước ta hiện rẻ hơn so với một số quốc gia trong khu vực. Điều này đáp ứng

nhu cầu chiến lược kinh doanh, chuyển dịch đầu tư của các doanh nghiệp và việc thực hiện cắt giảm nguồn nhân công để giảm chi phí. Mặt khác, những năm qua Việt Nam đã chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng và bất động sản các khu công nghiệp, đồng thời đầu tư và đưa vào sử dụng hàng nghìn ki-lô-mét đường cao tốc liên vùng, giúp thúc đẩy sự giao lưu kinh tế - văn hóa thuận tiện giữa các vùng trong cả nước. Hơn thế nữa, hiện nay nhiều nhà đầu tư và các tập đoàn lớn vẫn đang tiếp tục bố trí lại chuỗi cung ứng, sản xuất kinh doanh để tránh bị quá phụ thuộc vào một quốc gia sau đại dịch Covid-19, trong đó Việt Nam là một trong những điểm đến được lựa chọn. Đây là những yếu tố khiến lượng nhà đầu tư FDI đổ vốn vào BĐS khu công nghiệp và kinh doanh hạ tầng lưu trú gần khu công nghiệp sẽ còn tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Đối với bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng, phân khúc này được đánh giá có tiềm năng phát triển rất lớn là dựa trên nền tảng điều kiện tự nhiên, văn hóa vốn có của Việt Nam, cùng với việc các bộ, ngành và địa phương đang tích cực thực hiện Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đồng thời, quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ cao, dân số đô thị tăng nhanh, nhất là tại các đô thị lớn, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng... cũng sẽ giúp FDI về bất động sản du lịch nghỉ dưỡng sẽ tăng lên.

Tuy nhiên, để dòng vốn FDI vào thị trường bất động sản Việt Nam mang lại hiệu quả kinh tế cao, đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, theo các chuyên gia kinh tế, quá trình thu hút vốn cần thực hiện

một cách cẩn trọng, có cân nhắc, chọn lựa, tính toán và phù hợp với quy hoạch. Trong đó, trước hết, công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần được xây dựng chi tiết, tỉ mỉ và cụ thể. Từ đó mới có thể xây dựng quy hoạch phát triển bất động sản hợp lý, ổn định, phù hợp với nhu cầu phát triển ngắn, trung và dài hạn.

Cũng giống như các dự án FDI nói chung, các dự án FDI bất động sản cần được thẩm định kỹ càng theo các tiêu chuẩn, để lựa chọn được các nhà đầu tư tốt, có kinh nghiệm, thực lực và khả năng kết nối thị trường bất động sản quốc tế.

Việc liên doanh, liên kết có ý nghĩa quan trọng trong việc tận dụng, thu hút vốn, kỹ thuật và đảm bảo hiệu quả đầu tư lâu dài cho các dự án. Do đó, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản cần cẩn trọng trong tìm kiếm đối tác liên doanh, liên kết nước ngoài, lựa chọn những nhà đầu tư có đủ năng lực tài chính, năng lực kinh doanh cũng như kỹ năng trong xây dựng, kinh doanh bất động sản và thực sự có mong muốn gắn bó lâu dài với thị trường Việt Nam.

Để đón làn sóng FDI đến vào Việt Nam, thời gian qua nhiều địa phương liên tục mở rộng, bổ sung quỹ đất bất động sản khu công nghiệp. Tuy nhiên trên thực tế hiện nay, các chủ đầu tư bất động sản công nghiệp mới chỉ đơn thuần là đầu tư nơi sản xuất, mà không có sự đồng bộ với nơi ở, giáo dục, vui chơi giải trí... Điều này không tạo được sự bền vững của khu công nghiệp. Do đó, bất động sản khu công nghiệp cần thu hút những nhà đầu tư ngoại phục vụ nhu cầu thiết yếu và đồng bộ, để mang lại chất lượng cuộc sống và ổn định lâu dài cho người lao động và các chuyên gia. Mặt khác, các khu công nghiệp cần được rà soát lại toàn bộ theo hướng cần ưu tiên mở rộng hoặc xây mới, thu hẹp hay thu lại và công bố rộng rãi danh sách các khu công nghiệp có quỹ đất sạch, cơ sở hạ tầng sẵn sàng.

Chuẩn bị tốt những điều trên sẽ giúp Việt Nam tận dụng tốt những cơ hội đang có, tiếp tục hút vốn đầu tư FDI vào lĩnh vực bất động sản, đóng góp đáng kể vào nguồn đầu tư FDI chung của cả nước cũng như sự phát triển lâu dài của nền kinh tế quốc gia./.

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN

TẠI VIỆT NAM

Thu Hiền

Công nghiệp bán dẫn (vi mạch) với vị trí chủ chốt trong sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử không phải là một ngành mới lạ đối với nền công nghiệp của Việt Nam. Trong bối cảnh nhu cầu về thiết bị bán dẫn tăng mạnh trong những năm trở lại đây, Việt Nam đang có nhiều cơ hội khai thác, làm chủ công nghệ và thương mại hóa nguồn lợi từ ngành công nghiệp siêu lợi nhuận này.

Ngày nay, sự thành công của ngành công nghiệp bán dẫn đã trở thành động lực chính của công nghiệp điện tử; chất bán dẫn đã trở thành nguyên liệu không thể thiếu cho nhiều thiết bị điện tử cũng như hạ tầng xã hội và hỗ trợ tích cực cho cuộc sống hàng ngày. Chất bán dẫn là thành phần cơ bản trong các thiết bị kỹ thuật số, cấu thành nên những con chip nhỏ và siêu nhỏ trong các linh kiện điện tử có mặt trong các thiết bị như điện thoại thông minh, ô tô tự lái, thậm chí cả công nghệ trí tuệ nhân tạo hay trung tâm dữ liệu... Đặc biệt, trong quá trình phát triển khoa học và công nghệ toàn cầu, công nghiệp bán dẫn ngày càng chứng minh vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo nên những bước tiến vượt bậc. Những tiến bộ của công nghệ bán dẫn đã giúp tối ưu hóa hệ thống, ngày càng thu nhỏ kích thước thiết bị, tiết kiệm năng lượng, góp phần bảo vệ môi trường, đem lại cuộc sống an toàn và chất lượng.

Chính vì vậy, ngành công nghiệp bán dẫn hay còn gọi là vi mạch điện tử được đánh giá là một trong những ngành quan trọng nhất với doanh thu hàng trăm tỷ USD và đã trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn của nhiều quốc gia trên thế giới. Các quốc gia có nền công nghiệp phát triển như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản... đều dành các chính sách ưu tiên cho lĩnh vực này nhằm xây dựng năng lực tự chủ quốc gia. Trong những năm cuối thập niên 90 và đầu những năm 2000, Intel (Mỹ) là doanh nghiệp dẫn đầu về doanh thu vật liệu bán dẫn hàng năm. Từ năm 2017 đến nay, Samsung (Hàn Quốc) đã vươn lên dẫn đầu về doanh thu và trở thành doanh nghiệp thiết kế, sản xuất và bán mạch tích hợp lớn nhất thế giới (chiếm thị phần số 1 về chip nhớ, thứ 2 về đúc chip).

Năm 2021, ngành công nghiệp bán dẫn toàn cầu được dự đoán sẽ nổi đà của năm 2020 và tiếp tục tăng trưởng mạnh. Các chuyên gia cho rằng, dưới tác động của dịch Covid-19 và căng thẳng thương mại dẫn đến việc tăng lượng đặt trước tấm wafer thì việc phát triển nhanh các tiến trình công nghệ tiên tiến 7nm và 5nm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của điện thoại thông minh 5G, máy trò chơi và bộ xử lý đồ họa (GPU) trong các máy chủ đám mây sẽ kéo theo sự tăng trưởng của ngành đúc bán dẫn trên toàn cầu.

Tại Việt Nam, công nghiệp bán dẫn được coi là nền tảng hỗ trợ và đẩy mạnh sự phát triển của các ngành công nghiệp khác, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế theo chiều sâu. Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và hành lang pháp lý nhằm tạo điều kiện cho việc ưu tiên đầu tư và phát triển các sản phẩm công nghệ cao,

trong đó, lĩnh vực vi mạch bán dẫn là ưu tiên hàng đầu trong tất cả các lĩnh vực. Đây cũng là ngành kinh tế được Chính phủ xác định có sản phẩm nằm trong 9 sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm quốc gia thực hiện từ năm 2012 theo Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ, và là phương thức quan trọng để chuyển hóa các thành tựu khoa học công nghệ thành hàng hóa thương mại có giá trị gia tăng cao.

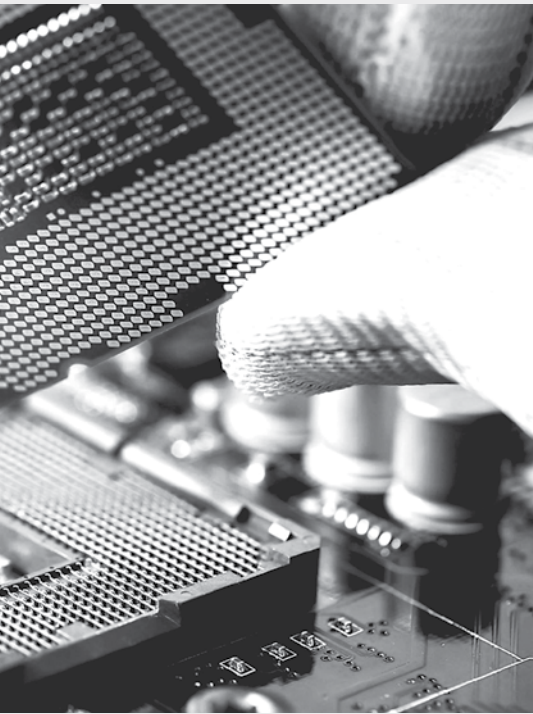
Việt Nam hiện có 3 khu công nghệ cao quốc gia được thành lập là Khu công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội), Khu công nghệ cao Đà Nẵng và Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh với hoạt động thu hút đầu tư ngày càng chuyển biến tích cực, tạo nền tảng để phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia. Nhiều công ty vi mạch bán dẫn nổi tiếng thế giới đã đặt nền móng và đầu tư mạnh vào lĩnh vực này như Intel, Sonion, Applied Micro..., đặc biệt phải kể đến sự góp mặt của “đại gia” Samsung.

Trong đó, khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh được xem là hình mẫu thu hút đầu tư và phát triển ngành vi mạch bán dẫn của cả nước, đặc biệt có những dự án đầu tư 1 tỷ USD cho nhà máy lắp ráp. Ngoài ra, thành phố Hồ Chí Minh cũng là trung tâm đứng đầu cả nước về nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực, có thể kể đến như: Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Thiết kế Vi mạch (ICDREC), Đại học Bách Khoa thành Phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học Tự Nhiên thành Phố Hồ Chí Minh, Đại học Công nghệ thông tin thành Phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc tế thành Phố Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu và triển khai - Khu Công Nghệ Cao Thành Phố Hồ Chí Minh.



Tuy nhiên, Hà Nội vẫn là địa phương có điều kiện cho phát triển vi mạch bởi có nguồn nhân lực trình độ cao mạnh nhất cả nước về số lượng cũng như chất lượng khi có nhiều viện nghiên cứu, trường đại học. Đáng kể phải nhắc đến sự góp sức của Khu công nghệ cao Hòa Lạc với các dự án đầu tư đã giúp hình thành hệ sinh thái ban đầu cho các lĩnh vực công nghệ, làm tiền đề cho phát triển công nghiệp bán dẫn. Một số nhà đầu tư trong lĩnh vực điện tử, bán dẫn như Công ty VNPT Technology, Tập đoàn Viễn thông Viettel, Công ty TNHH FC Hòa Lạc, Công ty TNHH Điện tử Noble Việt Nam... và một số sản phẩm công nghệ cao tiêu biểu được phát triển, sản xuất như công nghệ 5G, điện tử... kéo theo nhu cầu tăng mạnh các sản phẩm bán dẫn.

Gần đây nhất, Công ty Intel Products Việt Nam (IPV, thuộc Tập đoàn Intel, Mỹ) đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh dự án với vốn đầu tư tăng thêm 475 triệu USD để xây dựng



cơ sở sản xuất thử nghiệm và lắp ráp chip hiện đại nhất tại Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh (SHTP); nâng tổng số vốn đầu tư của Intel vào Việt Nam đến thời điểm hiện tại lên tới 1,5 tỷ USD. Bên cạnh đó, Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex (SEHC) vừa được chấp nhận chuyển đổi từ doanh nghiệp công nghệ cao sang doanh nghiệp chế xuất đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phụ trợ trong chuỗi cung ứng của Samsung, đặc biệt là doanh nghiệp ngành bán dẫn, đem lại giá trị thặng dư tốt hơn. Hay Dự án của Công ty SNST&Finger Vina (Hàn Quốc) có mục tiêu hoạt động thiết kế vi mạch điện tử tích hợp, với tổng vốn đầu tư gần 1 triệu USD, dự kiến sẽ đi vào hoạt động ngay trong quý 1/2021. Nhờ đó, ngành công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam ngày càng có nhiều lực đà phát triển mạnh.

Đối với ngành sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử, những thiết bị không thể thiếu vai trò quan trọng

của công nghiệp bán dẫn. Các số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, nhóm hàng điện tử, máy tính, điện thoại và linh kiện đã, đang nổi lên vai trò chi phối ngày càng cao với vị trí là nhóm hàng đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trị giá xuất khẩu của nhóm hàng này đang tiến dần tới mốc 100 tỷ USD/năm (năm 2019 đạt 87 tỷ USD, năm 2020 đạt gần 96 tỷ USD) với tỷ trọng ngày càng tăng, chiếm tới 33,9% tổng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2020. Nhờ đó góp phần lớn giúp cán cân thương mại xuất - nhập khẩu hàng hóa liên tục thặng dư với mức xuất siêu năm sau cao hơn năm trước kể từ năm 2016 và đạt trị giá xuất siêu kỷ lục trên 19 tỷ USD trong năm 2020, trở thành điểm sáng và làm tiền đề cho nền kinh tế trong năm 2021. Qua đó có thể thấy, tiềm năng và dư địa để phát triển công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam là vô cùng lớn.

Mặc dù nắm giữ vai trò chủ chốt trong phát triển công nghiệp 4.0, nhưng ngành công nghiệp vi mạch bán dẫn của Việt Nam nhìn chung vẫn còn non và chậm, hoạt động nghiên cứu phát triển chưa đồng bộ. Hoạt động hướng tới sản xuất kinh doanh và thu hút đầu tư, kinh doanh sản xuất còn chưa đủ sức thuyết phục để tạo ra các bước đột phá trọng điểm. Công nghiệp vi mạch bán dẫn tuy chiếm tỷ lệ trên 70% của ngành công nghiệp hỗ trợ nhưng tỷ lệ nội địa hóa còn thấp.

Bên cạnh đó, theo các chuyên gia, sự phát triển ngành công nghiệp bán dẫn của Việt Nam đang dựa trên 3 động lực thúc đẩy chính, đó là chi phí lao động thấp hơn các quốc gia khác, sự tăng trưởng trên thị trường trung tâm dữ liệu và sự gia tăng xây dựng

công trình nhà ở. Tuy nhiên, ngành sản xuất vi mạch của Việt Nam cũng đang phải đối diện với những khó khăn, trong đó, rào cản lớn nhất vẫn là bài toán về nguồn nhân lực chưa có lời giải thích đáng. Hiện nay, nguồn nhân lực cho lĩnh vực bán dẫn đang còn rất nhiều, nhất là các kỹ sư giỏi; điều này khiến cho doanh nghiệp hầu như rơi vào tình trạng khát nhân lực và luôn trong tình trạng "giành giật" nhân tài khi thu hút lao động.

Trước những bất cập về nguồn nhân lực, để giải bài toán khó hiện nay, phải pháp cần kíp là phải đầu tư cho việc đào tạo. Cần thiết phải có những phòng thí nghiệm về thiết kế, sản xuất vi mạch, cung cấp những gói đào tạo kiến thức cho kỹ sư mới ra trường và cộng đồng khoa học và công nghệ, nhất là các công ty khởi nghiệp để có thể tiếp cận, sử dụng hệ thống các trang thiết bị hiện đại.

Mới đầu năm 2021, nhà sản xuất lớn nhất thị trường bán dẫn Qualcomm đã có cảnh báo về tình trạng gia tăng nhu cầu thiết bị điện tử sẽ dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng chất bán dẫn trên toàn cầu, Amon, General Motors cũng đưa ra những cảnh báo tương tự trong khi thị trường chip toàn cầu vốn dựa vào các nhà máy ở châu Á. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đang đứng trước cả thách thức lẫn cơ hội thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp vi mạch bán dẫn khi đang là điểm sáng thu hút trong cuộc chuyển dịch đầu tư của các nhà sản xuất công nghiệp do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Việt Nam cần đưa ra những quyết sách kịp thời và phù hợp để không bỏ lỡ cơ hội lịch sử này cùng hàng triệu việc làm tiềm năng trong sản xuất công nghiệp, trong đó có ngành sản xuất vi mạch bán dẫn./.



DA GIÀY VIỆT NAM NỖ LỰC VƯỢT KHÓ, KỲ VỌNG PHÁT TRIỂN

Thu Hòa

Năm 2020, đại dịch Covid-19 lan rộng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế thế giới cũng như mọi mặt kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong đó, ngành da giày của Việt Nam với 90% sản lượng là hàng xuất khẩu đã gặp phải không ít khó khăn khi các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, nhu cầu hàng hóa sụt giảm, hoạt động xuất khẩu bị đình trệ và gặp nhiều khó khăn.

Ngay từ những ngày cuối của Quý I/2020, khi dịch bệnh bùng phát tại Trung Quốc, nguồn cung nguyên phụ liệu sản xuất da giày gián đoạn, nhiều doanh nghiệp trong ngành thiếu nguyên liệu sản xuất, phải giảm sản lượng hàng. Cùng với đó, khi chuỗi cung ứng đứt gãy, hoạt động xuất khẩu da giày của Việt Nam gặp nhiều khó khăn bởi các đối tác đặt hàng thay đổi phương thức đặt hàng và nhà cung cấp buộc phải thay đổi năng lực đáp ứng nhu cầu sản xuất, giao hàng.

Là một trong những ngành chịu nhiều tác động do dịch bệnh Covid-19, kim ngạch xuất khẩu da giày - túi xách năm 2020 của Việt Nam sụt giảm 9,6% so với năm 2019, đạt mức 16,6 tỷ USD, trở về mức năm 2018. Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn chung, ngành da giày vẫn ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Với việc kiểm soát tốt dịch bệnh, Ngành đã từng bước đổi mới, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, duy trì lực lượng sản xuất, tận dụng lợi thế từ việc tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA)... Đặc biệt, với sự tăng trưởng ở mức 2 con số vào tháng đầu tiên của năm 2021 đã cho thấy sự phục hồi trong sản xuất, kinh doanh và kỳ vọng vào sự phát triển trở lại trong năm 2021 khi dịch bệnh tiếp tục được kiểm soát tốt.

Các doanh nghiệp Việt phải chấp nhận và đáp ứng những điều kiện khắc nghiệt hơn khi thời gian giao hàng rút ngắn 30%, giá giao hàng lên tàu (FOB) giảm, minh bạch chuỗi cung ứng để người mua kiểm soát chuỗi... khiến lượng đơn hàng da giày của nước ta giảm đến 80% trong năm 2020. Đến cuối năm 2020 khi tình hình dịch bệnh tại các thị trường lớn của Việt Nam như Mỹ, Anh, EU... vẫn diễn biến phức tạp một số đơn đặt hàng trong năm vẫn tiếp tục bị kéo giãn thời gian giao hàng, các thị trường lớn của ngành da giày Việt đều giảm kim ngạch nhập khẩu. Cụ thể, thị trường Mỹ chiếm 37,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường EU đứng thứ hai chiếm 25,4%, giảm 15,9%. Tiếp sau là thị trường Trung Quốc và một số thị trường khác như Séc, Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ, Luxembourg... tuy không là thị trường chính nhưng kim ngạch giảm cũng khiến doanh nghiệp rơi vào tình trạng khó chống khó.

Không chỉ vậy, so với các ngành sản xuất hàng xuất khẩu khác, ngành da giày rất khó đẩy mạnh tiêu thụ nội địa. Trong khi toàn ngành có đến hơn 1.700 doanh nghiệp, sản lượng giày sản xuất trên 1,1 tỷ đôi/năm, túi xách, ba lô khoảng 400 triệu sản phẩm/năm... Song phần lớn sản phẩm da giày - túi xách sản xuất đều dành cho xuất khẩu nên không dễ tiêu thụ tại thị trường nội địa do giá thành cao.

Một vấn đề khác, dịch bệnh kéo dài đã làm thay đổi xu hướng cũng như thói quen tiêu dùng trên thị trường cũng đã phần nào khiến cho ngành da giày tiếp tục gặp khó khăn. Theo thống kê, hơn 60% người tiêu dùng đã cắt giảm mua sắm hàng thời trang. 65% người tiêu dùng chuyển từ hàng thời trang nhanh sang hàng cơ bản, lâu bền. Do vậy, các doanh nghiệp thiếu đầu ra cho sản phẩm và chưa chuyển đổi sản xuất kịp thời để đáp ứng sự thay đổi của thị trường, điều đó khiến cho nhiều doanh nghiệp da giày chỉ có thể sản xuất cầm chừng.

Mặc dù khó khăn là vậy, song nhờ vào việc kiểm soát tốt dịch bệnh cùng với việc nỗ lực đổi mới, từng bước tận dụng các lợi thế khi Việt Nam đã ký kết các FTA thế hệ mới... ngành da giày đã dần "hồi phục". Trong thời gian dịch bệnh, các doanh nghiệp da giày của Việt Nam đã chứng minh được khả năng làm R&D (nghiên cứu phát triển) và thiết kế mẫu là công đoạn mang lại giá trị gia tăng lớn trong sản phẩm của ngành da giày. Theo Hiệp hội Da giày túi xách Việt Nam (Lefaso) trước đây các nhãn hàng đều phải cử chuyên gia thiết kế qua Việt Nam để lên mẫu cho sản phẩm, nhưng do dịch bệnh, các nhãn hàng buộc phải để doanh nghiệp Việt

tự chủ động cả về sản phẩm và thiết kế. Kết quả là đa số các chuỗi cung ứng, các nhãn hàng đều tin tưởng vào khả năng R&D và thiết kế của doanh nghiệp Việt Nam. Các chuyên gia đánh giá đây là tín hiệu đáng mừng cho thấy Việt Nam đang thâm nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng ngành da giày thay vì chỉ làm gia công theo mẫu của các nhãn hàng trước đây.

Cùng với sự khẳng định về khả năng thiết kế và R&D, các chuyên gia cũng cho biết khả năng cung ứng vật tư của ngành da giày - túi xách Việt Nam hiện có sự phát triển theo chiều hướng tích cực khi nguồn nguyên liệu trong nước đã chủ động được khoảng 60%. Cụ thể, nguyên phụ liệu chiếm khoảng 50% trong cơ cấu giá thành của ngành da giày - túi xách. Trong đó, gần như toàn bộ việc sản xuất đế giày, từ khuôn đế, hoàn thiện đế và các nguyên phụ liệu... doanh nghiệp Việt Nam đều đã chủ động. Cùng với đó, phần đóng gói, tem nhãn chiếm khoảng 7-8% thì Việt Nam cũng đã chủ động được toàn bộ. Điều này có được là nhờ sự chủ động của các doanh nghiệp trong việc sản xuất nguyên phụ liệu trong nước để thay thế nguồn nhập khẩu. Điển hình như Công ty CP Giày Gia Định đã thành lập những cụm công nghiệp để thu hút doanh nghiệp đầu tư cho ngành sản xuất nguyên phụ liệu da giày và chủ động thành lập các xưởng sản xuất phục vụ cho ngành, ngay khi nguồn cung nguyên liệu bị đứt gãy và gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh.

Đặc biệt, do xu hướng thân thiện với môi trường cùng tính thời trang cao nên hiện đa số các nhãn hàng da giày đều dùng nguyên liệu vải dệt, PU và các nguyên liệu thân thiện với môi trường. Do đó, phần da để sản xuất sản phẩm

hiện chỉ chiếm chưa tới 2-3% tổng chi phí cho nguyên liệu của ngành giày. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho biết, tháng 1 năm 2021, chỉ số sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2020; sản lượng giày, dép da tháng 1 ước đạt 21,9 triệu đôi, tăng 3% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu giày, dép các loại tháng 01 ước đạt 1,8 tỷ USD, tăng 26,4% so với cùng kỳ.

Bên cạnh những nỗ lực nhằm đổi mới hoạt động sản xuất, từng bước tự chủ nguồn nguyên liệu, các doanh nghiệp ngành da giày cũng đã và đang chủ động nắm bắt và khai thác những lợi thế từ các Hiệp định Thương mại tự do mang lại nhằm tạo sự đột phá trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và thúc đẩy xuất khẩu. Theo đó, từ ngày 01/8/2020, khi EVFTA đi vào thực thi đã thấp sáng tia hy vọng cho xuất khẩu của ngành da giày vào thời điểm cuối năm. Quý cuối cùng của năm 2020 nhiều doanh nghiệp trong ngành bắt đầu nhận được các đơn hàng dịch chuyển về Việt Nam, giúp khôi phục sản xuất.

Đánh giá về triển vọng chung của ngành da giày, các chuyên gia cho biết, hiện sản phẩm da giày của Việt Nam đang ở mức trung bình với giá xuất khẩu là 16,64 USD, trong khi giá xuất khẩu trung bình của thế giới là 19,7 USD. Điều này cho thấy sản phẩm giày dép của Việt Nam đạt mức trung bình của thế giới và có giá trị khá cao so với các mặt hàng khác. Đồng thời, do tác động của dịch Covid-19, những chuỗi cung ứng mới đang được xác lập lại, đây chính là cơ hội để các doanh nghiệp da giày Việt tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

(Xem tiếp trang 49)

AN SINH XÃ HỘI CHO LAO ĐỘNG DI CƯ

Duy Hưng

Lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, thành thị đến thành thị, thành thị về nông thôn và các khu công nghiệp là một xu hướng tất yếu, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, lực lượng lao động di cư dù đã có những đóng góp không nhỏ đối với kinh tế - xã hội nhưng đây vẫn là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất và khó tiếp cận với các chính sách về an sinh xã hội, cần được sự quan tâm, hỗ trợ từ các cấp, ngành liên quan.

Thực trạng lao động di cư tại Việt Nam

Tại Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, quá trình di dân thường gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước, trong đó lao động di cư là lực lượng chính của các cuộc di dân, có thể kéo theo cả gia đình của họ. Điểm chung của các cuộc di dân đều là động lực tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phân bổ lại dân cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế lao động, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo phát triển bền vững với lực lượng lao động di cư giữ vai trò quan trọng. Từ thời kỳ nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời cho đến trước khi bước vào thời kỳ đổi mới, cuộc di dân lớn nhất trong phạm vi quốc gia và có tổ chức, chỉ đạo từ Chính phủ Việt Nam chính là các cuộc di dân xây dựng vùng kinh tế mới. Trong thập kỷ 1989-1999, xu hướng gia tăng di cư chủ yếu do chính sách khuyến khích di dân đến những vùng kinh tế mới, sự chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường cùng với sự phát triển của giao thông vận tải. Bước sang thập kỷ 1999-2009, di cư trở nên ngày càng phổ biến trong bối cảnh nền kinh tế phát triển mạnh mẽ kèm theo sự chuyển dịch cơ cấu từ nông nghiệp sang công nghiệp và



dịch vụ cũng như sự bùng nổ của các khu công nghiệp, chế xuất.

Trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, lao động di cư là một xu thế tất yếu. Những khó khăn hoặc cơ hội kinh tế, sinh kế được coi là động lực trực tiếp dẫn đến tình trạng di cư của lực lượng lao động. Lao động di cư tại Việt Nam chịu sự tác động của 2 yếu tố là nhân tố đẩy và nhân tố kéo. Trong đó, nhân tố đẩy là những yếu tố về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, chính trị, văn hóa ở nơi đi như: Điều kiện sống khó khăn, thiếu việc làm, thiếu đất đai...; còn nhân tố kéo là những điều kiện thuận lợi về tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa... và sự hấp dẫn từ cơ hội việc làm,

thu nhập và mức sống cao hơn, đặc biệt là đảm bảo an sinh xã hội tại nơi đến.

Do đó, từ năm 2009-2019, việc thực hiện thành công các chương trình mục tiêu, dự án kinh tế - xã hội tại các địa phương mà điển hình là chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới đã thu hẹp khoảng cách kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền; qua đó làm giảm số lượng người di cư cũng như lao động di cư trong giai đoạn này và gia tăng xu hướng lao động di cư trong phạm vi quen thuộc (di cư trong địa bàn huyện). Thống kê từ cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (Tổng điều tra) của Tổng cục Thống kê cho thấy, mặc dù dân số Việt Nam

liên tục tăng nhưng lượng người di cư đang có dấu hiệu giảm rõ rệt về số lượng và tỷ lệ. Trong số 88,4 triệu dân từ 5 tuổi trở lên, số người di cư là 6,4 triệu người, chiếm 7,3%. Đặc biệt là độ tuổi phổ biến của người di cư là từ 20-39 tuổi, chiếm 61,8% tổng số người di cư, gần gấp đôi tỷ lệ di cư của người không di cư cùng nhóm tuổi (33,2%). Đây cũng chính là nhóm tuổi trẻ, nhóm tuổi tham gia chính vào lực lượng lao động, có xu hướng đi xa, chấp nhận thử thách để thay đổi môi trường sống cũng như tìm kiếm các cơ hội việc làm với mong muốn nâng cao chất lượng sống. Đến nay, yếu tố di cư đã góp phần làm dân số khu vực thành thị tăng thêm 1,2 triệu người, chiếm 3,5% dân số thành thị.

Theo kết quả nghiên cứu chuyên sâu Tổng điều tra, trong tổng số lao động di cư đang làm việc trong nền kinh tế tính đến thời điểm tổng điều tra, có tới 91,4% lao động di cư làm ở khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng. Đặc biệt, tỷ trọng lao động di cư làm trong khu vực công nghiệp và xây dựng cao gần gấp đôi tỷ trọng người không di cư làm trong cùng khu vực (44,9% so với 27,7%). Đồng Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng vẫn là 2 khu vực thu hút phần lớn lao động di cư với mạng lưới dày đặc các khu công nghiệp, các vùng kinh tế trọng điểm, đem lại nhiều cơ hội mới hấp dẫn.

Tại Việt Nam, lao động di cư phần lớn làm các công việc chân tay hoặc không đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật. Có tới 78,8% lao động di cư từ 15 tuổi trở lên không có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong khi trình độ sơ cấp chiếm 4,3%, trung cấp chiếm 3,9%, cao đẳng chỉ chiếm 3,3% và đại học chiếm 9,2%. Mặc khác, tỷ lệ

thất nghiệp của lao động di cư của Việt Nam lại cao hơn người không di cư, tương ứng 2,53% so với 2,01%. Trong đó, lao động nữ di cư có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn lao động nam di cư, lần lượt là 2,82% và 2,20%. Trong tổng số lao động di cư đang thất nghiệp, hơn hai phần ba (69,7%) là những người di cư tới thành thị và chỉ có một phần ba là lao động di cư tới nông thôn. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sống của lao động di cư, đặc biệt là vấn đề an sinh xã hội còn nhiều lỗ hổng.

Các vấn đề về an sinh xã hội cho lao động di cư

Mặc dù có vai trò quan trọng trong lực lượng lao động của cả nước cũng như phát triển kinh tế - xã hội đất nước, nhưng lao động di cư vẫn là nhóm dễ bị tổn thương nhất và khó tiếp cận được với các chính sách về an sinh xã hội trong đó có chính sách về việc làm. Các nghiên cứu về di cư ở Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (Worldbank), Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) cũng chỉ ra rằng, lao động di cư, đặc biệt là lao động nữ là một trong những lực lượng lao động chịu nhiều thiệt thòi do mô hình kinh tế tăng trưởng nhanh hiện nay. Lao động di cư có thể xoay sở cải thiện được thu nhập trong môi trường sống mới, nhất là ở khu vực thành thị nhưng điều kiện sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội của họ còn rất kém so với người dân gốc tại địa phương đó. Dù tham gia vào cả lực lượng lao động chính thức và phi chính thức, nhiều lao động di cư vẫn không được hưởng những quyền lợi từ các chính sách an sinh xã hội như: Lao động, việc làm, giảm nghèo, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo trợ xã hội, các dịch vụ xã hội cơ bản như: Y tế, giáo dục, nhà ở,

nước sạch, tiếp cận thông tin... Đa số người lao động di cư không biết nơi cung cấp thông tin và tư vấn về Lao động và BHXH cho mình

Vấn đề lớn nhất đối với lao động di cư đó là việc làm do nhiều lao động phải đối mặt với tình trạng việc làm bấp bênh, không ổn định, tiền công lao động thấp hơn. Nhiều doanh nghiệp thường theo đuổi mục tiêu lợi nhuận, chi phí thấp thông qua việc không đảm bảo điều kiện làm việc, thời gian làm việc dài hạn và hạn chế người lao động tiếp cận các phúc lợi xã hội. Bên cạnh đó, do có tới 78,8% người di cư không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, thu nhập của lao động di cư không ổn định và bấp bênh do phần lớn công việc họ có thể tham gia là những công việc chân tay, mang tính thời vụ, môi trường làm việc độc hại, nguy hiểm... chỉ được ký hợp đồng lao động ngắn hạn hoặc thậm chí không có hợp đồng, không tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT). Trong khi đó, chính sách BHXH tự nguyện hiện nay chưa thực sự hấp dẫn lao động di cư, nhất là đối với lao động di cư là nữ giới; còn độ bao phủ BHYT khu vực phi chính thức mà phần lớn là lao động di cư lại phụ thuộc vào tình trạng lao động có hay không có hợp đồng lao động. Khó khăn nữa là lao động di cư muốn mua BHYT cần sổ đăng ký tạm trú và văn bản đồng ý của chủ nhà, họ chỉ có thể mua BHYT tự nguyện khi chủ nhà cũng mua; các chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên hay đột xuất chưa có chính sách riêng dành cho người tạm trú ngắn hạn như lao động di cư. Vì vậy, lao động di cư bị hạn chế rất nhiều các phúc lợi về y tế khám chữa bệnh, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ thai sản...

Cùng với các vấn đề về việc làm, BHXH, BHYT, nhà ở cũng nằm

trong số các vấn đề lớn đối với lao động di cư. Lao động di cư thường sống trong những khu nhà thuê chật chội với điều kiện sinh hoạt kém hơn và phải trả mức phí cao hơn cho các tiện ích sinh hoạt như điện, nước. Tại các khu công nghiệp thu hút đông lao động phổ thông như: Bắc Ninh, Đồng Nai, Cần Thơ, Bình Dương..., tỷ lệ người di cư phải thuê/mượn nhà thường cao hơn hẳn; trong đó, Bình Dương là tỉnh có tỷ lệ người di cư phải thuê/mượn nhà của tư nhân cao nhất cả nước với tỷ lệ 74,5%. Đối với những lao động di cư, đặc biệt là lao động di cư từ nông thôn lên thành thị, tiền thuê nhà và các chi phí sinh hoạt ngày càng tăng do sự phát triển của xã hội tỷ lệ nghịch với mức sống giảm sút nghiêm trọng của họ. Kéo theo vấn đề nhà ở là những khó khăn liên quan đến tình trạng đăng ký hộ khẩu, tạm trú khiến cho lao động di cư thường phải chấp nhận trả khoản phí cao hơn khi buộc phải cho con học ở trường tư thay vì các trường công lập.

An sinh xã hội là biểu hiện rõ rệt của quyền con người đã được Liên hợp quốc thừa nhận, thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cao đẹp, truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, tương thân tương ái của cộng đồng. Mục đích của an sinh xã hội là tạo sự “an sinh” cho mọi thành viên trong xã hội, hướng tới sự hưng thịnh và hạnh phúc cho mọi người. Là lực lượng có đóng góp lớn vào phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, an sinh xã hội dành cho lao động di cư là điều rất cần thiết đối với sự phát triển toàn diện của đất nước. Điều này đã được Hiến pháp của nước Việt Nam quy định cụ thể với các quyền dành cho công dân Việt Nam, bao gồm quyền tự do di chuyển và cư trú, quyền

tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, quyền được đi học và có kiến thức, quyền được đi làm, quyền được sở hữu nhà ở, tài sản hợp pháp và quyền được tiếp cận với các dịch vụ kinh tế - xã hội một cách công bằng. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nêu rõ: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề. Có cơ chế, chính sách để định hướng dịch chuyển lao động, phân bố hợp lý lao động theo vùng; lao động di cư và gia đình được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội”. Trong quá trình phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn chú ý tới mục tiêu tạo sự bình đẳng cho các đối tượng lao động, trong đó có lao động di cư - là nhóm dễ bị tổn thương và gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách an sinh xã hội.

Xác định rõ vai trò, vị trí của lao động di cư đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, Chính phủ đã xác định việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, toàn diện, có chú trọng sự bao phủ tới đối tượng lao động di cư được tập trung vào 4 nội dung chính, đó là: (1) Tăng cường cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho lao động di cư thông qua các hoạt động hỗ trợ tín dụng, kết nối thông tin với thị trường lao động và chuyển đổi nghề nghiệp; (2) Mở rộng cơ hội cho lao động di cư tham gia hệ thống chính sách bảo hiểm (bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp) để chủ động đối phó khi thu nhập bị suy giảm hoặc bị mất hẳn việc làm do các rủi ro (thiên tai, dịch bệnh, ốm đau, tai nạn lao động...);

(3) Hỗ trợ thường xuyên đối với lao động di cư có hoàn cảnh đặc thù và hỗ trợ đột xuất khi họ gặp các rủi ro không lường trước hoặc vượt quá khả năng kiểm soát (dịch bệnh, thiên tai, bệnh hiểm nghèo,...) thông qua các khoản tiền mặt và hiện vật do ngân sách nhà nước bảo đảm; (4) Tăng tiếp cận của lao động di cư với hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, thông tin...

Bên cạnh đó, nhiều chính sách liên quan tới việc làm đã được ban hành nhằm hỗ trợ, tạo thuận lợi về việc làm cho lao động nói chung và lao động di cư nói riêng, như: Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chính sách hỗ trợ tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác; chính sách hỗ trợ phát triển tổ chức dịch vụ việc làm (thông qua trung tâm dịch vụ việc làm và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm); các chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện; các chính sách về an toàn, vệ sinh lao động... Nỗ lực triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án lớn trên phạm vi cả nước, như Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020...

Ngoài ra, trong bối cảnh tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường thế giới, với các hiệp định thương mại tự do đã ký, Việt Nam cũng đã có những cam kết với cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ lao động di cư trong nước. Tất cả những nỗ lực trên đều nhằm góp phần đảm bảo cơ hội được hưởng các quyền lợi một cách bình đẳng, đặc biệt là đảm bảo an sinh xã hội cho lao động di cư tại Việt Nam./.



VIỆT NAM TRƯỚC THÁCH THỨC AN NINH NGUỒN NƯỚC

Minh Đạt

Việt Nam là quốc gia có tài nguyên nước mặt, nước ngầm khá phong phú. Tuy nhiên, tình trạng sử dụng nước kém hiệu quả; việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phát triển kinh tế chưa bền vững... đang đặt Việt Nam đứng trước thách thức an ninh nguồn nước và tiếp tục cần có các chính sách, phương án quản lý nước tốt hơn trong thời gian tới.

Việt Nam trước thách thức an ninh nguồn nước

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nguồn tài nguyên nước khá phong phú cả về lượng mưa, nguồn nước mặt trong các hệ thống sông, hồ và nguồn nước dưới đất. Hiện, Việt Nam có 3.450 sông, suối có chiều dài từ 10 km trở lên. Tổng trữ lượng nước mặt của Việt Nam đạt khoảng 830 - 840 tỷ m³, trong đó các sông, suối xuyên biên giới chuyển vào nước ta lượng nước khoảng 520 tỷ m³ (chiếm khoảng 63%). Tổng tài nguyên dự báo nước dưới đất của cả nước khoảng 91 tỷ m³, trong đó nước nhạt khoảng 69 tỷ m³/năm (189,3 triệu m³/ngày). Trữ lượng nước nhạt đã được cấp phép khai thác là 3,6 tỷ m³/năm (9,9 triệu m³/ngày), còn có thể khai thác là 22,3 tỷ m³/năm (61,2 triệu m³/ngày).

Lượng mưa trung bình năm của Việt Nam vào khoảng 1.940-1.960 mm (tương đương với khoảng 640

tỷ m³/năm), nằm trong số quốc gia có lượng nước mưa lớn trên thế giới. Tổng lượng nước bình quân trên đầu người của Việt Nam vào khoảng 9.434 m³/người/năm,

Nhận thức được tầm quan trọng và là vấn đề cấp thiết của Việt Nam trong việc bảo đảm nguồn nước và nước sạch phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế bền vững, Việt Nam luôn khẳng định "nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, quyết định sự tồn tại, phát triển bền vững của đất nước". Từ nhiều thập kỷ qua, Chính phủ Việt Nam luôn nỗ lực tăng cường và kiện toàn, thể chế, chính sách trong lĩnh vực tài nguyên nước, đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia có chung nguồn nước với Việt Nam cũng như hợp tác và tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các quốc gia trên thế giới và khu vực để quản lý, bảo vệ hiệu quả tài nguyên nước. Cụ thể, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống

các văn bản quy phạm pháp luật từ Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Điện lực, Luật Đề điều, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp... Các nghị định, thông tư liên quan đến công tác an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, đời sống và an toàn hồ đập cũng đã được xây dựng khá đầy đủ, cùng với các điều ước quốc tế tạo ra cơ sở pháp lý cho công tác quản lý bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập. Đến nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam đã tiếp cận đầy đủ 4 yếu tố quản lý an ninh nguồn nước được các quốc gia trên thế giới thực hiện gồm: (I) bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái nước ngọt bền vững; (II) bảo đảm nhu cầu nước cho các mục đích sinh hoạt, sản xuất; (III) mọi người dân được tiếp cận đầy đủ nguồn nước sạch với chi phí hợp lý; (IV) người dân được bảo vệ trước rủi ro liên quan đến nước.

Cả nước có 429 công trình thủy điện đã được đưa vào khai thác,

các hồ chứa thủy điện với tổng dung tích khoảng 56 tỷ m³, chiếm 86% tổng dung tích hồ chứa trên địa bàn cả nước đáp ứng các yêu cầu trữ lượng, điều tiết dòng chảy phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất trong mùa khô và phòng, chống lũ, lụt trong mùa mưa, tạo điều kiện phát triển các ngành kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

Công tác quản lý tài nguyên nước không ngừng được tăng cường và đã có những bước tiến quan trọng. Theo đó, cơ cấu sử dụng nước ngày càng phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Tài nguyên nước phát triển theo hướng bền vững hơn; khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tổng hợp và đa mục tiêu, coi sản phẩm nước là hàng hoá và đẩy mạnh việc xã hội hoá các hoạt động bảo vệ, phát triển nguồn nước và cung ứng dịch vụ nước.

Có thể thấy nước đã đóng vai trò chủ đạo góp phần vào thành tựu sản xuất lúa gạo của Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới cũng như có vai trò quyết định trong tăng trưởng các sản phẩm cây công nghiệp như: Chè, cà phê, hồ tiêu, mía đường, cao su... Đặc biệt, không thể phủ nhận sự đóng góp quan trọng của nước trong sự tăng trưởng mạnh mẽ về sản lượng nuôi trồng thủy sản trong những năm gần đây đóng góp đáng kể cho ngân sách Nhà nước, đồng thời tạo được nhiều cơ hội về việc làm cho người lao động và góp phần không nhỏ vào phát triển các ngành sản xuất công nghiệp, du lịch, dịch vụ trong thời gian qua. Ngoài ra, nước còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm an ninh năng lượng của Việt Nam với tiềm năng thủy điện khá lớn. Dự báo tổng công suất thủy điện

đến năm 2025 là 33.310MW, trong đó trên 80% trong số này là từ các nhà máy thủy điện xây dựng trên các sông của Việt Nam.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong bảo vệ, giữ gìn, phát triển tài nguyên nước, an ninh nguồn nước của Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức không nhỏ liên quan đến nguồn nước và chất lượng nguồn nước.

Hiện Việt Nam chịu rủi ro về lượng nước, chất lượng nước rất lớn do các quốc gia thượng nguồn gia tăng các hoạt động thủy điện trên dòng chính sông Hồng, sông Mê Kông, trong khi đó các hồ chứa thủy điện và hồ chứa thượng nguồn chỉ có thể kiểm soát được 20% tổng lượng nước chảy vào Việt Nam. Cùng với đó là biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng đe dọa nguồn nước ngọt của các sông, nước dưới đất. BĐKH kéo theo hiện tượng thời tiết cực đoan làm gia tăng các loại hình thiên tai như: Bão, lũ, mưa lớn, hạn hán, xâm mặn, lượng mưa phân bố không đều trong năm, mùa khô kéo dài và mùa mưa lượng mưa tăng đột ngột; xâm nhập mặn, lũ ống, lũ quét, thay đổi lưu lượng dòng chảy... gây áp lực lên hệ thống thủy lợi, mực nước biển dâng cao, hạn chế diện tích canh tác.

Ngoài ra, hạ tầng kỹ thuật chưa đảm bảo để tích nước, hiệu quả sử dụng nước thấp, thất thoát nước lớn, sử dụng nước chưa tiết kiệm; nguồn nước phân bố không cân đối giữa các vùng, các lưu vực sông và không đều theo thời gian trong năm; nhu cầu nước gia tăng nhưng nguồn nước đang tiếp tục bị suy giảm đặc biệt là trong mùa khô; tình trạng ô nhiễm nguồn nước ngày càng tăng cả về mức độ, quy mô, nhiều nơi có nước nhưng không thể sử dụng do bị ô nhiễm; rừng đầu nguồn suy giảm, biến đổi

khí hậu, xâm nhập mặn tác động ngày càng mạnh mẽ tới tài nguyên nước; công tác quản trị nước, hợp tác quốc tế trong quản lý nguồn nước xuyên biên giới cũng còn những hạn chế nhất định.

Từ thực trạng nguồn nước hiện nay thì nguy cơ tiếp tục xảy ra thiếu nước trên diện rộng là rất cao, đặc biệt ở thời kỳ nắng nóng vào năm tới. Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, trong khoảng 20 - 30 năm tới, nhiều tỉnh, thành phố sẽ thiếu nước nghiêm trọng, đặc biệt là nước cho sản xuất nông nghiệp. Còn theo tính toán của WB thì tổng nhu cầu về nước vào mùa khô của Việt Nam sẽ gia tăng 32% vào năm 2030. Việt Nam sẽ đối mặt với tình trạng căng thẳng về nước đặc biệt là trên 4 lưu vực sông chính của Việt Nam: Hồng-Thái Bình, Cửu Long, Đồng Nai và nhóm lưu vực sông Đông Nam Bộ. Còn theo Ngân hàng thế giới (WB), Việt Nam được xếp là một trong số 5 quốc gia có khả năng bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi BĐKH; xếp thứ 91/191 quốc gia phải đối mặt với mức độ rủi ro thiên tai cao theo Chỉ số Quản lý rủi ro (INFORM), xếp thứ 16 toàn cầu về tác động nghiêm trọng do thiên tai liên quan đến khí hậu.

Giải pháp quản lý, sử dụng nước bền vững

Để đảm bảo quản lý, sử dụng nước bền vững an ninh nguồn nước trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp như:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, toàn diện bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho quản lý tài nguyên nước; hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng nước, nhất là nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; quy định về hành lang thoát, xả lũ.

Hai là, tập trung rà soát, bổ sung xây dựng và phê duyệt

quy hoạch tài nguyên nước quốc gia, quy hoạch hệ thống thủy lợi quốc gia, hệ thống đê điều quốc gia; xây dựng chiến lược bảo đảm an ninh nguồn nước đến năm 2045 và tầm nhìn đến cuối thế kỷ XXI.

Ba là, nghiên cứu, đề xuất các phương án thực hiện liên thông giữa các hồ, công trình thủy lợi ở từng địa phương, tiến tới khu vực, vùng miền và toàn quốc để tạo ra mạng lưới thủy lợi quốc gia trong tương lai. Đồng thời, chủ động phân phối nước, đưa nước từ nơi thừa sang nơi thiếu, chủ động tiêu thoát nước, xả lũ, ngăn mặn, giữ ngọt và nạo vét, khai thông, xây dựng các ao, hồ, đập, sông, suối, các kênh, rạch để có thể trữ nước ngọt.

Bốn là, cần bố trí nguồn lực ngân sách Nhà nước đầu tư,

nâng cấp sửa chữa bảo đảm an toàn cho hồ, đập; xem xét đưa vào kế hoạch 5 năm 2021-2025 những mục tiêu cấp bách; bố trí nguồn lực từ kế hoạch đầu tư công trung hạn để thực hiện bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập.

Năm là, nâng cao năng lực phân tích dự báo là cơ sở để xác định mục tiêu, chính sách, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế; chú trọng công tác thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước, xây dựng kết nối liên thông cơ sở dữ liệu tài nguyên nước đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

Sáu là, tiếp tục nâng cao trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quản lý Nhà nước về an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập,

tránh chồng chéo; rà soát lại việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương về quản lý nguồn nước và an toàn hồ đập; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức cho người dân, doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị đối với vấn đề bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập.

Bảy là, tăng cường quan hệ quốc tế với các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực, ký kết và tổ chức thực hiện các hiệp định để bảo vệ môi trường, bảo vệ các lưu vực sông, phối hợp, điều hòa nguồn nước hợp lý, hạn chế ở mức cao nhất sự tác động của con người vào tự nhiên, làm phá hoại môi trường tự nhiên, nhất là đối với lưu vực sông Mê Kông, sông Hồng..../.

DA GIÀY VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 43)

Năm 2021 cũng là năm được các doanh nghiệp da giày kỳ vọng sẽ có sự tăng trưởng mạnh về đơn hàng và kim ngạch xuất khẩu vì Việt Nam đang có lợi thế về phục hồi sản xuất sau Covid-19 so với các nước khác. Bên cạnh đó, khối doanh nghiệp FDI tiếp tục đầu tư mới và mở rộng sản xuất, sẽ giúp ngành da giày duy trì tăng trưởng xuất khẩu. Các Hiệp định thương mại tự do như: Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, UKVFTA và Hiệp định RCEP được ký kết và có hiệu lực, đặc biệt là Hiệp định thương mại tự do với Anh vừa kết thúc đàm phán và dự kiến sẽ đi vào thực thi trong năm 2021 sẽ là động lực lớn cho tăng trưởng của ngành da, giày, túi xách trong thời gian tới.

Hiệp hội Da giày túi xách Việt Nam cho biết, mục tiêu của ngành trong năm 2021 là kim ngạch xuất khẩu đạt trên 20 tỷ USD để bù đắp

cho những thiệt hại trong năm 2020. Chính vì vậy, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp trên thế giới, các doanh nghiệp ngành da giày cần tận dụng cơ hội, nâng cao năng lực sản xuất, đón đầu xu hướng dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc sang các nước khác, trong đó có Việt Nam. Bởi theo ước tính, chỉ cần khoảng 5-10% đơn hàng tại Trung Quốc dịch chuyển sang Việt Nam thì trong vòng 3-4 năm tới ngành da giày – túi xách Việt Nam có thể đạt được 30-40 tỷ USD.

Lefaso cũng cho rằng, ngành da giày cần kiên định chiến lược chủ lực tập trung cho xuất khẩu, tham gia mạnh vào chuỗi giá trị. Từ đại dịch Covid-19 cho thấy đứt gãy chuỗi cung gây ảnh hưởng cực kỳ nghiêm trọng tới sản xuất, buộc toàn ngành phải nhìn nhận lại chiến lược. Do đó, nếu phụ thuộc quá nhiều vào nhập khẩu nguyên phụ liệu, khi xảy ra vấn đề chuỗi cung ứng, doanh nghiệp sẽ rất bị động. Chính vì vậy, thời gian sắp tới là cơ hội rất tốt để toàn ngành và

Chính phủ thiết lập lại chính sách mạnh hơn cho phát triển công nghiệp hỗ trợ. Đây cũng là cơ hội để Việt Nam phát triển sản xuất nguyên phụ liệu trong nước.

Bên cạnh đó, ngành cần đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp trong tình hình mới, tăng cường chuyển đổi số trong quản lý, vận hành doanh nghiệp. Phát triển, mở rộng ngành sản xuất nguyên liệu, tăng tỷ lệ giá trị gia tăng, chủ động hơn trong chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu quy tắc xuất xứ. Đặc biệt, ngành da giày cần quan tâm tới vấn đề phát triển bền vững bởi trong các FTA thế hệ mới đều có *đề cập tới các nội dung* về phát triển bền vững. Điều này buộc tất cả các doanh nghiệp phải quan tâm đến vấn đề về môi trường, lao động.

Với những cơ hội mới trong khó khăn cùng sự đổi mới trong sản xuất, ngành da giày Việt Nam đang kỳ vọng vào sự tăng trưởng trở lại, từng bước xóa bỏ rào cản kỹ thuật và tiến sâu, rộng hơn vào thị trường thế giới trong thời gian tới./.

Hải Phòng: Sản xuất công nghiệp 02 tháng đầu năm tăng trưởng khá

Mặc dù dịch bệnh Covid-19 tái bùng phát trở lại vào thời điểm cuối tháng 01/2021, nhưng sản xuất công nghiệp 02 tháng đầu năm 2021 tại Hải Phòng vẫn đạt mức tăng trưởng khá. Tính chung 02 tháng đầu năm 2021, IIP toàn ngành công nghiệp tăng 22,12% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 2020 tăng 26,3%), trong đó, ngành chế biến, chế tạo là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp toàn thành phố tiếp tục đạt mức tăng cao, tăng 27,22%, đóng góp 24,85 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất thiết bị tự động tăng 95,8%; đóng tàu tăng 80,54%; sản xuất phụ tùng xe có động cơ tăng 72,51%; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản tăng 67,18%; sản xuất bê tông tăng 54,87%; sản xuất phân bón tăng 52,17%; sản xuất thiết bị truyền thông tăng 44,32%; sản xuất điện tử dân dụng tăng 38,6%; may mặc tăng 35%.../.

Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng

Nam Định: Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa 2 tháng đầu năm duy trì và phát triển ổn định

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu tại tỉnh Nam Định đạt 345,8 triệu USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực Nhà nước 5,8 triệu USD, tăng 11,8%; khu vực ngoài Nhà nước 86,9 triệu USD, giảm 27,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 253,1 triệu USD, tăng 44,3%. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng may mặc, lâm sản túi xách và giấy, dép.

Tổng trị giá hàng hóa nhập khẩu ước đạt 173 triệu USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực Nhà nước đạt 3,9 triệu USD, giảm 17,6%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 45,1 triệu USD, giảm 20,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 124 triệu USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu may, bông, xơ, sợi dệt, da và các mặt hàng liên quan.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nam Định

Điện Biên: Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Điện Biên phát triển tương đối ổn định. Ước tính số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 2 như sau: Đàn trâu 138,7 nghìn con, tăng 2,93% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò 81,6 nghìn con, tăng 6,19%; đàn lợn 314,8 nghìn con, tăng 2,93%; đàn gia cầm 4.575,32 nghìn con, tăng 4,81%.

Do nhu cầu tiêu dùng trong dịp tết Nguyên đán 2021 tăng, nên sản lượng thịt hơn gia súc, gia cầm tăng cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Dự ước

TIN ĐỊA PHƯƠNG

sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 02 và so với cùng kỳ năm trước: Trâu sản lượng 235,71 tấn, tăng 4,47%. Bò sản lượng 198,5 tấn, tăng 6,06%. Lợn sản lượng 1.080,62 tấn, tăng 2,53%. Gia cầm sản lượng 416,22 tấn, tăng 7,63%; sản lượng trứng gia cầm 6.970,45 nghìn quả, tăng 5,44%.../.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Điện Biên

Quảng Trị: Vận tải hành khách và hàng hóa tăng khá

Tháng 02 năm 2021 vào dịp Tết Nguyên đán nên nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa tại Quảng Trị tăng khá so với cùng kỳ năm trước; đặc biệt là số lượt hành khách vận chuyển tăng khá cao. Ước tính, số lượt hành khách vận chuyển tháng 02/2021 tăng 46,50% so với cùng kỳ năm trước và khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng 10,40%.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2021, doanh thu vận tải ước tính đạt 327,25 tỷ đồng, tăng 10,84% so với cùng kỳ năm trước; bao gồm: doanh thu vận tải hành khách 59,65 tỷ đồng, tăng 12,06%; doanh thu vận tải hàng hóa 221,98 tỷ đồng, tăng 9,61%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải 45,62 tỷ đồng, tăng 7,89%.

Số lượt hành khách vận chuyển 2 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 1.373,5 nghìn HK, tăng 11,02% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước tính đạt 110.194,7 nghìn HK.km, tăng 12,58%.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển 2 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 1.703,2 nghìn tấn, tăng 6,44% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 120.630,5 nghìn tấn.km, tăng 9,37%.../.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị

Quảng Ngãi: Chỉ số sản xuất công nghiệp 02 tháng đầu năm tăng trưởng khá

Tính chung 02 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tại Quảng Ngãi tăng trưởng khá, tăng 6,65% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 245,58%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,13%; sản xuất, phân phối điện tăng 207,82%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 16,13%.

Sản xuất công nghiệp 02 tháng đầu năm nay tăng khá do sản lượng nhiều sản phẩm tăng cao như: Tinh bột mì trên địa bàn tăng 4.937 tấn; bia các loại tăng 9.218 ngàn lít; sợi tăng 1.990 tấn; giày da các loại tăng 333 ngàn đôi; sắt, thép tăng 455.819 tấn; điện sản xuất tăng 96,39 triệu kwh.../.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi

Ninh Thuận: Hoạt động thương mại, dịch vụ khá sôi động

Tháng Hai là tháng Tết Nguyên đán nên dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng hoạt động thương mại, dịch vụ tại Ninh Thuận vẫn phát triển khá sôi động. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Hai ước tính đạt 2.240,5 tỷ đồng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 1.774,6 tỷ đồng, tăng 1,9% và tăng 21,5%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 289,8 tỷ đồng, giảm 4,7% và tăng 4,5%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 0,02 tỷ đồng, giảm 87,3% và giảm 10%; doanh thu dịch vụ khác đạt 176,0 tỷ đồng, giảm 5,3% và tăng 15,9%.

Tính chung hai tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4.472,4 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm trước./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận

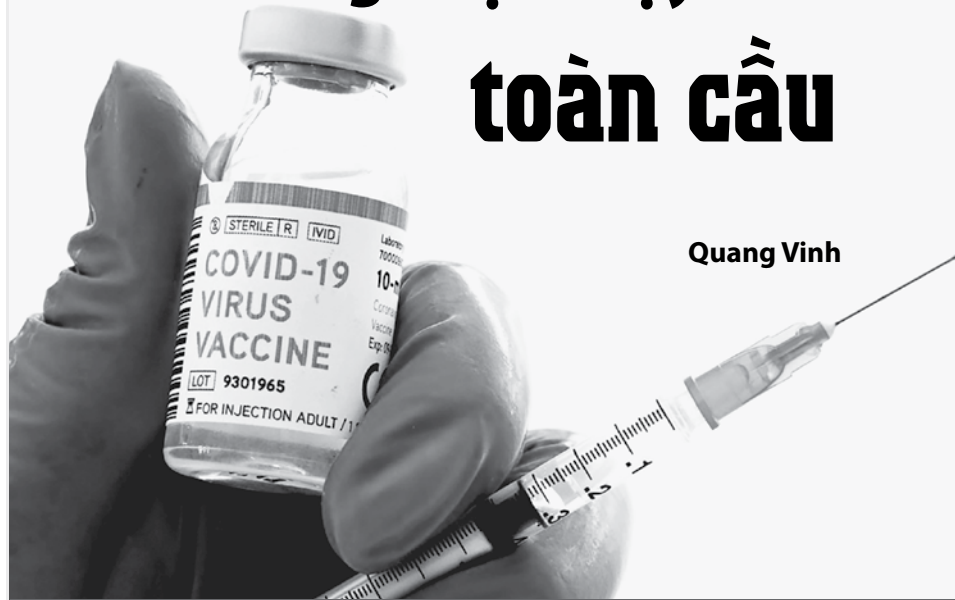
Tây Ninh: Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng tháng 02 năm 2021 tăng 21,42% so với cùng kỳ

Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ước thực hiện trong tháng 2 năm 2021 được 2.840,64 tấn, tăng 21,42% so với cùng kỳ, trong đó, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 230 tấn, chiếm tỷ trọng 8,39% trong tổng sản lượng thủy sản thực hiện trong kỳ, giảm 1,96% (-6,6 tấn) so cùng kỳ; sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 2.510,64 tấn, chiếm tỷ trọng 91,61% trong tổng sản lượng thủy sản thực hiện trong kỳ, tăng 25,35% (+507,66 tấn) so cùng kỳ.

Sản lượng giống thủy sản ước thực hiện đến tháng 2 đạt 3,7 triệu con, tăng 1,09% so cùng kỳ, do diện tích thu hoạch giống tăng, thể tích thu hoạch cũng tăng, sản lượng giống tăng ở giống cá tra và giống ba ba, nên tình hình sản xuất giống trên địa bàn tỉnh tăng nhẹ so với cùng kỳ./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh

Vaccine Covid-19 và những cuộc chạy đua toàn cầu



Quang Vinh

Trong suốt hơn 1 năm qua, cả thế giới phải lao đao do đại dịch Covid-19 hoành hành. Để nhanh chóng đẩy lùi dịch bệnh, nhiều quốc gia đã dốc sức đầu tư vào nghiên cứu phát triển vaccine ngừa Covid-19.

Sau nhiều nỗ lực chạy đua với thời gian, đến nay một số loại vaccine ngừa Covid-19 an toàn, hiệu quả đã được đưa vào sản xuất và thực hiện tiêm chủng mở rộng. Đây như một phép màu, mang lại kỳ vọng kết thúc một cuộc khủng hoảng tồi tệ đã bao trùm cả năm 2020, nhưng cũng lại "châm ngòi" cho những cuộc chạy đua trên toàn thế giới.

Trong bối cảnh phải hứng chịu những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 như nền kinh tế bị suy thoái trầm trọng, nhiều ngành kinh tế đóng băng, hàng loạt người dân thất nghiệp... các nước lớn đã nhanh chóng bắt tay vào nghiên cứu phát triển vaccine Covid-19. Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), trên thế giới hiện có hàng trăm dự án nghiên cứu và phát triển vaccine ngừa virus SARS-CoV-2 với hàng chục quốc gia đang tham gia, tạo thành "cuộc đua" toàn cầu.

Tại Nga, công tác nghiên cứu điều chế vaccine ngừa Covid-19 được đẩy mạnh từ tháng 3/2020, với hai đầu tàu nghiên cứu là Viện nghiên cứu dịch tễ học và vi trùng học quốc gia mang tên Gamalei và Trung tâm nghiên cứu virus sinh học và công nghệ sinh học quốc gia (Vector). Chỉ sau 5 tháng nghiên cứu với kết quả thử nghiệm vaccine cho thấy sự phát huy hiệu quả, có độ an toàn cao và khả năng miễn dịch kéo dài đến 2 năm, tháng 8/2020,

Bộ y tế Nga cấp phép cho vaccine phòng ngừa Covid-19 có tên gọi "SPUTNIK-V". Điều này đã đưa Nga trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới cấp phép cho vaccine ngừa Covid-19. Đầu tháng 12/2020, Nga tiếp tục trở thành nước đi đầu triển khai tiêm phòng vaccine ngừa Covid-19 đại trà cho người dân thông qua hệ thống 70 cơ sở y tế. Không chỉ mang lại sự an toàn cho công dân của mình, vaccine SPUTNIK-V của Viện Gamaleya phát triển đã thu hút sự chú ý của toàn cầu và nhận được các đơn đăng ký đặt mua hơn 1 tỷ liều từ 20 quốc gia, trong đó Mỹ Latinh, Trung Đông và các nước Châu Á quan tâm mua nhiều nhất.

Là quốc gia khởi đầu của dịch bệnh Covid-19 và xem phát triển vaccine Covid-19 như một "nhiệm vụ chính trị" quan trọng, Trung Quốc là quốc gia đầu tiên bắt tay vào nghiên cứu phát triển vaccine từ tháng 01/2020, khi công bố dữ liệu về trình tự gene của nCoV (tên gọi đầu tiên của SARS-CoV-2). Đến tháng 7/2020 Trung Quốc là một trong những ứng viên dẫn đầu trong cuộc đua của thế giới để tìm kiếm vaccine phòng, chống Covid-19, đến nay đã có 4 loại vaccine đang được thử nghiệm giai đoạn 3 (thử nghiệm lâm sàng trên người). Đây là bước thử nghiệm cuối cùng và quan trọng nhất trước khi nộp đơn xin chấp thuận lên cơ quan quản lý. Tuy nhiên, quốc gia này đã thực sự chậm chân hơn so với Mỹ và các nước châu Âu bởi mãi đến cuối tháng 12/2020, Chính quyền Trung Quốc mới cho phép đưa ra thị trường loại vac-xin đầu tiên do Hãng dược Sinopharm của nước này sản xuất, nhưng là cấp phép "có điều kiện". Đầu tháng 2/2021 mới đây, Cơ quan Quản lý dược phẩm Trung Quốc tiếp tục phê duyệt cho tiêm chủng

đại trà đối với vắc xin COVID-19 CoronaVac của Hãng dược Sinovac.

Ở Mỹ, giữa lúc các bệnh viện quá tải vì Covid-19, hàng chục triệu người thất nghiệp, nền kinh tế lao dốc và trường học khó có thể tái mở cửa, đồng ý đề xuất của Bộ Y tế, vào tháng 5/2020, Chính quyền nước này đã phát động Chiến dịch thần tốc (Warp Speed) có ngân sách là hơn 18 tỉ USD, để hỗ trợ tìm ra vaccine trước tháng 10/2020. Đây là một dự án hợp tác giữa Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng Mỹ nhằm rút ngắn thời gian nghiên cứu phát triển và sản xuất vaccine xuống còn 8 tháng bằng cách kết hợp 3 lực lượng là các công ty dược phẩm, các cơ quan chính phủ và quân đội. Chiến dịch này được đánh giá là vô cùng tham vọng do một loại vaccine mới thường mất nhiều năm để phát triển. Đã có nhiều doanh nghiệp tham gia vào cuộc đua sản xuất vaccine ở Mỹ, trong đó nổi lên là tập đoàn dược phẩm Pfizer. Nhờ có sự hỗ trợ hậu cần và cắt giảm thủ tục của chính quyền Mỹ, Tập đoàn này Pfizer đã bắt tay với công ty Công nghệ sinh học BioNtech (Đức) nghiên cứu thành công vaccine Pfizer/BioNTech có hiệu quả 95% trên người. Với kết quả này, Mỹ và hàng loạt các quốc gia châu Âu như Anh, Canada... đã đặt hàng, cho cấp phép sử dụng vaccine của liên danh Pfizer/BioNTech và triển khai chương trình khởi động tiêm chủng toàn quốc vào cuối tháng 12/2020.

Thời gian qua, bên cạnh cái "bắt tay" giữa Tập đoàn này Pfizer (Mỹ) và Công ty Công nghệ sinh học BioNtech (Đức), thế giới còn được chứng kiến sự hợp tác của hãng dược phẩm liên doanh Anh - Thụy Điển AstraZeneca và Đại học Oxford (Anh) phối hợp bào chế. Việc Cơ quan Quản lý dược phẩm và các sản phẩm y tế của

Anh (MHRA) phê duyệt cho sử dụng vaccine AstraZeneca/Oxford những ngày cuối cùng của năm 2020 và triển khai tiêm phòng trên toàn nước vào đầu tháng 1 vừa qua được xem như một thành công lớn của nền khoa học nước này trong cuộc chạy đua với Covid-19.

Trong cuộc đua nghiên cứu và phát triển vaccine Covid-19, Việt Nam cũng chứng tỏ sự tự tin, tự lực, tự cường trong bảo vệ người dân trước đại dịch lịch sử. Từ tháng 3/2020, trước diễn biến phức tạp khó lường của dịch Covid-19, Bộ Y tế đã khảo sát tính sẵn sàng của các đơn vị sản xuất vaccine trong nước và đề nghị các đơn vị đề xuất phương án nghiên cứu, sản xuất vaccine phòng Covid-19. Tính đến nay, Việt Nam có 4 nhà sản xuất đang nghiên cứu vaccine COVID-19 theo các hướng công nghệ khác nhau là: Công ty TNHH Một thành viên vaccine và sinh phẩm số 1 (VABIOTECH), Viện vaccine và Sinh phẩm Y tế (IVAC), Trung tâm Nghiên cứu sản xuất vaccine và sinh phẩm y tế (POLYVAC), Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Dược NANOGEN. Thông thường, mỗi quy trình nghiên cứu và phát triển một vaccine phải mất thời gian khoảng 7- 12 năm. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp như hiện nay, Bộ Y tế đã xem xét quy trình nghiên cứu vaccine phòng bệnh Covid-19 ở nước ta, rút gọn một số công đoạn hành chính song vẫn phải bảo đảm theo quy định những nội dung về chuyên môn, khoa học, kỹ thuật. Với sự tham vấn của tổ chức WHO, các chuyên gia trong nước, mới đây Bộ Y tế cho biết, thời gian nghiên cứu vaccine ngừa Covid-19 có thể rút ngắn 50% thời gian kế hoạch đặt ra.

Như vậy, tính đến nay, nhiều loại vaccine đã được cấp phép như: Sputnik V (Nga), Pfizer/ BioNTech, Novavax, Johnson & Johnson,

Moderna, Inovio (Mỹ), Covaxin (Ấn Độ), Oxford/AstraZeneca (Anh), Sinovac, Sinopharm (Trung Quốc)... Việc sản xuất thành công vaccine covid-19 là một món quà tuyệt vời cho thế giới trong năm 2021, thế nhưng WHO cho rằng dường như quá trình nghiên cứu và phát triển vaccine của các nước đều được thực hiện theo kiểu “mạnh ai nấy làm”. Trên thực tế, mỗi quốc gia đều tự đặt ra tiêu chuẩn và tự công bố vaccine do mình sản xuất, không hợp tác và không chia sẻ thông tin để cùng nghiên cứu và phát triển vaccine. Thậm chí một số quốc gia còn không công nhận và hoài nghi lẫn nhau. Điều này không những gây bất lợi cho quá trình nghiên cứu và phát triển vaccine trên toàn cầu, mà còn gây nên một loạt trở ngại nghiêm trọng và vấn đề phức tạp cho việc tiêm chủng và đánh giá hiệu quả của vaccine trong tương lai.

Bên cạnh đó, nhiều nước đã coi cuộc cạnh tranh nghiên cứu và phát triển vaccine là cuộc cạnh tranh chiến lược quốc tế, bởi việc nghiên cứu và phát triển ra vaccine trước không những có thể nắm quyền chủ động trong cuộc chiến chống lại dịch bệnh, khôi phục kinh tế của đất nước, mà còn mang lại lợi nhuận hàng chục, thậm chí hàng trăm tỷ USD.

Điều mà các tổ chức y tế toàn cầu lo ngại là nhiều nước áp dụng chủ nghĩa bảo hộ quốc gia vào quá trình này, nhấn mạnh ưu tiên cung cấp và đáp ứng nhu cầu trong nước, dẫn tới sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận vaccine giữa các nước trên thế giới.

Theo một báo cáo về nguồn cung vaccine Covid-19 do một chiến dịch chống đói nghèo có tên gọi ONE Campaign thực hiện trên cơ sở phân tích hợp đồng mua vaccine của các quốc gia từ 5 nhà sản xuất vaccine Covid-19

hàng đầu thế giới hiện nay, gồm Pfizer/BioNTech, Moderna, AstraZeneca/Oxford, Johnson & Johnson, và Novavax cho biết, tính đến thời điểm hiện tại, Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Anh, Australia, Canada và Nhật Bản đã ký hợp đồng mua hơn 3 tỷ liều vaccine Covid-19, nhiều hơn trên 1 tỷ liều so với con số 2,06 tỷ liều cần thiết để tiêm mỗi người 2 mũi cho toàn bộ dân số của các nước này. Thậm chí chính phủ Canada đã đảm bảo số lượng vaccine gấp 5-6 lần nhu cầu tiêm cho công dân trong nước. Điều này khiến các nước nghèo hơn phải đối mặt với tình trạng khan hiếm vaccine, đặc biệt là khu vực châu Phi và đưa đến nguy cơ đại dịch kéo dài. Giới chuyên gia ước tính 90% nước nghèo có thể sẽ không nhận được vaccine Covid-19 để tiêm chủng trong năm 2021 do nguồn hàng bị các nước giàu mua gom.

Cuộc tranh giành vaccine không chỉ diễn ra giữa các nước mà thậm chí còn diễn ra trong nội bộ một quốc gia. Điển hình là cuộc tranh giành quyền ưu tiên vaccine Covid-19 đang trở nên nóng hơn bao giờ hết đối với các doanh nghiệp và người lao động Mỹ, để xác định những ngành nghề nào sẽ là đối tượng được ưu tiên hàng đầu. Nhiều doanh nghiệp Mỹ đã xúc tiến vận động hành lang, nhằm thúc đẩy việc đưa các nhân viên của mình làm đối tượng tiêm chủng được ưu tiên đầu tiên. Bên cạnh đó, nhiều chuyên gia y tế còn cho biết đã có những lời đề nghị “đổi vaccine” bằng các khoản thanh toán khổng lồ lên đến hàng chục nghìn USD kèm theo các khoản quyên góp lớn.

Hay như tại Ba Lan, Bộ Y tế vừa mở một cuộc điều tra sau khi có thông tin nhiều nhân vật nổi tiếng, bao gồm các chính trị gia, diễn viên nổi tiếng dùng tiền và

ảnh hưởng để “cướp lượt” tiêm vaccine ngừa COVID-19.

Để đảm bảo khả năng tiếp cận vaccine của những nước nghèo, COVAX - một liên minh có gần 190 quốc gia tham gia, đang tìm cách đảm bảo sự tiếp cận vaccine nhanh chóng, công bằng và hợp lý cho người dân ở tất cả mọi quốc gia. Dưới sự đồng chỉ đạo của Gavi, Liên minh Đối mới sáng tạo sẵn sàng cho dịch bệnh (CEPI) và WHO, COVAX đã xúc tiến các thỏa thuận với 9 hãng chế tạo dược phẩm để đặt mua vaccine ngay khi chúng được thông qua sử dụng. Cho đến nay, Liên minh châu Âu (EU) và cá nhân các nước thành viên EU đã có những đóng góp lớn cho nỗ lực này với khoảng 850 triệu euro (tương đương 1 tỷ USD), tiếp đến là Quỹ Bill & Melinda Gates và các nhà tài trợ lớn khác. Ngày 18/2 mới đây, WHO đã lên tiếng kêu gọi các quốc gia có vaccine Covid-19 không chia sẻ nguồn cung vaccine này một cách đơn phương, mà tài trợ vaccine cho chương trình COVAX để đảm bảo sự phân phối công bằng.

Ngoài COVAX còn có một số nỗ lực hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các nước nghèo. Ví dụ như theo Sáng kiến Đình chỉ Nghĩa vụ Trả Nợ (DSSI) chung của WB và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), 73 quốc gia nghèo đã được phép hoãn trả nợ cho đến tháng 6/2021; Ngân hàng Thế giới (WB) đã trao 160 tỷ USD cho các nước khách hàng của mình để tăng khả năng tiếp cận của họ với vaccine Covid-19...

Vaccine mang lại cơ hội để chấm dứt đại dịch. Tuy nhiên vaccine chỉ thực sự hiệu quả khi cộng đồng quốc tế và các hãng dược thực hiện bài toán phân phối vaccine công bằng trong năm 2021. Đây là một thách thức không nhỏ khi trên thực tế, nhu cầu vaccine trong năm nay vẫn có thể vượt quá nguồn cung./.



**CUNG CẤP THÔNG TIN ĐẦY ĐỦ, KỊP THỜI, CHÍNH XÁC
LÀ QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA**